

Số: 2592 /QĐ-ĐHNL-ĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành “Điều lệ trường Đại học”;

Căn cứ Quyết định số 25/2006/QĐ-BGD-ĐT ngày 26 tháng 6 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành “Quy chế đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy”;

Căn cứ Quyết định số 43/2007/QĐ-BGD-ĐT ngày 15 tháng 8 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo v/v ban hành “Quy chế đào tạo ĐH, CĐ hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ”;

Căn cứ biên bản xét tốt nghiệp của các Khoa/Bộ môn trực thuộc;

Xét đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp trường ngày 10/10/2012.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 147 sinh viên hệ Cao đẳng và 1536 sinh viên hệ Đại học chính quy các ngành.

(danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên trong danh sách được nhận bằng tốt nghiệp Đại học hệ chính quy theo đúng quy chế của Bộ Giáo Dục và Đào Tạo đã ban hành sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết cho Nhà trường.

Điều 3. Các ông Trưởng Phòng Đào tạo, Ban Chủ nhiệm các Khoa, Bộ môn, các đơn vị có liên quan và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Các Khoa/Bộ môn (để thực hiện);
- Lưu HC, ĐT.


PGS.TS. NGUYỄN HAY



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Kèm theo quyết định số 2592 /QĐ-ĐHNL-ĐT - Ký ngày 11 tháng 11 năm 2012

Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: CD08CS										
1	07336033	NGÔ ĐÌNH HOÀNG	DUNG	15/05/89	Nữ	2.51	106	Khá	246/2012	Cử nhân Cao đẳng
2	07336035	ĐỖ ANH	DŨNG	28/03/89	Nam	2.03	106	Trung bình	247/2012	Cử nhân Cao đẳng
3	08169115	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	07/11/89	Nữ	2.26	106	Trung bình	248/2012	Cử nhân Cao đẳng
4	08169150	LÊ QUANG	LONG	25/01/90	Nam	2.30	106	Trung bình	249/2012	Cử nhân Cao đẳng
5	08169175	TRẦN THỊ MỸ	NGÂN	21/11/90	Nữ	2.20	106	Trung bình	250/2012	Cử nhân Cao đẳng
6	08169178	HUYỀN THỊ MỸ	NGỌC	19/01/90	Nữ	2.33	106	Trung bình	251/2012	Cử nhân Cao đẳng
7	08169195	NGUYỄN VĂN	NINH	14/04/90	Nam	2.32	106	Trung bình	252/2012	Cử nhân Cao đẳng
8	08169197	NGÔ THỊ	OANH	20/06/89	Nữ	2.03	106	Trung bình	253/2012	Cử nhân Cao đẳng
9	08169297	TRẦN THANH	TRUNG	01/06/89	Nam	2.12	106	Trung bình	254/2012	Cử nhân Cao đẳng
10	08169332	TRƯƠNG QUANG	VINH	16/08/88	Nam	2.19	106	Trung bình	255/2012	Cử nhân Cao đẳng
Lớp: CD09CS										
1	09336027	LẠI XUÂN	CƯỜNG	10/01/91	Nam	2.05	107	Trung bình	256/2012	Cử nhân Cao đẳng
2	09336058	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	21/07/91	Nữ	3.25	106	Giỏi	257/2012	Cử nhân Cao đẳng
3	09336085	NGUYỄN THỊ	KHOA	18/07/91	Nữ	2.89	106	Khá	258/2012	Cử nhân Cao đẳng
4	09336124	LÊ VĂN	NGỌC	12/08/91	Nam	3.03	106	Khá	259/2012	Cử nhân Cao đẳng
5	09336138	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	20/02/91	Nữ	2.84	106	Khá	260/2012	Cử nhân Cao đẳng
6	09336154	PHẠM MINH	QUỲNH	27/11/91	Nam	2.69	106	Khá	261/2012	Cử nhân Cao đẳng
7	09336199	TRẦN BÙI TRÚC	THÚY	05/03/91	Nữ	2.82	106	Khá	262/2012	Cử nhân Cao đẳng
8	09336224	PHẠM THÀNH	TRUNG	16/04/91	Nam	2.33	106	Trung bình	263/2012	Cử nhân Cao đẳng

TRƯỜNG
ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM
HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Nguyễn Hay



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Kèm theo quyết định số 2592 /QĐ-ĐHNL-ĐT - Ký ngày 14 tháng 11 năm 2012

Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: CD08TH									
1	08165001	NGUYỄN THẾ BÔN	12/10/90	Nam	2.04	109	Trung bình	243/2012	Cử nhân Cao đẳng
2	08167017	NGUYỄN PHÚC THẮNG	03/07/89	Nam	2.49	109	Trung bình	244/2012	Cử nhân Cao đẳng
Lớp: CD09TH									
1	09344021	NGUYỄN THẾ TÀI	17/02/91	Nam	2.63	108	Khá	245/2012	Cử nhân Cao đẳng



PGS.TS. Nguyễn Hay



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Kèm theo quyết định số 2596 /QĐ-DHNL-ĐT - Ký ngày 14 tháng 11 năm 2012

Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ)

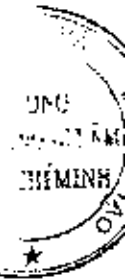
STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: CD08CA										
1	08168007	NGUYỄN THỊ NGỌC	BÍCH	28/01/90	NỮ	2.17	107	Trung bình	117/2012	Cử nhân Cao đẳng
2	08168010	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	16/03/90	Nam	2.47	107	Trung bình	118/2012	Cử nhân Cao đẳng
3	08168032	TRẦN THỊ THU	HẠNH	16/10/90	NỮ	2.30	107	Trung bình	119/2012	Cử nhân Cao đẳng
4	08168037	HÀ THỊ	HOA	12/05/89	NỮ	2.35	107	Trung bình	120/2012	Cử nhân Cao đẳng
5	08168041	HÀ THỊ KIM	HỒNG	14/09/87	NỮ	2.20	107	Trung bình	121/2012	Cử nhân Cao đẳng
6	08168043	NGUYỄN THỊ NGỌC	HỒNG	21/12/90	NỮ	2.28	107	Trung bình	122/2012	Cử nhân Cao đẳng
7	08168064	VŨ THỊ	LEN	23/12/90	NỮ	2.36	107	Trung bình	123/2012	Cử nhân Cao đẳng
8	08168078	NGUYỄN THỊ	LÝ	06/09/90	NỮ	2.43	107	Trung bình	124/2012	Cử nhân Cao đẳng
9	08168094	VÕ THỊ TỐ	NGA	20/11/90	NỮ	2.30	108	Trung bình	125/2012	Cử nhân Cao đẳng
10	08168098	MAI THỊ THÚY	NGỌC	20/09/89	NỮ	2.34	107	Trung bình	126/2012	Cử nhân Cao đẳng
11	08168101	NGUYỄN THỊ KIM	NGỌC	01/01/90	NỮ	2.04	107	Trung bình	127/2012	Cử nhân Cao đẳng
12	08168208	CAO THÁI	NGUYỄN	04/04/90	Nam	2.35	107	Trung bình	128/2012	Cử nhân Cao đẳng
13	08168116	BÙI THỊ	PHƯƠNG	01/05/90	NỮ	2.52	108	Khá	129/2012	Cử nhân Cao đẳng
14	08168134	ĐỖ HOÀNG	THANH	18/09/90	Nam	2.33	108	Trung bình	130/2012	Cử nhân Cao đẳng
15	08168139	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	10/07/89	Nam	2.38	107	Trung bình	131/2012	Cử nhân Cao đẳng
16	08168173	NGUYỄN HUYỀN	TRANG	02/12/90	NỮ	2.49	108	Trung bình	132/2012	Cử nhân Cao đẳng
17	08168179	LÊ THỊ MỸ	TRÂM	20/01/91	NỮ	2.24	108	Trung bình	133/2012	Cử nhân Cao đẳng
18	08168180	ĐẶNG BẢO	TRẦN	26/05/90	NỮ	2.45	107	Trung bình	134/2012	Cử nhân Cao đẳng
19	08168188	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	10/02/90	Nam	2.36	108	Trung bình	135/2012	Cử nhân Cao đẳng
20	08168200	NGUYỄN THỊ THU	VÂN	28/09/90	NỮ	2.12	108	Trung bình	136/2012	Cử nhân Cao đẳng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: CD09CA										
1	09363014	LÊ THỊ ANH		21/07/91	Nữ	2.80	107	Khá	137/2012	Cử nhân Cao đẳng
2	09363017	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	16/09/91	Nữ	2.86	108	Khá	138/2012	Cử nhân Cao đẳng
3	09363032	NGUYỄN PHÚ CHÂU		07/11/91	Nam	2.49	107	Trung bình	139/2012	Cử nhân Cao đẳng
4	09363034	PHẠM THỊ KIM CHI		16/02/91	Nữ	3.03	108	Khá	140/2012	Cử nhân Cao đẳng
5	09363054	BÙI THỊ GIANG		20/10/90	Nữ	2.51	107	Khá	141/2012	Cử nhân Cao đẳng
6	09363055	ĐỖ THỊ GIANG		29/06/90	Nữ	2.70	107	Khá	142/2012	Cử nhân Cao đẳng
7	09363058	TRẦN THỊ NGỌC GIÀU		19/06/91	Nam	2.72	107	Khá	143/2012	Cử nhân Cao đẳng
8	09363065	NGUYỄN LÊ HOÀNG HẢI		20/08/91	Nam	2.91	107	Khá	144/2012	Cử nhân Cao đẳng
9	09363070	LÊ THỊ THÚY HẰNG		26/05/90	Nữ	2.74	107	Khá	145/2012	Cử nhân Cao đẳng
10	09363275	NGUYỄN THỊ THU HẰNG		12/03/91	Nữ	2.93	107	Khá	146/2012	Cử nhân Cao đẳng
11	09363072	VĂN THỊ THU HẰNG		27/06/91	Nữ	2.97	107	Khá	147/2012	Cử nhân Cao đẳng
12	09363073	VÕ THỊ THÚY HẰNG		03/03/91	Nữ	3.01	108	Khá	148/2012	Cử nhân Cao đẳng
13	09363080	TRẦN THỊ HOÀN		16/03/91	Nữ	3.20	107	Giỏi	149/2012	Cử nhân Cao đẳng
14	09363081	TRINH THỊ MỸ HOÀN		01/08/91	Nữ	2.96	108	Khá	150/2012	Cử nhân Cao đẳng
15	09363101	PHẠM THỊ THANH LAN		09/09/91	Nữ	2.20	107	Trung bình	151/2012	Cử nhân Cao đẳng
16	09363105	NGUYỄN THỊ BÍCH LIÊN		08/02/91	Nữ	2.26	107	Trung bình	152/2012	Cử nhân Cao đẳng
17	09363106	NGUYỄN THỊ BÉ LIÊU		25/05/91	Nữ	2.52	108	Khá	153/2012	Cử nhân Cao đẳng
18	09363112	LÊ THỊ MỸ LINH		16/02/91	Nữ	2.67	109	Khá	154/2012	Cử nhân Cao đẳng
19	09363115	PHẠM THANH LONG		17/10/91	Nam	2.53	107	Khá	155/2012	Cử nhân Cao đẳng
20	09363131	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC		22/03/91	Nữ	3.27	107	Giỏi	156/2012	Cử nhân Cao đẳng
21	09363132	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC		25/08/91	Nữ	2.67	108	Khá	157/2012	Cử nhân Cao đẳng
22	09363135	TRẦN THỊ NHẤN		12/04/91	Nữ	2.58	108	Khá	158/2012	Cử nhân Cao đẳng
23	09363137	BÙI THỊ CẨM NHUNG		28/05/91	Nữ	2.30	107	Trung bình	159/2012	Cử nhân Cao đẳng
24	09363150	LÊ LAN PHƯƠNG		15/06/90	Nữ	2.72	108	Khá	160/2012	Cử nhân Cao đẳng
25	09363152	NGUYỄN UYÊN PHƯƠNG		27/04/90	Nữ	2.50	108	Khá	161/2012	Cử nhân Cao đẳng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
26	09363153	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	04/04/91	NỮ	2.79	109	Khá	162/2012	Cử nhân Cao đẳng
27	09363161	NGUYỄN THỊ KIM	QUYÊN	11/06/90	NỮ	2.53	108	Khá	163/2012	Cử nhân Cao đẳng
28	09363162	NGUYỄN THỊ LAN	QUYÊN	28/02/91	NỮ	2.46	108	Trung bình	164/2012	Cử nhân Cao đẳng
29	09363163	NGUYỄN YẾN	QUYÊN	06/10/91	NỮ	3.14	108	Khá	165/2012	Cử nhân Cao đẳng
30	09363164	PHẠM HOÀNG LÊ	QUYÊN	06/03/90	NỮ	2.65	107	Khá	166/2012	Cử nhân Cao đẳng
31	09363181	PHẠM THỊ	THẢO	22/07/91	NỮ	3.03	107	Khá	167/2012	Cử nhân Cao đẳng
32	09363188	BÙI THỊ MINH	THỊ	02/06/91	NỮ	3.00	108	Khá	168/2012	Cử nhân Cao đẳng
33	09363191	HÀN NHƯ	THIỆN	24/11/91	NỮ	2.78	107	Khá	169/2012	Cử nhân Cao đẳng
34	09363193	SIÊU THỊ KIM	THOÀ	31/07/91	NỮ	2.79	108	Khá	170/2012	Cử nhân Cao đẳng
35	09363203	GIANG THỊ HỒNG	THÙY	27/01/91	NỮ	2.60	107	Khá	171/2012	Cử nhân Cao đẳng
36	09363207	PHẠM THỊ THU	THÙY	01/01/91	NỮ	2.29	107	Trung bình	172/2012	Cử nhân Cao đẳng
37	09363216	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	28/04/91	NỮ	2.81	109	Khá	173/2012	Cử nhân Cao đẳng
38	09363227	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	15/07/91	NỮ	2.75	107	Khá	174/2012	Cử nhân Cao đẳng
39	09363232	PHẠM ĐỖ BÍCH	TRÂM	20/03/91	NỮ	2.79	107	Khá	175/2012	Cử nhân Cao đẳng
40	09363255	NGUYỄN THỊ TỐ	UYÊN	25/07/91	NỮ	2.47	107	Trung bình	176/2012	Cử nhân Cao đẳng
41	09363265	LÊ THỊ	XUÂN	04/08/91	NỮ	2.61	107	Khá	177/2012	Cử nhân Cao đẳng
42	09363272	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	30/08/91	NỮ	2.22	107	Trung bình	178/2012	Cử nhân Cao đẳng


 PGS.TS. Nguyễn Hay



BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Kèm theo quyết định số 1592 /QĐ-DHNL-ĐT - Ký ngày 14 tháng 11 năm 2012

Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: CD08CQ									
1	08166003	NGUYỄN VIỆT ANH	10/07/89	Nam	2.06	102	Trung bình	179/2012	Cử nhân Cao đẳng
2	08166006	ĐỖ VĂN BA	04/06/89	Nam	2.61	102	Khá	180/2012	Cử nhân Cao đẳng
3	08166016	NGUYỄN THẾ CƯỜNG	01/05/89	Nam	2.92	102	Khá	181/2012	Cử nhân Cao đẳng
4	08166021	HỒ THỊ XUÂN DIỆU	19/12/89	Nữ	2.22	103	Trung bình	182/2012	Cử nhân Cao đẳng
5	08166029	PHẠM VĂN ĐỊNH	22/01/86	Nam	2.34	104	Trung bình	183/2012	Cử nhân Cao đẳng
6	08166047	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	02/05/90	Nam	2.42	103	Trung bình	184/2012	Cử nhân Cao đẳng
7	08166055	BÙI VĂN HUẤN	01/01/90	Nam	2.39	103	Trung bình	185/2012	Cử nhân Cao đẳng
8	08166056	BÙI TUẤN HÙNG	16/12/88	Nam	2.42	102	Trung bình	186/2012	Cử nhân Cao đẳng
9	07333080	LŨ DUY LÂN	19/07/87	Nam	2.00	114	Trung bình	187/2012	Cử nhân Cao đẳng
10	08166079	TRỊNH THỊ CẨM LOAN	30/06/89	Nữ	2.55	102	Khá	188/2012	Cử nhân Cao đẳng
11	08166085	PHAN TẤN LỰC	30/03/84	Nam	2.31	103	Trung bình	189/2012	Cử nhân Cao đẳng
12	08166099	ĐỖ THỊ NGÂN	10/10/89	Nữ	2.05	103	Trung bình	190/2012	Cử nhân Cao đẳng
13	08166107	NGUYỄN HIỀN NGOAN	06/07/90	Nam	2.45	102	Trung bình	191/2012	Cử nhân Cao đẳng
14	08166108	HUỲNH THỊ BẢO NGỌC	29/10/90	Nữ	2.14	102	Trung bình	192/2012	Cử nhân Cao đẳng
15	08166109	LÊ VIỆT NGỌC	02/04/89	Nam	2.11	103	Trung bình	193/2012	Cử nhân Cao đẳng
16	08166125	VŨ QUANG PHÁT	22/01/90	Nam	2.17	102	Trung bình	194/2012	Cử nhân Cao đẳng
17	08166154	NGUYỄN HỮU THẮNG	21/03/90	Nam	2.22	103	Trung bình	195/2012	Cử nhân Cao đẳng
18	08166155	TRẦN ANH THI	21/06/90	Nam	2.30	102	Trung bình	196/2012	Cử nhân Cao đẳng
19	08166179	TRẦN QUỐC TUẤN	24/09/88	Nam	2.04	102	Trung bình	197/2012	Cử nhân Cao đẳng
20	08166193	PHAN THỊ XUYẾN	1 / 87	Nữ	2.01	103	Trung bình	198/2012	Cử nhân Cao đẳng



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

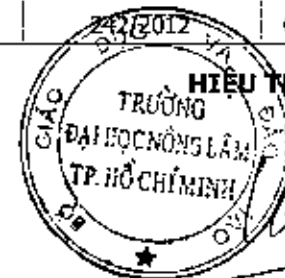
Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: CD09CQ										
1	09333005	LÊ THỊ TRƯỜNG	AN	22/01/91	Nữ	2.70	102	Khá	199/2012	Cử nhân Cao đẳng
2	09333007	NGUYỄN THẾ	ANH	29/10/91	Nam	2.61	103	Khá	200/2012	Cử nhân Cao đẳng
3	09333021	TRẦN THỊ MỸ	DUYÊN	21/05/88	Nữ	2.89	102	Khá	201/2012	Cử nhân Cao đẳng
4	09333031	NGUYỄN	ĐUỐC	11/05/91	Nam	2.51	103	Khá	202/2012	Cử nhân Cao đẳng
5	09333033	HÀ VĂN	GIÁP	15/05/90	Nam	2.73	102	Khá	203/2012	Cử nhân Cao đẳng
6	09333037	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	25/03/90	Nữ	3.18	102	Khá	204/2012	Cử nhân Cao đẳng
7	09333038	NGUYỄN THỊ	HẰNG	10/10/91	Nữ	2.31	102	Trung bình	205/2012	Cử nhân Cao đẳng
8	09333043	PHAN THANH	HIỀN	30/07/91	Nữ	3.02	102	Khá	206/2012	Cử nhân Cao đẳng
9	09333045	LÊ THỊ NGÂN	HOA	05/11/91	Nữ	2.57	102	Khá	207/2012	Cử nhân Cao đẳng
10	09333049	TRẦN VĂN	HOÀI	10/02/91	Nam	2.61	102	Khá	208/2012	Cử nhân Cao đẳng
11	09333047	NGUYỄN HỮU HUY	HOÀNG	20/04/91	Nam	2.88	103	Khá	209/2012	Cử nhân Cao đẳng
12	09333052	TRƯƠNG MỸ	HỒNG	06/10/91	Nữ	2.61	102	Khá	210/2012	Cử nhân Cao đẳng
13	09333063	VÕ THỊ KIM	HƯỜNG	30/09/90	Nữ	2.60	102	Khá	211/2012	Cử nhân Cao đẳng
14	09333065	ĐẶNG THỊ THÚY	KIỀU	26/08/91	Nữ	2.57	102	Khá	212/2012	Cử nhân Cao đẳng
15	09333067	HUỲNH THỊ MỸ	LAN	19/01/90	Nữ	2.32	102	Trung bình	213/2012	Cử nhân Cao đẳng
16	09333068	TRẦN NGUYỄN THANH	LAN	20/02/91	Nữ	2.80	102	Khá	214/2012	Cử nhân Cao đẳng
17	09333069	ĐỖ THỊ	LIÊN	16/03/91	Nữ	2.76	102	Khá	215/2012	Cử nhân Cao đẳng
18	09333080	LÊ THỊ	LY	12/11/90	Nữ	2.81	102	Khá	216/2012	Cử nhân Cao đẳng
19	09333084	LÊ THỊ NGỌC	MINH	28/12/91	Nữ	3.38	102	Giỏi	217/2012	Cử nhân Cao đẳng
20	09333086	BÙI THỊ	MƠ	11/04/91	Nữ	2.89	102	Khá	218/2012	Cử nhân Cao đẳng
21	09333191	NGUYỄN THỊ	NGA	03/05/89	Nữ	2.65	102	Khá	219/2012	Cử nhân Cao đẳng
22	09333090	LƯU NGUYỄN THỦY	NGÂN	26/03/91	Nữ	2.70	102	Khá	220/2012	Cử nhân Cao đẳng
23	09333093	HỒ THỊ ÁNH	NGỌC	21/10/91	Nữ	3.07	102	Khá	221/2012	Cử nhân Cao đẳng
24	09333094	LÊ THỊ THANH	NGUYỄN	26/01/91	Nữ	2.68	102	Khá	222/2012	Cử nhân Cao đẳng
25	09333107	NGUYỄN NGỌC	PHÚC	23/10/91	Nam	3.08	102	Khá	223/2012	Cử nhân Cao đẳng

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Cao đẳng chính Quy (Tín chỉ)

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
26	09333108	HUỲNH THÁI PHƯƠNG	08/08/90	Nam	2.65	102	Khá	224/2012	Cử nhân Cao đẳng
27	09333110	PHẠM THỊ THANH PHƯƠNG	16/08/91	Nữ	2.57	102	Khá	225/2012	Cử nhân Cao đẳng
28	09333117	ĐÀO TRUNG QUÂN	13/10/91	Nam	2.40	102	Trung bình	226/2012	Cử nhân Cao đẳng
29	09333118	HOÀNG HỒNG QUÂN	02/10/91	Nam	2.71	102	Khá	227/2012	Cử nhân Cao đẳng
30	09333121	ĐÀO THỊ QUỲNH	21/10/91	Nữ	2.71	102	Khá	228/2012	Cử nhân Cao đẳng
31	09333125	MÃ THỊ TUYẾT SƯƠNG	09/10/91	Nữ	2.44	102	Trung bình	229/2012	Cử nhân Cao đẳng
32	09333138	NGUYỄN THỊ THẢO	14/01/90	Nữ	2.67	102	Khá	230/2012	Cử nhân Cao đẳng
33	09333140	VÕ THỊ THẢO	10/06/90	Nữ	2.77	102	Khá	231/2012	Cử nhân Cao đẳng
34	09333145	NGUYỄN HỮU THIÊN	18/10/90	Nam	2.23	102	Trung bình	232/2012	Cử nhân Cao đẳng
35	09333152	NGUYỄN THỊ THU THÚY	02/12/91	Nữ	2.64	102	Khá	233/2012	Cử nhân Cao đẳng
36	09333150	NGUYỄN THỊ THANH THÚY	01/07/91	Nữ	2.76	102	Khá	234/2012	Cử nhân Cao đẳng
37	09333071	TRẦN THỊ MỸ TIÊN	/ /90	Nữ	2.83	102	Khá	235/2012	Cử nhân Cao đẳng
38	09333159	TRẦN TUYẾT MINH TRANG	17/09/91	Nữ	2.33	102	Trung bình	236/2012	Cử nhân Cao đẳng
39	09333189	ĐOÀN THỊ BÍCH TRÂM	21/02/91	Nữ	2.90	102	Khá	237/2012	Cử nhân Cao đẳng
40	09333164	VŨ VĂN TRUNG	12/08/89	Nam	2.61	102	Khá	238/2012	Cử nhân Cao đẳng
41	09333175	KIỀU LÊ VIÊN	03/07/91	Nữ	2.13	102	Trung bình	239/2012	Cử nhân Cao đẳng
42	09333176	PHAN TẠ PHƯỚC VINH	01/05/91	Nam	2.45	104	Trung bình	240/2012	Cử nhân Cao đẳng
43	09333182	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	16/06/91	Nữ	2.63	102	Khá	241/2012	Cử nhân Cao đẳng
44	09333186	TRẦN HẢI YẾN	16/10/91	Nữ	2.23	102	Trung bình	242/2012	Cử nhân Cao đẳng



PGS.TS. Nguyễn Hay



DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Kèm theo quyết định số 2596 /QĐ-DHNL-ĐT - Ký ngày 14 tháng 11 năm 2012

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: DH08CD										
1	08153001	HỒ TÂN	BIÊN	17/05/87	Nam	2.69	140	Khá	664/2012	Kỹ sư
2	08153037	ĐẶNG BẢO	DUY	09/04/90	Nam	2.80	141	Khá	665/2012	Kỹ sư
3	08153003	LÂM PHÁT	ĐẠT	14/11/90	Nam	2.53	140	Khá	666/2012	Kỹ sư
4	08153005	NGUYỄN THANH	ĐÌNH	06/08/89	Nam	2.69	140	Khá	667/2012	Kỹ sư
5	08153038	NGUYỄN CÔNG	HOÀNG	01/07/90	Nam	2.74	141	Khá	668/2012	Kỹ sư
6	07153019	NGUYỄN VĂN	HÙNG	19/02/87	Nam	2.50	150	Khá	669/2012	Kỹ sư
7	08154051	NGÔ QUANG	HƯNG	06/10/90	Nam	2.80	140	Khá	670/2012	Kỹ sư
8	08153010	TRẦN MINH	KHIÊM	04/09/90	Nam	3.07	141	Khá	671/2012	Kỹ sư
9	08153016	CAO HỮU	NGHI	04/07/90	Nam	3.17	141	Khá	672/2012	Kỹ sư
10	07153066	ĐINH HỮU	NHÂN	06/07/89	Nam	2.36	154	Trung bình	673/2012	Kỹ sư
11	08153024	NGUYỄN VĂN	QUÝ	20/08/90	Nam	2.78	141	Khá	674/2012	Kỹ sư
12	08153026	NGUYỄN QUỐC	THẾ	24/11/89	Nam	2.93	141	Khá	675/2012	Kỹ sư
13	08153029	HUỖNH THANH	THƯỢNG	02/04/90	Nam	3.24	140	Giỏi	676/2012	Kỹ sư
14	08153030	NGUYỄN ĐỨC THANH	TINH	08/06/89	Nam	3.38	141	Giỏi	677/2012	Kỹ sư
15	08153036	ĐẶNG TÂN	VINH	01/08/90	Nam	3.12	140	Khá	678/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08CK										
1	08118001	NGUYỄN ĐỨC	BẢO	10/03/90	Nam	2.75	140	Khá	679/2012	Kỹ sư
2	08119011	NGUYỄN THỊ	DIỆU	16/10/90	Nữ	3.06	138	Khá	680/2012	Kỹ sư
3	08118007	NGUYỄN TRỌNG MINH	KHIÊM	27/07/90	Nam	2.84	140	Khá	681/2012	Kỹ sư
4	08119002	PHẠM THỊ MỸ	PHƯƠNG	01/05/90	Nữ	2.97	140	Khá	682/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: DH08NL										
1	08137051	ĐÀO TẤN	ĐẠT	12/04/90	Nam	2.93	139	Khá	683/2012	Kỹ sư
2	08137053	LẠI THANH	HÙNG	04/11/89	Nam	2.91	139	Khá	684/2012	Kỹ sư
3	08119004	TRẦN QUANG	HUY	21/09/90	Nam	2.82	140	Khá	685/2012	Kỹ sư
4	08137033	NGUYỄN THỊ HÀ	NGÂN	10/09/90	Nữ	2.48	140	Trung bình	686/2012	Kỹ sư
5	08137034	PHẠM HỒNG	NHỰT	21/05/90	Nam	2.74	140	Khá	687/2012	Kỹ sư
6	08137006	HOÀNG VĂN	TÀI	18/07/89	Nam	2.44	140	Trung bình	688/2012	Kỹ sư
7	08137059	NGUYỄN THÀNH	TÍNH	08/05/89	Nam	2.70	140	Khá	689/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08OT										
1	08154001	TRẦN VĂN	AN	10/02/90	Nam	2.93	140	Khá	690/2012	Kỹ sư
2	08154002	VÕ MINH	CHÂU	17/04/90	Nam	2.49	141	Trung bình	691/2012	Kỹ sư
3	08154005	ĐOÀN NGỌC	ĐÀN	09/01/89	Nam	2.36	141	Trung bình	692/2012	Kỹ sư
4	08154006	TRẦN NGỌC	ĐĂNG	/ /88	Nam	3.12	141	Khá	693/2012	Kỹ sư
5	08154008	THÁI MINH	ĐỨC	20/02/89	Nam	2.61	140	Khá	694/2012	Kỹ sư
6	08154009	ĐOÀN THẾ	HIỀN	20/08/90	Nam	2.86	141	Khá	695/2012	Kỹ sư
7	08154011	NGUYỄN VĂN	HUYỀN	17/08/90	Nam	2.93	141	Khá	696/2012	Kỹ sư
8	08154053	TÔN THẮT TRUNG	KIÊN	28/11/89	Nam	3.29	140	Giỏi	697/2012	Kỹ sư
9	08154012	PHẠM VĂN	LÂM	07/07/90	Nam	2.83	141	Khá	698/2012	Kỹ sư
10	08154013	VÕ TRUNG	LEN	18/05/90	Nam	2.54	142	Khá	699/2012	Kỹ sư
11	08154054	NGÔ HOÀNG	LỘC	25/01/90	Nam	3.01	140	Khá	700/2012	Kỹ sư
12	08154015	LÊ	LỢI	12/01/88	Nam	3.15	141	Khá	701/2012	Kỹ sư
13	08154018	LÊ TRỌNG	MỸ	08/05/90	Nam	2.93	140	Khá	702/2012	Kỹ sư
14	08154019	LÊ PHƯƠNG	NAM	18/05/90	Nam	3.07	141	Khá	703/2012	Kỹ sư
15	08154021	LÊ VĂN	NGỰ	04/02/90	Nam	3.08	140	Khá	704/2012	Kỹ sư
16	08154023	NGUYỄN ANH	QUÂN	20/05/90	Nam	2.93	140	Khá	705/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
17	07154033	TRẦN THẾ SONG	07/07/88	Nam	2.22	155	Trung bình	706/2012	Kỹ sư
18	07154037	TRỊNH ĐỖ THANH THÁI	21/10/89	Nam	2.15	155	Trung bình	707/2012	Kỹ sư
19	08154032	NGUYỄN NGỌC THU	30/11/89	Nam	3.51	141	Giỏi	708/2012	Kỹ sư
20	08154033	VÕ ANH NHẬT TIẾN	04/02/89	Nam	2.74	141	Khá	709/2012	Kỹ sư
21	08154036	LÊ QUANG TRÍ	09/01/90	Nam	2.54	141	Khá	710/2012	Kỹ sư
22	07154044	PHẠM THANH TÚ	06/05/88	Nam	2.38	154	Trung bình	711/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08TD									
1	08138033	LÊ KÔNG CHÍ	08/09/90	Nam	2.97	139	Khá	712/2012	Kỹ sư
2	08138050	PHAN XUÂN HÀI	20/11/89	Nam	2.53	141	Khá	713/2012	Kỹ sư
3	08138024	ĐỖ ANH NGỌC	08/12/90	Nam	3.28	139	Giỏi	714/2012	Kỹ sư
4	08138025	CAO MINH NHẬT	24/01/90	Nam	3.07	141	Khá	715/2012	Kỹ sư
5	08138046	NGÔ VIỆT PHÚ	04/09/90	Nam	2.74	139	Khá	716/2012	Kỹ sư
6	08138012	LÊ TÂN PHÚC	13/02/90	Nam	3.76	139	Xuất sắc	717/2012	Kỹ sư
7	08138026	NGUYỄN MẠNH THI	02/02/89	Nam	2.54	141	Khá	718/2012	Kỹ sư
8	08138059	PHAN NGUYỄN BÍCH TRÂM	24/09/90	Nữ	3.47	139	Giỏi	719/2012	Kỹ sư
9	08138027	NGUYỄN LÊ TRUNG	21/07/90	Nam	2.48	139	Trung bình	720/2012	Kỹ sư
10	08138016	TRẦN VĂN VĨNH	29/07/89	Nam	2.20	141	Trung bình	721/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08CN									
1	08111004	NGUYỄN THỊ BÍCH	08/09/90	Nữ	2.44	135	Trung bình	722/2012	Kỹ sư
2	08111008	NGUYỄN HÀI DU	19/10/90	Nam	2.67	135	Khá	723/2012	Kỹ sư
3	08111013	ĐẶNG THỊ THU HIỀN	16/09/90	Nữ	3.16	135	Khá	724/2012	Kỹ sư
4	08111020	NGUYỄN MINH LUÂN	02/06/89	Nam	2.59	137	Khá	725/2012	Kỹ sư
5	08111026	HỒ CẢNH NHƯT	10/12/90	Nam	2.01	135	Trung bình	726/2012	Kỹ sư
6	07111222	TRẦN HOÀNG DANH	03/09/89	Nữ	2.11	141	Trung bình	727/2012	Kỹ sư
7	08111032	NGUYỄN MINH SANG	16/11/90	Nam	2.53	137	Khá	728/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
8	08111033	NGUYỄN THỊ THU	SANG	21/09/90	Nữ	2.50	137	Khá	729/2012	Kỹ sư
9	07111098	NGUYỄN NGỌC NGÂN	TÂM	01/05/88	Nữ	2.03	146	Trung bình	730/2012	Kỹ sư
10	08111042	VÕ CÔNG	THI	12/08/90	Nam	2.45	137	Trung bình	731/2012	Kỹ sư
11	08111043	LÊ THỊ	THIÊN	01/08/90	Nữ	2.98	135	Khá	732/2012	Kỹ sư
12	07111116	PHAN BÁ	TIẾN	01/12/87	Nam	2.78	145	Khá	733/2012	Kỹ sư
13	08111053	PHAN NHƯ	Ý	12/10/90	Nam	2.62	135	Khá	734/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08TA										
1	08161004	TRẦN TRƯỜNG	AN	02/08/90	Nam	2.59	137	Khá	735/2012	Kỹ sư
2	08161021	NGUYỄN CHÍ	CÔNG	27/06/90	Nam	2.71	139	Khá	736/2012	Kỹ sư
3	08161022	BÙI QUANG	CƯỜNG	17/03/89	Nam	2.79	137	Khá	737/2012	Kỹ sư
4	08161030	VŨ THỊ	DUNG	20/05/89	Nữ	2.61	138	Khá	738/2012	Kỹ sư
5	08161034	NGUYỄN CÔNG	DUY	03/12/90	Nam	2.83	139	Khá	739/2012	Kỹ sư
6	08161046	VŨ VĂN	ĐẾ	21/04/90	Nam	3.23	137	Giỏi	740/2012	Kỹ sư
7	08161050	THÁI THỊ TRÀ	GIANG	07/09/90	Nữ	2.40	139	Trung bình	741/2012	Kỹ sư
8	08161055	NGUYỄN THỊ	HIỀN	01/06/89	Nữ	2.67	141	Khá	742/2012	Kỹ sư
9	08161057	PHAN CHÍ	HIẾU	28/04/90	Nam	2.69	137	Khá	743/2012	Kỹ sư
10	08161059	NGUYỄN THỊ	HOA	10/08/90	Nữ	3.00	139	Khá	744/2012	Kỹ sư
11	08161060	LÊ VŨ	HÒA	28/12/90	Nam	2.24	137	Trung bình	745/2012	Kỹ sư
12	08161062	NGUYỄN THANH THANH	HUỆ	04/06/90	Nữ	2.98	138	Khá	746/2012	Kỹ sư
13	08161069	TRẦN ĐÌNH	HUY	12/11/89	Nam	2.31	140	Trung bình	747/2012	Kỹ sư
14	08161080	NGUYỄN VŨ	KHAI	27/09/90	Nam	2.25	137	Trung bình	748/2012	Kỹ sư
15	08161079	NGUYỄN PHI	KHANH	17/11/89	Nam	2.38	139	Trung bình	749/2012	Kỹ sư
16	08161083	PHAN DUY	KHÁNH	16/06/90	Nam	2.65	140	Khá	750/2012	Kỹ sư
17	08161086	TRỊNH HƯNG	KHÁNH	04/07/90	Nam	2.50	138	Khá	751/2012	Kỹ sư
18	08161087	VŨ VIỆT	KHÁNH	02/09/90	Nam	2.39	140	Trung bình	752/2012	Kỹ sư
19	08161095	ĐÀO THỊ MỸ	KIỀU	14/09/90	Nữ	2.96	138	Khá	753/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
20	08161099	NGUYỄN HÀM	KỶ	22/02/90	Nam	2.37	137	Trung bình	754/2012	Kỹ sư
21	08161105	BÙI THỊ CẨM	LINH	11/12/90	Nữ	2.36	139	Trung bình	755/2012	Kỹ sư
22	08161108	LÂM THỊ KIM	LOAN	08/09/90	Nữ	2.90	137	Khá	756/2012	Kỹ sư
23	08161115	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	05/01/90	Nữ	3.03	137	Khá	757/2012	Kỹ sư
24	08161125	CHÂU THỊ THU	NGÀ	28/10/90	Nữ	2.67	138	Khá	758/2012	Kỹ sư
25	08161127	PHẠM KIM	NGÂN	18/04/90	Nữ	2.09	137	Trung bình	759/2012	Kỹ sư
26	08161131	NGUYỄN THỊ MAI	NGỌC	15/08/90	Nữ	2.70	139	Khá	760/2012	Kỹ sư
27	08161134	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	13/08/90	Nữ	3.11	140	Khá	761/2012	Kỹ sư
28	08161139	LÊ HUỖNH TRÚC	NHƯ	19/10/90	Nữ	2.67	137	Khá	762/2012	Kỹ sư
29	08161142	LÊ THỊ HOÀNG	OANH	12/08/90	Nữ	2.89	139	Khá	763/2012	Kỹ sư
30	08161145	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚ	14/10/89	Nam	2.72	137	Khá	764/2012	Kỹ sư
31	08161149	TÔ THỊ MỸ	PHƯƠNG	16/02/90	Nữ	3.32	138	Giỏi	765/2012	Kỹ sư
32	08161151	NGUYỄN HỒNG	PHƯƠNG	19/03/90	Nữ	2.82	137	Khá	766/2012	Kỹ sư
33	08161159	HOÀNG VĂN	SƠN	08/10/90	Nam	2.49	139	Trung bình	767/2012	Kỹ sư
34	08161160	HỒ VĂN	SƠN	15/06/89	Nam	2.94	140	Khá	768/2012	Kỹ sư
35	08161167	LÊ THỊ	TÂM	23/10/90	Nữ	2.99	138	Khá	769/2012	Kỹ sư
36	08161168	VÕ HOÀI	TÂM	20/10/90	Nam	3.02	137	Khá	770/2012	Kỹ sư
37	08161171	NGUYỄN MINH	TÂN	01/01/90	Nam	2.46	138	Trung bình	771/2012	Kỹ sư
38	08161172	NGUYỄN PHƯỚC	TÂN	21/01/90	Nam	3.07	141	Khá	772/2012	Kỹ sư
39	08161186	TRỊNH NGỌC	THẠCH	13/10/89	Nam	2.18	138	Trung bình	773/2012	Kỹ sư
40	08161174	NGUYỄN CHÍ	THANH	18/10/90	Nam	2.73	137	Khá	774/2012	Kỹ sư
41	08161176	HUỖNH PHƯỚC	THÀNH	24/06/89	Nam	2.64	137	Khá	775/2012	Kỹ sư
42	08161182	PHAN THỊ THU	THẢO	20/10/90	Nữ	2.98	139	Khá	776/2012	Kỹ sư
43	08161192	TRƯƠNG QUỐC	THẮNG	09/06/90	Nam	2.18	137	Trung bình	777/2012	Kỹ sư
44	08161195	NGÔ THỊ	THOA	20/09/90	Nữ	2.43	137	Trung bình	778/2012	Kỹ sư
45	08161196	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	20/12/90	Nữ	3.06	137	Khá	779/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 6

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
46	08161267	NGUYỄN VĂN THỜI	30/10/90	Nam	2.76	137	Khá	780/2012	Kỹ sư
47	08161197	HOÀNG THỊ THU	25/04/90	Nữ	3.06	139	Khá	781/2012	Kỹ sư
48	08161198	LÊ THÁI THUẬN	25/07/90	Nam	3.18	137	Khá	782/2012	Kỹ sư
49	08161204	VÕ THỊ KIM THƯƠNG	01/12/90	Nữ	2.82	137	Khá	783/2012	Kỹ sư
50	08161210	LÊ VA SIN TON	22/08/90	Nam	2.89	137	Khá	784/2012	Kỹ sư
51	08161212	NGUYỄN THỊ MỸ TRANG	18/08/90	Nữ	2.37	139	Trung bình	785/2012	Kỹ sư
52	08161215	PHẠM THỊ THÚY TRIỀU	20/11/90	Nữ	2.60	137	Khá	786/2012	Kỹ sư
53	08161224	LÊ ANH TRUNG	10/01/90	Nam	2.68	140	Khá	787/2012	Kỹ sư
54	08161229	ĐẶNG NHẬT TRƯỞNG	03/09/90	Nam	2.34	139	Trung bình	788/2012	Kỹ sư
55	08161231	NGUYỄN NHẬT TRƯỞNG	08/10/90	Nam	2.50	137	Khá	789/2012	Kỹ sư
56	08161232	PHẠM VŨ TUÂN	27/07/90	Nam	2.66	137	Khá	790/2012	Kỹ sư
57	08161238	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG TUYẾN	08/08/90	Nữ	2.61	140	Khá	791/2012	Kỹ sư
58	08161239	LÊ THỊ THANH TUYẾN	02/06/90	Nữ	2.89	138	Khá	792/2012	Kỹ sư
59	08161240	PHẠM THỊ THANH TUYẾN	02/01/89	Nữ	2.92	137	Khá	793/2012	Kỹ sư
60	08161248	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	23/08/90	Nữ	3.18	138	Khá	794/2012	Kỹ sư
61	08161249	CAO THỊ THANH VÂN	27/07/90	Nữ	2.85	138	Khá	795/2012	Kỹ sư
62	08161262	TRẦN THANH XUÂN	02/04/90	Nam	2.63	139	Khá	796/2012	Kỹ sư
63	08161263	LÊ KHẮC HÀ XUYẾN	10/10/90	Nữ	2.88	138	Khá	797/2012	Kỹ sư
64	08161264	ĐOÀN THỊ YẾN	21/07/90	Nữ	2.45	138	Trung bình	798/2012	Kỹ sư
65	08161265	HOÀNG THỊ YẾN	20/06/90	Nữ	2.74	139	Khá	799/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08HH									
1	08139009	NGUYỄN THỊ BÔNG	09/08/90	Nữ	3.00	140	Khá	800/2012	Kỹ sư
2	08139025	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG DUNG	14/09/90	Nữ	3.09	140	Khá	801/2012	Kỹ sư
3	08139027	PHẠM KIỀU DUNG	16/12/90	Nữ	2.76	141	Khá	802/2012	Kỹ sư
4	08139028	TRẦN THỊ MỸ DUNG	02/10/90	Nữ	2.63	141	Khá	803/2012	Kỹ sư
5	08139040	NGUYỄN THỊ SA ĐA	01/01/90	Nữ	2.98	142	Khá	804/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 7

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
6	08139051	VÕ NGỌC	ĐIỆP	02/03/90	Nam	2.74	142	Khá	805/2012	Kỹ sư
7	08139086	TRẦN THỊ KIM	HOA	25/06/90	Nữ	3.33	140	Giỏi	806/2012	Kỹ sư
8	08139090	ĐÀO TIẾN	HỌC	30/01/90	Nam	2.68	140	Khá	807/2012	Kỹ sư
9	08139125	PHAN THỊ KIM	KHÁNH	24/10/90	Nữ	3.23	141	Giỏi	808/2012	Kỹ sư
10	08139132	NGUYỄN THỊ ÁI	LIÊN	03/04/90	Nữ	3.08	140	Khá	809/2012	Kỹ sư
11	08139134	PHẠM DUY	LINH	02/02/90	Nam	2.80	140	Khá	810/2012	Kỹ sư
12	08139137	ĐẶNG KIM	LONG	10/09/89	Nam	2.65	142	Khá	811/2012	Kỹ sư
13	08139161	ĐINH THỊ	NGA	15/03/89	Nữ	3.03	141	Khá	812/2012	Kỹ sư
14	08139164	ĐẶNG KIM	NGÂN	22/03/90	Nữ	3.02	140	Khá	813/2012	Kỹ sư
15	08139168	NGUYỄN THỊ BÉ	NGOÃN	05/12/90	Nữ	2.80	140	Khá	814/2012	Kỹ sư
16	08139180	TÔ VŨ	NHÂN	10/10/90	Nam	2.83	141	Khá	815/2012	Kỹ sư
17	08139201	TRẦN THIÊN	PHÚ	04/12/90	Nam	2.50	141	Khá	816/2012	Kỹ sư
18	08139211	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	18/02/90	Nữ	3.57	140	Giỏi	817/2012	Kỹ sư
19	08139215	TRẦN VINH	PHƯƠNG	03/12/90	Nữ	2.77	141	Khá	818/2012	Kỹ sư
20	07139176	TRẦN THANH	SANG	25/09/89	Nam	3.13	148	Khá	819/2012	Kỹ sư
21	08139236	NGUYỄN THỊ	SƯƠNG	16/09/90	Nữ	3.08	140	Khá	820/2012	Kỹ sư
22	08139260	TRẦN THỊ MAI	THẢO	02/10/89	Nữ	3.05	141	Khá	821/2012	Kỹ sư
23	08139270	LÊ VĂN	THÂN	28/09/89	Nam	2.61	140	Khá	822/2012	Kỹ sư
24	08139283	TRƯƠNG HỒNG	TIÊN	09/12/90	Nữ	3.02	141	Khá	823/2012	Kỹ sư
25	08139296	TRẦN NGUYỄN THU	TRANG	25/11/90	Nữ	3.06	140	Khá	824/2012	Kỹ sư
26	08139303	ĐỖ VĂN	TRÍ	24/06/89	Nam	3.03	140	Khá	825/2012	Kỹ sư
27	08139309	NGUYỄN HOÀNG	TRUNG	05/10/90	Nam	2.64	140	Khá	826/2012	Kỹ sư
28	08139332	PHẠM TUẤN	TÚ	11/08/90	Nam	2.37	142	Trung bình	827/2012	Kỹ sư
29	08139324	TRẦN QUANG	TUẤN	10/02/90	Nam	2.72	141	Khá	828/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 8

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: DH08KE										
1	08123001	ĐẶNG THỊ HOÀI	AN	23/06/89	Nữ	2.98	135	Khá	829/2012	Cử nhân
2	08123002	TRẦN NGUYỄN THÚY	AN	05/05/90	Nữ	2.81	135	Khá	830/2012	Cử nhân
3	08123004	NGUYỄN NGỌC TRÂM	ANH	23/01/90	Nữ	3.24	135	Giỏi	831/2012	Cử nhân
4	08123005	PHAN THỊ THÁI	ANH	03/05/90	Nữ	2.60	136	Khá	832/2012	Cử nhân
5	08123006	TRẦN THỊ TÚ	ANH	06/07/90	Nữ	2.79	135	Khá	833/2012	Cử nhân
6	08123008	TRẦN THỊ XUÂN	ÁNH	27/07/90	Nữ	3.12	135	Khá	834/2012	Cử nhân
7	08123009	NGUYỄN THỊ PHÀ	CA	06/10/90	Nữ	2.66	135	Khá	835/2012	Cử nhân
8	08123011	LIU THANH	CUNG	16/12/90	Nữ	2.79	135	Khá	836/2012	Cử nhân
9	08123013	CHÂU NGỌC KIM	CƯỜNG	18/02/90	Nữ	3.15	135	Khá	837/2012	Cử nhân
10	08123014	NGUYỄN KIỀU	DIỄM	03/12/90	Nữ	3.09	135	Khá	838/2012	Cử nhân
11	08123016	VÕ THỊ NGỌC	DIỄM	10/10/90	Nữ	2.36	135	Trung bình	839/2012	Cử nhân
12	08123017	ĐINH THỊ MỸ	DUNG	27/05/90	Nữ	2.93	135	Khá	840/2012	Cử nhân
13	08123018	ĐỖ THỊ NGỌC	DUNG	21/11/90	Nữ	2.93	135	Khá	841/2012	Cử nhân
14	08123019	LÊ THỊ THU	DUNG	08/11/90	Nữ	2.70	135	Khá	842/2012	Cử nhân
15	08123020	LÊ THỊ THÙY	DUNG	13/03/90	Nữ	2.74	135	Khá	843/2012	Cử nhân
16	08123022	PHẠM NGỌC	DUNG	03/02/90	Nữ	2.90	135	Khá	844/2012	Cử nhân
17	08123023	NGÔ THỊ	DUYÊN	26/02/90	Nữ	2.77	135	Khá	845/2012	Cử nhân
18	08123025	LÊ TUẤN	ĐẠT	08/10/90	Nam	2.94	135	Khá	846/2012	Cử nhân
19	08123026	PHAN THỊ	GIANG	13/09/90	Nữ	2.97	135	Khá	847/2012	Cử nhân
20	08123027	VÕ THỊ THANH	GIANG	20/08/90	Nữ	3.01	135	Khá	848/2012	Cử nhân
21	08123028	NGUYỄN THỊ NGỌC	GIÚP	05/03/90	Nữ	3.44	135	Giỏi	849/2012	Cử nhân
22	08123030	PHẠM THỊ THU	HÀ	02/03/90	Nữ	3.03	135	Khá	850/2012	Cử nhân
23	08123034	LƯƠNG THỊ THÚY	HĂNG	19/05/90	Nữ	3.08	136	Khá	851/2012	Cử nhân
24	08123035	NGUYỄN THỊ KIM	HĂNG	11/11/89	Nữ	3.31	135	Giỏi	852/2012	Cử nhân
25	08123036	TRẦN THỊ	HĂNG	01/02/89	Nữ	2.95	135	Khá	853/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 9

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
26	08123040	NGUYỄN THỊ HIỀN		26/03/90	Nữ	2.77	135	Khá	854/2012	Cử nhân
27	08123041	NGUYỄN THỊ HIỀN		06/02/89	Nữ	2.89	135	Khá	855/2012	Cử nhân
28	08123042	TRƯƠNG THỊ HIỀN		20/10/89	Nữ	2.78	135	Khá	856/2012	Cử nhân
29	08123043	VÕ SONG HIẾU		01/01/90	Nam	2.82	135	Khá	857/2012	Cử nhân
30	08123046	VŨ THỊ HÒA		26/03/90	Nữ	2.82	135	Khá	858/2012	Cử nhân
31	08123047	VŨ ĐÌNH HOÀN		18/07/90	Nam	2.77	135	Khá	859/2012	Cử nhân
32	08123049	LÂM NGỌC HỒNG		26/02/90	Nữ	2.97	135	Khá	860/2012	Cử nhân
33	08123050	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG		11/06/90	Nữ	3.11	135	Khá	861/2012	Cử nhân
34	08123051	NGUYỄN XUÂN THANH HỒNG		23/04/90	Nữ	3.07	135	Khá	862/2012	Cử nhân
35	08123052	BÁ THỊ HUẾ		11/05/90	Nữ	2.66	135	Khá	863/2012	Cử nhân
36	08123053	LÊ THỊ HUỆ		10/05/90	Nữ	2.90	135	Khá	864/2012	Cử nhân
37	08123054	MAI THANH HUYỀN		03/01/90	Nữ	2.74	135	Khá	865/2012	Cử nhân
38	08123057	TRỊNH THỊ THU HUYỀN		26/09/90	Nữ	2.62	135	Khá	866/2012	Cử nhân
39	08123062	BÙI NGUYỄN XUÂN HƯƠNG		23/06/90	Nữ	2.92	135	Khá	867/2012	Cử nhân
40	08123063	HOÀNG THỊ THANH HƯƠNG		07/05/90	Nữ	3.26	135	Giỏi	868/2012	Cử nhân
41	08123065	VŨ THỊ KHÁNH HƯƠNG		29/04/90	Nữ	3.13	136	Khá	869/2012	Cử nhân
42	08123066	NGUYỄN MINH KHA		14/07/90	Nam	3.04	135	Khá	870/2012	Cử nhân
43	08123067	ĐOÀN NGỌC KHÁNH		01/06/90	Nữ	3.33	135	Giỏi	871/2012	Cử nhân
44	08123068	NGUYỄN THỊ HOÀI KHÁNH		24/08/89	Nữ	3.05	135	Khá	872/2012	Cử nhân
45	08123071	NGUYỄN TRANG KIỀU		16/04/90	Nữ	3.03	135	Khá	873/2012	Cử nhân
46	08123072	PHẠM THỊ TRÚC LAM		09/09/90	Nữ	3.41	135	Giỏi	874/2012	Cử nhân
47	08123073	NGUYỄN THỊ THU LÃNH		27/09/89	Nữ	3.09	135	Khá	875/2012	Cử nhân
48	08123077	VŨ THỊ LỆ		04/08/90	Nữ	2.80	135	Khá	876/2012	Cử nhân
49	08123079	NGUYỄN THỊ KIM LIÊN		26/04/89	Nữ	3.04	136	Khá	877/2012	Cử nhân
50	08123080	NGUYỄN THỊ TRÚC LIÊN		01/08/90	Nữ	3.25	135	Giỏi	878/2012	Cử nhân
51	08123081	PHẠM THỊ PHƯƠNG LIÊN		15/02/90	Nữ	3.01	135	Khá	879/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 10

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
52	08123082	HỒ THỊ MỸ	LINH	07/06/90	Nữ	3.08	135	Khá	880/2012	Cử nhân
53	08123087	NGUYỄN THÙY	LINH	20/05/90	Nữ	3.19	135	Khá	881/2012	Cử nhân
54	08123089	LÊ THỊ	LOAN	06/12/89	Nữ	2.84	136	Khá	882/2012	Cử nhân
55	08123090	PHẠM THỊ HỒNG	LOAN	05/10/90	Nữ	3.26	135	Giỏi	883/2012	Cử nhân
56	08123092	TRẦN THỊ NGỌC	LOAN	10/07/89	Nữ	3.13	135	Khá	884/2012	Cử nhân
57	08123093	VŨ THỊ HƯƠNG	LOAN	24/09/90	Nữ	2.96	135	Khá	885/2012	Cử nhân
58	08123094	NGUYỄN HOÀNG	LONG	12/09/90	Nam	2.65	136	Khá	886/2012	Cử nhân
59	08123095	NGUYỄN TÂN	LỘC	01/01/90	Nam	2.75	136	Khá	887/2012	Cử nhân
60	08123096	NGUYỄN THỊ MAI	LUU	28/10/90	Nữ	2.42	135	Trung bình	888/2012	Cử nhân
61	08123097	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	21/10/90	Nữ	3.11	135	Khá	889/2012	Cử nhân
62	08123099	CUNG THỊ	MINH	15/03/89	Nữ	2.83	135	Khá	890/2012	Cử nhân
63	08123100	LÊ THỊ TRIẾT	MINH	15/02/90	Nữ	2.79	135	Khá	891/2012	Cử nhân
64	08123101	LÊ THỊ TRÀ	MY	02/09/90	Nữ	2.68	135	Khá	892/2012	Cử nhân
65	08123103	NGUYỄN THỊ	MỸ	24/11/90	Nữ	2.80	135	Khá	893/2012	Cử nhân
66	08123104	TRẦN THỊ BÉ	MY	/ /90	Nữ	3.12	135	Khá	894/2012	Cử nhân
67	08123106	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGA	17/04/90	Nữ	2.83	135	Khá	895/2012	Cử nhân
68	08123108	VŨ PHẠM HỒNG	NGA	14/02/90	Nữ	2.50	136	Khá	896/2012	Cử nhân
69	08123109	ĐINH THỊ	NGÀ	02/04/90	Nữ	3.21	135	Giỏi	897/2012	Cử nhân
70	08123110	PHAN THỊ CHÂU	NGÀ	02/04/90	Nữ	2.70	136	Khá	898/2012	Cử nhân
71	08123113	NGÔ HOÀNG KIM	NGÂN	02/08/89	Nữ	2.94	135	Khá	899/2012	Cử nhân
72	08123115	PHẠM THỊ KIM	NGÂN	11/03/90	Nữ	2.30	135	Trung bình	900/2012	Cử nhân
73	08123116	TRẦN THỊ KIM	NGÂN	02/09/90	Nữ	2.52	135	Khá	901/2012	Cử nhân
74	08123118	HUỲNH PHƯƠNG	NGỌC	03/11/90	Nữ	3.24	135	Giỏi	902/2012	Cử nhân
75	08123119	NGUYỄN THỊ BÉ	NGỌC	26/07/90	Nữ	2.94	135	Khá	903/2012	Cử nhân
76	08123120	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	08/06/89	Nữ	2.70	135	Khá	904/2012	Cử nhân
77	08123121	THÁI THỊ HỒNG	NGỌC	07/06/90	Nữ	2.67	135	Khá	905/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 11

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
78	08123122	NGUYỄN THỊ	NHAN	23/10/90	NỮ	2.86	135	Khá	906/2012	Cử nhân
79	08123127	NGUYỄN THỊ	OANH	20/02/89	NỮ	2.75	136	Khá	907/2012	Cử nhân
80	08123128	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	08/10/90	NỮ	2.71	135	Khá	908/2012	Cử nhân
81	08123129	PHAN TÂN	PHÁT	/ /88	Nam	3.15	135	Khá	909/2012	Cử nhân
82	08123130	PHẠM MINH	PHÚ	01/10/90	Nam	3.36	135	Giỏi	910/2012	Cử nhân
83	08123131	TRẦN THỊ HỒNG	PHÚC	10/06/90	NỮ	2.94	136	Khá	911/2012	Cử nhân
84	08123132	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	29/07/90	NỮ	2.96	135	Khá	912/2012	Cử nhân
85	08123133	NGUYỄN THỊ TRÚC	PHƯƠNG	24/11/90	NỮ	3.07	135	Khá	913/2012	Cử nhân
86	08123134	PHAN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	03/07/90	NỮ	2.86	135	Khá	914/2012	Cử nhân
87	08123136	VÕ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	18/06/90	NỮ	2.92	135	Khá	915/2012	Cử nhân
88	08123137	ĐÀO THỊ	QUYÊN	19/10/90	NỮ	3.00	135	Khá	916/2012	Cử nhân
89	08123138	LƯƠNG THỊ	QUYÊN	26/08/90	NỮ	3.23	135	Giỏi	917/2012	Cử nhân
90	08123139	NGUYỄN NỮ TÔN	QUYÊN	14/05/89	NỮ	2.94	135	Khá	918/2012	Cử nhân
91	08123140	TRẦN ĐỖ DIỆM	QUYÊN	09/04/90	NỮ	3.15	135	Khá	919/2012	Cử nhân
92	08123144	NGUYỄN THỊ HỒNG	SON	04/06/90	NỮ	3.56	135	Giỏi	920/2012	Cử nhân
93	08123146	LƯƠNG THỊ THU	SƯƠNG	29/09/90	NỮ	3.19	135	Khá	921/2012	Cử nhân
94	08123147	NGUYỄN THỊ NGỌC	SƯƠNG	19/10/90	NỮ	2.54	136	Khá	922/2012	Cử nhân
95	08123148	NGUYỄN THỊ NGỌC	SƯƠNG	13/02/90	NỮ	3.01	135	Khá	923/2012	Cử nhân
96	08123150	NGUYỄN THỊ	TÂM	06/06/90	NỮ	3.03	135	Khá	924/2012	Cử nhân
97	08123152	PHAN THỊ THANH	TÂM	02/05/89	NỮ	2.72	136	Khá	925/2012	Cử nhân
98	08123153	VÕ THỊ MINH	TÂM	08/11/90	NỮ	3.18	135	Khá	926/2012	Cử nhân
99	08123156	LÊ THỊ	THANH	28/03/90	NỮ	3.21	135	Giỏi	927/2012	Cử nhân
100	08123157	HỒ THỊ	THAO	25/10/90	NỮ	2.64	136	Khá	928/2012	Cử nhân
101	08123158	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	08/03/90	NỮ	2.68	135	Khá	929/2012	Cử nhân
102	08123159	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	07/09/90	NỮ	2.66	135	Khá	930/2012	Cử nhân
103	07123216	HUỲNH THỊ KIM	THOA	05/09/88	NỮ	2.32	140	Trung bình	931/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 12

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
104	08123164	TRẦN LÊ KIM THOA	18/06/90	Nữ	2.93	136	Khá	932/2012	Cử nhân
105	08123165	LÊ TRANG THU	02/02/90	Nữ	2.85	135	Khá	933/2012	Cử nhân
106	08123166	NGUYỄN THỊ THU	17/06/90	Nữ	3.00	135	Khá	934/2012	Cử nhân
107	08123167	PHAN THỊ HOÀI THU	30/11/89	Nữ	3.12	135	Khá	935/2012	Cử nhân
108	08123169	LÊ THỊ MỸ THUẬN	24/12/89	Nữ	2.53	136	Khá	936/2012	Cử nhân
109	08123170	ĐẶNG CAO PHƯƠNG THÙY	19/10/90	Nữ	2.89	135	Khá	937/2012	Cử nhân
110	08123171	NGUYỄN LÝ THU THỦY	02/01/90	Nữ	2.83	135	Khá	938/2012	Cử nhân
111	08123172	VÕ THỊ THỦY	08/04/90	Nữ	3.03	136	Khá	939/2012	Cử nhân
112	08123173	MAI ĐẮC THƯƠNG	11/01/90	Nam	2.90	135	Khá	940/2012	Cử nhân
113	08123174	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	02/03/90	Nữ	3.19	135	Khá	941/2012	Cử nhân
114	08123177	HỒ THÚY TIÊN	01/12/88	Nữ	3.46	135	Giỏi	942/2012	Cử nhân
115	08123178	NGUYỄN THỊ TIN	01/01/90	Nữ	3.15	135	Khá	943/2012	Cử nhân
116	08123179	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	25/09/88	Nữ	2.31	135	Trung bình	944/2012	Cử nhân
117	08123183	PHẠM VŨ THÙY TRANG	14/07/90	Nữ	2.89	136	Khá	945/2012	Cử nhân
118	08123184	TRẦN THỊ VŨ TRANG	10/10/89	Nữ	2.78	135	Khá	946/2012	Cử nhân
119	08123185	NGUYỄN THỊ BẢO TRÂM	17/06/90	Nữ	3.05	135	Khá	947/2012	Cử nhân
120	08123186	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRẦN	27/11/90	Nữ	3.01	135	Khá	948/2012	Cử nhân
121	08123187	NGUYỄN THỊ TRIÊM	10/07/90	Nữ	3.27	135	Giỏi	949/2012	Cử nhân
122	07123253	PHẠM NG HUỲNH THAN TRINH	02/12/89	Nữ	2.03	139	Trung bình	950/2012	Cử nhân
123	08123188	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	20/12/90	Nữ	2.63	135	Khá	951/2012	Cử nhân
124	08123189	TRẦN THỊ THANH TRÚC	09/11/90	Nữ	3.46	135	Giỏi	952/2012	Cử nhân
125	08123190	VŨ QUỐC TUÂN	03/12/90	Nam	3.27	135	Giỏi	953/2012	Cử nhân
126	08123191	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	19/08/90	Nữ	2.87	135	Khá	954/2012	Cử nhân
127	08123193	LÊ KIM TUYẾN	06/09/90	Nữ	2.53	135	Khá	955/2012	Cử nhân
128	08123194	PHAN ÁNH TUYẾT	24/12/90	Nữ	2.54	135	Khá	956/2012	Cử nhân
129	08123197	VŨ THỊ TY	01/12/89	Nữ	2.85	135	Khá	957/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 13

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
130	08123199	HOÀNG THỊ VÂN	10/06/90	Nữ	2.62	135	Khá	958/2012	Cử nhân
131	08123201	NGUYỄN THỊ CẨM VÂN	02/07/90	Nữ	2.98	135	Khá	959/2012	Cử nhân
132	08123205	NGUYỄN TRÀ NGỌC VY	10/06/90	Nữ	2.91	135	Khá	960/2012	Cử nhân
133	08123207	PHAN THỊ XUÂN	12/04/90	Nữ	2.98	135	Khá	961/2012	Cử nhân
134	08123211	NGUYỄN NHƯ Ý	06/12/90	Nữ	2.89	135	Khá	962/2012	Cử nhân
135	08123208	VÕ GIA YÊN	05/10/90	Nữ	2.64	136	Khá	963/2012	Cử nhân
136	08123209	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG YẾN	13/05/90	Nữ	2.85	135	Khá	964/2012	Cử nhân
137	08123210	VŨ THỊ NGỌC YẾN	10/10/90	Nữ	2.96	135	Khá	965/2012	Cử nhân
Lớp: DH08KM									
1	08143001	HUỖNH NGỌC ANH	04/12/90	Nữ	3.09	131	Khá	966/2012	Cử nhân
2	08143002	LÊ NGUYỄN PHÚC CHÂN	19/11/90	Nữ	2.82	132	Khá	967/2012	Cử nhân
3	08143042	LÊ THỊ CHINH	04/05/90	Nữ	3.52	132	Giỏi	968/2012	Cử nhân
4	08143044	BÙI THÙY DƯƠNG	02/01/90	Nữ	3.42	131	Giỏi	969/2012	Cử nhân
5	08146109	PHAN THỊ TUYẾT GHÉ	/ /89	Nữ	3.26	130	Giỏi	970/2012	Cử nhân
6	08143007	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	18/06/90	Nữ	3.15	134	Khá	971/2012	Cử nhân
7	08143008	TRẦN THỊ NGỌC HƯƠNG	14/11/90	Nữ	3.55	130	Giỏi	972/2012	Cử nhân
8	08143049	HOÀNG THỊ PHƯƠNG LINH	04/04/90	Nữ	3.40	130	Giỏi	973/2012	Cử nhân
9	08143013	TRINH THỊ KIM LOAN	20/03/90	Nữ	2.97	131	Khá	974/2012	Cử nhân
10	08143051	PHAN THỊ TUYẾT LY	29/12/90	Nữ	3.37	131	Giỏi	975/2012	Cử nhân
11	08143014	NGUYỄN THỊ MAI	28/09/90	Nữ	2.82	132	Khá	976/2012	Cử nhân
12	08143015	DIỆP MỸ NGÂN	24/07/90	Nữ	2.77	131	Khá	977/2012	Cử nhân
13	08143053	PHẠM NGỌC THÙY NGÂN	08/06/90	Nữ	3.19	131	Khá	978/2012	Cử nhân
14	08143017	TRẦN THỊ HỒNG NGỌC	30/10/90	Nữ	2.88	131	Khá	979/2012	Cử nhân
15	08143021	NGUYỄN THỊ HỒNG PHẤN	14/01/90	Nữ	3.33	130	Giỏi	980/2012	Cử nhân
16	08143022	LÊ THANH SANG	06/11/88	Nam	3.36	130	Giỏi	981/2012	Cử nhân
17	08143057	NGUYỄN VĂN SANG	23/07/90	Nam	3.32	132	Giỏi	982/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 14

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
18	08143023	HOÀNG THỊ THANH THANH	24/11/90	Nữ	3.12	132	Khá	983/2012	Cử nhân
19	08143058	VŨ THỊ THẢO	26/03/89	Nữ	3.45	132	Giỏi	984/2012	Cử nhân
20	08143025	DƯƠNG LÊ QUANG THẮNG	21/12/90	Nam	2.94	131	Khá	985/2012	Cử nhân
21	08143059	LÊ THỊ HUỲNH THẨM	28/02/90	Nữ	3.37	131	Giỏi	986/2012	Cử nhân
22	08143060	NGUYỄN THỊ KIM THE	20/01/90	Nữ	3.19	131	Khá	987/2012	Cử nhân
23	08143026	NGUYỄN THỊ THÊM	05/06/90	Nữ	3.19	133	Khá	988/2012	Cử nhân
24	08143027	NGUYỄN THỊ THƠ	24/04/90	Nữ	3.28	132	Giỏi	989/2012	Cử nhân
25	08143028	NGUYỄN THỊ KIM THU	26/09/90	Nữ	3.11	132	Khá	990/2012	Cử nhân
26	08143063	NGUYỄN THỊ THUẬN	10/11/90	Nữ	2.96	130	Khá	991/2012	Cử nhân
27	08143029	TRINH HỮU THUẬN	13/05/90	Nam	3.09	131	Khá	992/2012	Cử nhân
28	08143065	NGUYỄN THỊ THÙY	18/04/90	Nữ	3.41	131	Giỏi	993/2012	Cử nhân
29	08143030	NGUYỄN THỊ XUÂN THÚY	15/01/90	Nữ	3.35	131	Giỏi	994/2012	Cử nhân
30	08143032	NGUYỄN QUỐC TÍN	21/03/90	Nam	2.75	133	Khá	995/2012	Cử nhân
31	08143033	NGUYỄN THÀNH TÍNH	17/01/90	Nam	3.11	131	Khá	996/2012	Cử nhân
32	08143035	KIỀU THỊ HUYỀN TRANG	24/02/89	Nữ	2.62	131	Khá	997/2012	Cử nhân
33	08143069	HOÀNG BẢO TRUNG	03/11/89	Nam	3.08	130	Khá	998/2012	Cử nhân
34	08143073	VŨ ĐÌNH TUÔNG	09/12/89	Nam	2.40	132	Trung bình	999/2012	Cử nhân
35	08143038	LÝ TƯỜNG VI	01/05/90	Nữ	3.00	132	Khá	1000/2012	Cử nhân
36	08143039	DƯ HỒ THẢO VY	05/07/90	Nữ	3.13	131	Khá	1001/2012	Cử nhân
37	08143074	PHƯƠNG BẢO YẾN	27/08/87	Nữ	2.73	131	Khá	1002/2012	Cử nhân
38	08143040	TRẦN THỊ PHI YẾN	20/07/90	Nữ	3.21	131	Giỏi	1003/2012	Cử nhân
Lớp: DH08KT									
1	07120047	TRẦN THỊ LAN ANH	27/11/88	Nữ	2.69	150	Khá	1004/2012	Cử nhân
2	08120002	VŨ TẤN CHUÔNG	21/06/90	Nam	2.82	139	Khá	1005/2012	Cử nhân
3	08120003	NGUYỄN KIM CƯỜNG	04/10/89	Nam	3.08	139	Khá	1006/2012	Cử nhân
4	08120004	NINH THỊ DUNG	27/10/89	Nữ	2.83	138	Khá	1007/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 15

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
5	08120037	ĐÀO THỊ TRÚC	ĐÀO	23/07/90	Nữ	3.26	139	Giỏi	1008/2012	Cử nhân
6	08155001	HÀ DUY	ĐÀO	04/04/90	Nam	2.68	139	Khá	1009/2012	Cử nhân
7	08121001	LÊ THỊ	ĐÀO	30/12/89	Nữ	3.58	139	Giỏi	1010/2012	Cử nhân
8	08120039	NGUYỄN THỊ KIM	ĐĂNG	20/08/90	Nữ	3.21	139	Giỏi	1011/2012	Cử nhân
9	08120040	LÊ TRÚC	GIANG	21/08/90	Nữ	3.50	139	Giỏi	1012/2012	Cử nhân
10	08120042	PHẠM THỊ THU	HÀ	14/04/90	Nữ	3.20	139	Giỏi	1013/2012	Cử nhân
11	08120045	NGUYỄN THỊ MINH	HẢI	23/04/90	Nữ	2.83	139	Khá	1014/2012	Cử nhân
12	08120046	PHẠM THỊ MỸ	HẠNH	24/10/90	Nữ	3.55	139	Giỏi	1015/2012	Cử nhân
13	08120008	TRẦN THỊ NGỌC	HÂN	16/05/90	Nữ	3.03	139	Khá	1016/2012	Cử nhân
14	08120010	PHẠM THỊ NGỌC	HOA	23/12/89	Nữ	3.14	139	Khá	1017/2012	Cử nhân
15	08120048	NGUYỄN THỊ	HỒNG	10/07/90	Nữ	3.04	138	Khá	1018/2012	Cử nhân
16	08120049	NGUYỄN THỊ DIỆU	HUYỀN	30/10/90	Nữ	3.45	139	Giỏi	1019/2012	Cử nhân
17	08120051	TRƯƠNG THỊ THU	HƯƠNG	28/02/90	Nữ	3.10	139	Khá	1020/2012	Cử nhân
18	08120011	NGUYỄN MẠNH	KHA	19/06/90	Nam	2.95	139	Khá	1021/2012	Cử nhân
19	08120054	LÊ QUANG	KHÁNH	20/06/90	Nam	2.79	139	Khá	1022/2012	Cử nhân
20	08120055	MAI THỊ KIM	KHÁNH	01/11/90	Nữ	3.09	139	Khá	1023/2012	Cử nhân
21	08120012	PHẠM ĐĂNG	KHOA	20/08/90	Nam	3.20	139	Giỏi	1024/2012	Cử nhân
22	08120014	PHẠM THỊ HỒNG	LÀI	06/11/90	Nữ	3.34	139	Giỏi	1025/2012	Cử nhân
23	08115042	LÂM THỊ THANH	LAN	26/02/90	Nữ	3.10	138	Khá	1026/2012	Cử nhân
24	08120034	THẬP THỊ HỒNG	LANG	19/06/88	Nữ	3.11	138	Khá	1027/2012	Cử nhân
25	08120094	NGUYỄN THỊ THỦY	LIÊN	29/04/90	Nữ	3.28	139	Giỏi	1028/2012	Cử nhân
26	07121010	NGUYỄN VĂN	LỢI	03/10/89	Nam	3.09	144	Khá	1029/2012	Cử nhân
27	08120058	TRỊNH THỊ KIM	LY	21/12/90	Nữ	3.26	139	Giỏi	1030/2012	Cử nhân
28	08120017	NGUYỄN THÀNH	MINH	21/03/90	Nam	2.74	139	Khá	1031/2012	Cử nhân
29	08120018	PHAN THANH	MINH	02/12/88	Nam	2.69	139	Khá	1032/2012	Cử nhân
30	08120019	PHAN TẤN HUY	NHẠC	26/02/89	Nam	2.55	139	Khá	1033/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tin chi)

Trang 16

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
31	08120020	ĐINH VIỆT PHÚ	29/12/89	Nam	2.83	139	Khá	1034/2012	Cử nhân
32	08120021	NGUYỄN NGỌC MINH PHỤNG	07/09/90	Nam	2.87	139	Khá	1035/2012	Cử nhân
33	08120063	ĐẶNG HỮU PHƯỚC	28/06/90	Nam	2.79	139	Khá	1036/2012	Cử nhân
34	08120022	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	22/06/90	Nữ	3.02	139	Khá	1037/2012	Cử nhân
35	08120066	ĐINH THỊ THANH	07/12/90	Nữ	3.52	139	Giỏi	1038/2012	Cử nhân
36	08120071	TRẦN THỊ DA THẢO	05/09/90	Nữ	3.31	139	Giỏi	1039/2012	Cử nhân
37	08120024	LÊ QUANG THIÊN	04/01/90	Nam	2.53	139	Khá	1040/2012	Cử nhân
38	08120075	DƯƠNG THỊ THU	12/11/90	Nữ	3.52	139	Giỏi	1041/2012	Cử nhân
39	08120076	NGUYỄN THỊ THIÊN THU	23/07/90	Nữ	3.05	139	Khá	1042/2012	Cử nhân
40	08120025	PHẠM THỊ THU	23/11/90	Nữ	2.99	139	Khá	1043/2012	Cử nhân
41	08120077	LÊ THỊ MỸ THUẬN	19/03/90	Nữ	3.27	139	Giỏi	1044/2012	Cử nhân
42	08120078	LÊ MINH THÚY	22/03/90	Nữ	2.86	139	Khá	1045/2012	Cử nhân
43	07120087	NGUYỄN NGỌC THÚY	01/04/89	Nữ	2.56	144	Khá	1046/2012	Cử nhân
44	08120079	NGUYỄN THỊ THÚY	12/06/90	Nữ	3.12	139	Khá	1047/2012	Cử nhân
45	08128097	LỮ KIỀU THU	01/07/89	Nữ	3.10	139	Khá	1048/2012	Cử nhân
46	08120026	PHẠM THỊ HOÀI THƯƠNG	09/03/89	Nữ	3.00	139	Khá	1049/2012	Cử nhân
47	08120081	NGUYỄN THỊ THANH TIỀN	09/03/89	Nữ	3.02	139	Khá	1050/2012	Cử nhân
48	08120082	NGUYỄN ĐIỆN TOÁN	12/08/90	Nam	2.74	139	Khá	1051/2012	Cử nhân
49	08120030	HOÀNG THỊ TUYẾT TRINH	27/11/90	Nữ	2.83	138	Khá	1052/2012	Cử nhân
50	08120084	NGUYỄN THỊ THU TRÚC	20/11/90	Nữ	3.32	139	Giỏi	1053/2012	Cử nhân
51	08120083	DƯƠNG VĂN TRUNG	02/09/90	Nam	2.97	139	Khá	1054/2012	Cử nhân
52	08120087	LƯU VĂN VẤN	13/10/90	Nam	3.42	139	Giỏi	1055/2012	Cử nhân
53	08121003	TRẦN THIÊN VĂN	23/06/90	Nam	3.37	139	Giỏi	1056/2012	Cử nhân
54	08120032	NGUYỄN THỊ VĂN	24/10/89	Nữ	2.91	139	Khá	1057/2012	Cử nhân
55	08120033	PHẠM THỊ LY VI	26/09/90	Nữ	3.36	139	Giỏi	1058/2012	Cử nhân
56	08120088	NGÔ THANH VIỆT	21/08/90	Nam	2.93	139	Khá	1059/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 17

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
57	08120089	HUỲNH KIM	YẾN	21/12/90	Nữ	2.64	139	Khá	1060/2012	Cử nhân
58	08120090	NGUYỄN HẢI	YẾN	19/07/90	Nữ	3.26	139	Giỏi	1061/2012	Cử nhân
Lớp: DH08QT										
1	08122001	TRƯƠNG THỊ HOÀI	AN	14/11/90	Nữ	3.17	138	Khá	1062/2012	Cử nhân
2	08122002	ĐINH THỊ KIM	ANH	13/09/90	Nữ	2.74	138	Khá	1063/2012	Cử nhân
3	08122005	BÙI NGỌC	BÁ	16/08/90	Nam	3.08	137	Khá	1064/2012	Cử nhân
4	08122006	HOÀNG XUÂN	BÁCH	08/08/90	Nam	2.92	138	Khá	1065/2012	Cử nhân
5	08122004	NGUYỄN QUỐC	BẢO	20/01/90	Nam	3.03	138	Khá	1066/2012	Cử nhân
6	08122010	LẠI THỊ NGỌC	BÍCH	14/09/90	Nữ	3.03	137	Khá	1067/2012	Cử nhân
7	08122014	BÙI HỮU	CHẤT	05/07/89	Nam	3.02	136	Khá	1068/2012	Cử nhân
8	08122012	LÊ THỊ MỸ	CHÂU	12/06/90	Nữ	3.09	138	Khá	1069/2012	Cử nhân
9	08122013	LÊ THỦY BẢO	CHÂU	28/11/90	Nữ	3.18	137	Khá	1070/2012	Cử nhân
10	08122016	PHẠM THỊ THU	CÚC	15/12/90	Nữ	3.52	138	Giỏi	1071/2012	Cử nhân
11	08122022	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	11/09/90	Nữ	3.32	137	Giỏi	1072/2012	Cử nhân
12	08122025	LÊ HOÀNG MÃN	ĐẠT	05/10/90	Nam	2.87	137	Khá	1073/2012	Cử nhân
13	08122026	VÕ QUỐC	ĐẠT	15/07/90	Nam	3.33	136	Giỏi	1074/2012	Cử nhân
14	08122027	ĐINH PHÚ	ĐIỀN	12/09/90	Nam	3.24	137	Giỏi	1075/2012	Cử nhân
15	08122028	NGUYỄN VĂN	ĐỒNG	19/05/90	Nam	2.65	137	Khá	1076/2012	Cử nhân
16	07122034	NGUYỄN QUANG	ĐỨC	17/04/88	Nam	2.34	138	Trung bình	1077/2012	Cử nhân
17	08122032	TRẦN PHƯƠNG	HẢI	12/01/90	Nam	3.09	138	Khá	1078/2012	Cử nhân
18	08122035	HÀ THỊ THÚY	HĂNG	28/06/87	Nữ	3.29	137	Giỏi	1079/2012	Cử nhân
19	08122036	LÊ THỊ	HĂNG	01/10/90	Nữ	3.56	138	Giỏi	1080/2012	Cử nhân
20	08122037	LƯƠNG THỊ THU	HĂNG	03/02/90	Nữ	3.31	138	Giỏi	1081/2012	Cử nhân
21	08122038	NGUYỄN DIỆU	HĂNG	01/06/90	Nữ	3.32	137	Giỏi	1082/2012	Cử nhân
22	08122040	MAI ĐÌNH	HIỆP	10/11/90	Nam	3.24	137	Giỏi	1083/2012	Cử nhân
23	08122044	NGUYỄN THỊ THU	HỒNG	16/05/88	Nữ	2.55	137	Khá	1084/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 18

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
24	08122045	HOÀNG THỊ HUỆ	18/01/90	Nữ	2.88	139	Khá	1085/2012	Cử nhân
25	08122048	TRƯƠNG VĂN HUY	15/06/89	Nam	2.77	136	Khá	1086/2012	Cử nhân
26	08122049	VƯƠNG QUỐC HUY	01/01/90	Nam	3.13	139	Khá	1087/2012	Cử nhân
27	08122050	ĐOÀN THU HUYỀN	13/08/90	Nữ	2.83	138	Khá	1088/2012	Cử nhân
28	08122052	NGÔ HOÀNG THÙY	08/07/90	Nữ	3.05	137	Khá	1089/2012	Cử nhân
29	08122053	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	18/05/90	Nữ	3.03	137	Khá	1090/2012	Cử nhân
30	08122054	NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG	23/04/90	Nữ	2.94	138	Khá	1091/2012	Cử nhân
31	08122056	TỪ THỊ MỸ KHA	20/04/90	Nữ	3.10	136	Khá	1092/2012	Cử nhân
32	08122057	NGUYỄN VĂN KHÁNH	03/05/89	Nam	2.57	138	Khá	1093/2012	Cử nhân
33	08122060	BÙI TRÍ KIẾN	26/09/90	Nam	3.34	137	Giỏi	1094/2012	Cử nhân
34	08122059	THÂN TẤN KIỀU	10/05/89	Nam	2.97	137	Khá	1095/2012	Cử nhân
35	08122062	BÙI THỊ TRÚC LAN	26/11/90	Nữ	3.19	138	Khá	1096/2012	Cử nhân
36	08122063	PHAN CHÍ LINH	19/07/90	Nam	3.23	137	Giỏi	1097/2012	Cử nhân
37	08122064	TRƯƠNG THỊ MỸ LINH	03/02/90	Nữ	2.96	137	Khá	1098/2012	Cử nhân
38	08122065	ĐẶNG PHƯƠNG LOAN	10/07/90	Nữ	2.75	137	Khá	1099/2012	Cử nhân
39	08122066	LÊ THỊ LOAN	01/08/90	Nữ	3.44	137	Giỏi	1100/2012	Cử nhân
40	08122067	NGUYỄN THỊ KIM LOAN	29/03/90	Nữ	3.06	137	Khá	1101/2012	Cử nhân
41	08122068	TRƯƠNG THỊ LOAN	29/10/90	Nữ	3.19	138	Khá	1102/2012	Cử nhân
42	08122071	NGUYỄN THỊ LỘC	10/10/90	Nữ	3.27	137	Giỏi	1103/2012	Cử nhân
43	06119018	NGUYỄN TIẾN LỘC	11/03/88	Nam	3.24	140	Giỏi	1104/2012	Cử nhân
44	08122073	TRƯƠNG THỊ LUYẾN	01/09/90	Nữ	3.04	137	Khá	1105/2012	Cử nhân
45	08122074	HOÀNG TIẾT MAI	07/07/90	Nữ	3.53	136	Giỏi	1106/2012	Cử nhân
46	08122076	NGUYỄN THỊ TRIỀU MẾN	18/10/90	Nữ	3.13	137	Khá	1107/2012	Cử nhân
47	08122078	NGUYỄN THANH MINH	10/05/90	Nam	2.97	138	Khá	1108/2012	Cử nhân
48	08122080	HUYỀN THỊ LÊ MY	14/05/90	Nữ	2.93	137	Khá	1109/2012	Cử nhân
49	08122083	HUYỀN KIM NGỌC	16/06/89	Nữ	3.45	137	Giỏi	1110/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 19

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
50	08122085	PHẠM THỊ THANH	NHÂN	28/05/90	NỮ	3.08	139	Khá	1111/2012	Cử nhân
51	08122086	PHẠM THỊ	NHI	08/10/90	NỮ	3.02	139	Khá	1112/2012	Cử nhân
52	08122090	TRẦN THỊ BÍCH	NHƯ	18/01/90	NỮ	3.43	138	Giỏi	1113/2012	Cử nhân
53	08122092	ĐÀO THỊ	OANH	11/11/89	NỮ	3.03	136	Khá	1114/2012	Cử nhân
54	08122093	LÊ THANH	PHONG	21/07/90	Nam	3.11	137	Khá	1115/2012	Cử nhân
55	08122097	NGUYỄN THỊ	PHƯỚC	05/04/88	NỮ	2.69	136	Khá	1116/2012	Cử nhân
56	07122132	ĐỖ THỊ LAN	PHƯƠNG	20/11/89	NỮ	2.88	141	Khá	1117/2012	Cử nhân
57	08122094	NGUYỄN HOÀNG ANH	PHƯƠNG	07/07/89	NỮ	2.63	137	Khá	1118/2012	Cử nhân
58	08122095	NGUYỄN THỊ THU	PHƯƠNG	04/11/90	NỮ	3.02	138	Khá	1119/2012	Cử nhân
59	08122096	VÕ THỊ NGỌC	PHƯƠNG	18/03/90	NỮ	3.12	137	Khá	1120/2012	Cử nhân
60	08122102	TRẦN THỊ	QUYÊN	18/08/90	NỮ	2.97	139	Khá	1121/2012	Cử nhân
61	08122105	PHAN THỊ TUYẾT	SƯƠNG	02/08/90	NỮ	3.13	138	Khá	1122/2012	Cử nhân
62	08122106	PHAN THỊ THANH	TÂM	23/09/90	NỮ	2.95	137	Khá	1123/2012	Cử nhân
63	08122107	TRẦN THỊ	TÂM	12/02/89	NỮ	3.58	137	Giỏi	1124/2012	Cử nhân
64	08122109	TRIỆU TRÍ	TÂN	08/08/90	Nam	2.62	138	Khá	1125/2012	Cử nhân
65	08122112	TRẦN THỊ	THANH	28/02/90	NỮ	3.16	136	Khá	1126/2012	Cử nhân
66	08122113	TRẦN THỊ DIỆU	THANH	01/01/90	NỮ	3.08	136	Khá	1127/2012	Cử nhân
67	08122116	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	09/04/90	NỮ	3.39	137	Giỏi	1128/2012	Cử nhân
68	08155004	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	28/07/89	NỮ	2.78	138	Khá	1129/2012	Cử nhân
69	08122117	HỒ THỊ HỒNG	THẨM	/ /90	NỮ	3.24	138	Giỏi	1130/2012	Cử nhân
70	08122118	NGUYỄN VĂN	THÊM	10/12/87	Nam	3.04	138	Khá	1131/2012	Cử nhân
71	08122120	PHẠM THỊ THANH	THỊ	27/12/90	NỮ	3.44	137	Giỏi	1132/2012	Cử nhân
72	08122121	LÊ VÕ	THỊNH	14/08/90	Nam	2.58	137	Khá	1133/2012	Cử nhân
73	08122123	PHAN THỊ ĐỨC	THOẠI	30/12/90	NỮ	3.50	139	Giỏi	1134/2012	Cử nhân
74	08122124	LÂM THỊ	THOM	27/08/90	NỮ	3.18	138	Khá	1135/2012	Cử nhân
75	08122126	TRƯƠNG THỊ BÍCH	THÙY	11/11/90	NỮ	3.05	136	Khá	1136/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 20

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
76	08122128	HOÀNG THU	THÙY	04/09/89	NỮ	3.32	136	Giỏi	1137/2012	Cử nhân
77	08122129	VƯƠNG THỊ	THÙY	13/07/89	NỮ	2.88	138	Khá	1138/2012	Cử nhân
78	08122130	HUỲNH XUÂN	THƯ	29/04/90	NỮ	2.69	139	Khá	1139/2012	Cử nhân
79	08122131	NGUYỄN THỊ MINH	THƯ	25/12/90	NỮ	2.83	138	Khá	1140/2012	Cử nhân
80	08122133	HỒ VĂN	TÍNH	16/05/90	Nam	2.86	137	Khá	1141/2012	Cử nhân
81	08122135	LƯU DUY	TOÀN	07/11/89	Nam	2.96	137	Khá	1142/2012	Cử nhân
82	08122138	LÊ NGỌC	TRANG	29/01/90	Nam	3.11	137	Khá	1143/2012	Cử nhân
83	08122139	NGUYỄN THỊ ÁNH	TRANG	30/05/90	NỮ	3.20	138	Giỏi	1144/2012	Cử nhân
84	08122141	TÔ THỊ HUYỀN	TRANG	24/07/87	NỮ	2.78	136	Khá	1145/2012	Cử nhân
85	08122144	NGUYỄN MINH	TRIẾT	08/01/90	Nam	2.93	138	Khá	1146/2012	Cử nhân
86	08122146	TRƯƠNG CÔNG	TRỌNG	17/08/84	Nam	2.85	137	Khá	1147/2012	Cử nhân
87	08122148	PHẠM NHỮ	TRUNG	10/01/89	Nam	3.38	138	Giỏi	1148/2012	Cử nhân
88	08122153	TRẦN ANH	TUẤN	10/02/90	Nam	2.80	138	Khá	1149/2012	Cử nhân
89	08122177	ĐỖ THU THÙY	VÂN	01/04/88	NỮ	3.28	138	Giỏi	1150/2012	Cử nhân
90	08122159	NGUYỄN THỊ THÙY	VÂN	19/12/90	NỮ	3.22	137	Giỏi	1151/2012	Cử nhân
91	08122160	NGUYỄN TUYẾT	VÂN	23/02/90	NỮ	2.95	137	Khá	1152/2012	Cử nhân
92	08122162	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VI	20/07/90	NỮ	3.00	138	Khá	1153/2012	Cử nhân
93	08122163	VÕ THỊ	VUI	26/12/90	NỮ	3.13	136	Khá	1154/2012	Cử nhân
94	08122165	ĐOÀN THỊ THANH	VY	15/10/90	NỮ	2.99	137	Khá	1155/2012	Cử nhân
95	08122166	MAI THỊ HỒNG	XUYẾN	12/10/90	NỮ	3.27	136	Giỏi	1156/2012	Cử nhân
96	08122168	HÀ THỊ KIM	YẾN	09/08/90	NỮ	3.33	137	Giỏi	1157/2012	Cử nhân
97	08122169	TRẦN NGUYỄN NGỌC	YẾN	03/10/90	NỮ	3.31	139	Giỏi	1158/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 21

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: DH08TC									
1	08164001	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	15/08/90	Nữ	3.14	136	Khá	1159/2012	Cử nhân
2	08159001	VŨ THÁI ẮN	27/02/89	Nam	2.98	135	Khá	1160/2012	Cử nhân
3	08164003	NGUYỄN XUÂN BÌNH	20/11/90	Nam	2.91	136	Khá	1161/2012	Cử nhân
4	08164005	DƯƠNG THỊ HẢI CHÂU	23/09/90	Nữ	2.89	138	Khá	1162/2012	Cử nhân
5	08164006	NGUYỄN KIM CHÂU	19/09/90	Nữ	3.08	136	Khá	1163/2012	Cử nhân
6	08164007	NGUYỄN THỊ LOAN CHI	28/11/90	Nữ	3.34	135	Giỏi	1164/2012	Cử nhân
7	08164008	CAO THANH CHỨC	26/06/90	Nam	3.36	135	Giỏi	1165/2012	Cử nhân
8	08164009	NGUYỄN THỊ CÚC	23/08/90	Nữ	2.72	136	Khá	1166/2012	Cử nhân
9	08164010	LÊ THỊ NGỌC DUNG	04/04/88	Nữ	3.28	137	Giỏi	1167/2012	Cử nhân
10	08164011	NGUYỄN NGỌC THÙY DƯƠNG	26/02/90	Nữ	3.23	134	Giỏi	1168/2012	Cử nhân
11	08164077	DANH THỊ ĐÀO	20/11/87	Nữ	2.58	136	Khá	1169/2012	Cử nhân
12	08164013	BÙI VIỆT ĐỨC	01/12/90	Nam	3.08	137	Khá	1170/2012	Cử nhân
13	08164014	LÊ THỊ NGỌC HÀ	05/12/90	Nữ	3.17	135	Khá	1171/2012	Cử nhân
14	08164016	ĐÌNH THỊ HẰNG	20/02/90	Nữ	2.72	135	Khá	1172/2012	Cử nhân
15	08164017	ĐÌNH VĂN HIẾU	01/01/90	Nam	2.91	135	Khá	1173/2012	Cử nhân
16	08164018	VŨ THỊ NGỌC HIẾU	17/08/90	Nữ	3.51	135	Giỏi	1174/2012	Cử nhân
17	08164019	DƯƠNG THỊ HOA	30/08/90	Nữ	3.37	137	Giỏi	1175/2012	Cử nhân
18	08164020	MAI THỊ HÒA	12/12/90	Nữ	3.13	137	Khá	1176/2012	Cử nhân
19	08164021	NGÔ THỊ THU HOÀI	25/05/90	Nữ	3.00	136	Khá	1177/2012	Cử nhân
20	08164023	LÊ BÁ HỘ	15/02/90	Nam	2.92	138	Khá	1178/2012	Cử nhân
21	08159004	TRẦN TRIỆU HƯƠNG	13/03/89	Nam	2.61	138	Khá	1179/2012	Cử nhân
22	08164025	LÊ THỊ MỸ KHUÂN	09/02/90	Nữ	3.40	137	Giỏi	1180/2012	Cử nhân
23	08164029	VŨ THÀNH LUÂN	06/09/88	Nam	3.39	137	Giỏi	1181/2012	Cử nhân
24	08164030	TRẦN THÚY NGỌC	16/06/90	Nữ	3.67	136	Xuất sắc	1182/2012	Cử nhân
25	08164031	MAI THỊ THANH NHÀN	11/07/90	Nữ	2.81	138	Khá	1183/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 22

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
26	08164033	TRINH THỊ THANH	NHÂN	25/08/90	NỮ	2.81	134	Khá	1184/2012	Cử nhân
27	08164034	TRƯƠNG THỊ YẾN	NHI	04/03/90	NỮ	3.18	137	Khá	1185/2012	Cử nhân
28	08164035	NGUYỄN THỊ	NHIÊN	10/12/90	NỮ	3.66	137	Xuất sắc	1186/2012	Cử nhân
29	08164036	HUỲNH THỊ	NỖ	03/12/90	NỮ	3.10	135	Khá	1187/2012	Cử nhân
30	08164037	HUỲNH THỊ DIỄM	NY	14/06/90	NỮ	2.63	137	Khá	1188/2012	Cử nhân
31	08164043	NGUYỄN THỊ THANH	PHƯỢNG	02/05/90	NỮ	3.18	134	Khá	1189/2012	Cử nhân
32	08164044	NGUYỄN XUÂN	QUANG	22/04/90	Nam	3.00	137	Khá	1190/2012	Cử nhân
33	08164046	HỒ NGỌC	SƯƠNG	27/10/90	NỮ	2.68	138	Khá	1191/2012	Cử nhân
34	08164048	HỒ THANH	THANH	09/05/89	NỮ	2.71	135	Khá	1192/2012	Cử nhân
35	08164049	NGUYỄN TUẤN	THANH	25/04/90	Nam	3.13	138	Khá	1193/2012	Cử nhân
36	08164051	LÊ THỊ MAI	THẢO	15/12/90	NỮ	3.30	136	Giỏi	1194/2012	Cử nhân
37	08164052	HUỲNH THỊ MỘNG	THU	07/01/90	NỮ	2.92	137	Khá	1195/2012	Cử nhân
38	08164054	TRẦN THỊ MỘNG	THÙY	15/10/90	NỮ	2.76	135	Khá	1196/2012	Cử nhân
39	08164055	NGUYỄN THỊ THU	THÙY	15/10/90	NỮ	3.43	137	Giỏi	1197/2012	Cử nhân
40	08164056	VŨ THỊ THANH	THÙY	18/09/90	NỮ	2.98	136	Khá	1198/2012	Cử nhân
41	08164058	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	30/09/90	NỮ	3.53	136	Giỏi	1199/2012	Cử nhân
42	08164060	TRẦN QUỐC	TÍNH	01/12/90	Nam	3.21	137	Giỏi	1200/2012	Cử nhân
43	08164061	NGÔ THỊ THÙY	TRANG	20/06/90	NỮ	3.13	135	Khá	1201/2012	Cử nhân
44	08164062	NGUYỄN THỊ HIỀN	TRANG	18/06/89	NỮ	2.88	136	Khá	1202/2012	Cử nhân
45	08164064	TRẦN THỊ THANH	TRANG	27/08/90	NỮ	3.20	135	Giỏi	1203/2012	Cử nhân
46	08164065	NGUYỄN THỊ LỆ	TRINH	17/05/90	NỮ	3.05	136	Khá	1204/2012	Cử nhân
47	08164066	VŨ THỊ TUYẾT	TRINH	08/03/89	NỮ	2.74	135	Khá	1205/2012	Cử nhân
48	08164069	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	15/10/90	NỮ	2.89	135	Khá	1206/2012	Cử nhân
49	08164070	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	03/09/90	NỮ	3.36	136	Giỏi	1207/2012	Cử nhân
50	08164072	NGUYỄN TUẤN	VŨ	01/11/90	Nam	2.97	137	Khá	1208/2012	Cử nhân
51	08164073	ĐẶNG THỊ TƯỜNG	VY	03/01/90	NỮ	3.02	136	Khá	1209/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 23

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
52	08164074	TRẦN THANH	XUÂN	/ /90	Nam	2.96	136	Khá	1210/2012	Cử nhân
53	08164076	TRỊNH THỊ NGỌC	YẾN	11/05/90	Nữ	3.01	137	Khá	1211/2012	Cử nhân
Lớp: DH08TM										
1	08150002	NGUYỄN THÙY	AN	14/03/90	Nữ	3.44	135	Giỏi	1212/2012	Cử nhân
2	08150003	TRẦN THANH	AN	04/01/90	Nam	2.79	136	Khá	1213/2012	Cử nhân
3	08150009	HUỲNH THỊ PHƯƠNG	CHÂU	02/02/90	Nữ	3.27	135	Giỏi	1214/2012	Cử nhân
4	08150010	LƯƠNG THỊ NGỌC	CHÂU	21/09/90	Nữ	2.94	137	Khá	1215/2012	Cử nhân
5	08150013	NGUYỄN THỊ CẨM	CHI	18/08/90	Nữ	3.38	135	Giỏi	1216/2012	Cử nhân
6	08150016	HỒNG MỸ	DUNG	04/07/90	Nữ	3.20	135	Giỏi	1217/2012	Cử nhân
7	08150017	NGÔ THỊ LIÊN	DUNG	23/04/90	Nữ	2.68	135	Khá	1218/2012	Cử nhân
8	08150019	PHÙNG CHẤN	DUY	25/09/90	Nam	2.68	135	Khá	1219/2012	Cử nhân
9	08150021	PHẠM THỊ MỸ	DUYÊN	02/02/90	Nữ	3.07	135	Khá	1220/2012	Cử nhân
10	08150023	NGUYỄN THỊ MỘNG	ĐÀO	10/11/90	Nữ	3.11	135	Khá	1221/2012	Cử nhân
11	08150025	NGUYỄN THÀNH	ĐƯỢC	27/03/90	Nam	3.20	137	Giỏi	1222/2012	Cử nhân
12	08150026	HUỲNH THỊ HẰNG	EM	28/09/90	Nữ	3.02	135	Khá	1223/2012	Cử nhân
13	08150027	BÙI THỊ TUYẾT	GIANG	04/12/90	Nữ	3.03	135	Khá	1224/2012	Cử nhân
14	08150030	NGUYỄN LINH	GIANG	15/05/90	Nữ	2.92	135	Khá	1225/2012	Cử nhân
15	08150032	ĐẶNG THỊ NGỌC	HÀ	23/10/90	Nữ	3.50	135	Giỏi	1226/2012	Cử nhân
16	08150033	KHUẤT DUY HỒNG	HÀ	05/04/89	Nam	3.11	135	Khá	1227/2012	Cử nhân
17	08150034	NGUYỄN THỊ NGỌC	HÀ	04/11/90	Nữ	3.24	135	Giỏi	1228/2012	Cử nhân
18	08150036	BÙI THỊ	HẰNG	12/05/89	Nữ	2.96	135	Khá	1229/2012	Cử nhân
19	08150037	NGUYỄN THỊ MINH	HẰNG	07/12/89	Nữ	3.12	135	Khá	1230/2012	Cử nhân
20	08150038	NGUYỄN THỊ MINH	HÂN	21/12/90	Nữ	3.42	135	Giỏi	1231/2012	Cử nhân
21	08150039	KIỀU THỊ KIM	HIỀN	20/01/90	Nữ	3.12	135	Khá	1232/2012	Cử nhân
22	08150041	PHẠM THỊ MINH	HIẾU	27/08/90	Nữ	3.06	135	Khá	1233/2012	Cử nhân
23	08150043	NGUYỄN THỊ THANH	HOA	18/01/90	Nữ	3.26	135	Giỏi	1234/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 24

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
24	08150044	NGUYỄN TRƯỜNG KIM HOA	16/09/90	Nữ	3.40	135	Giỏi	1235/2012	Cử nhân
25	08150048	ĐỖ XUÂN HÒA	05/03/90	Nam	3.04	135	Khá	1236/2012	Cử nhân
26	08150045	TRẦN CÔNG HOÀN	11/08/86	Nam	2.86	135	Khá	1237/2012	Cử nhân
27	08150046	DƯƠNG ĐÌNH HOÀNG	20/11/90	Nam	2.82	135	Khá	1238/2012	Cử nhân
28	08150047	NGUYỄN THỊ THÚY HOÀNG	15/08/90	Nữ	3.49	135	Giỏi	1239/2012	Cử nhân
29	08150049	NGUYỄN VIỆT HỒNG	20/08/90	Nam	2.84	135	Khá	1240/2012	Cử nhân
30	08150052	PHAN THỊ NGỌC HUỆ	09/01/90	Nữ	3.15	135	Khá	1241/2012	Cử nhân
31	08150055	VŨ NGỌC HÙNG	01/01/89	Nam	2.90	135	Khá	1242/2012	Cử nhân
32	08150056	VƯƠNG KIM HÙNG	20/02/90	Nam	3.05	135	Khá	1243/2012	Cử nhân
33	07150045	NGUYỄN HUY	03/12/88	Nam	2.89	144	Khá	1244/2012	Cử nhân
34	08150054	TRỊNH THỊ HUỲNH	14/06/90	Nữ	3.07	136	Khá	1245/2012	Cử nhân
35	08150058	NGUYỄN THỊ HUƠNG	25/07/90	Nữ	3.38	135	Giỏi	1246/2012	Cử nhân
36	08150059	NGUYỄN THỊ HUƠNG	23/12/89	Nữ	3.03	135	Khá	1247/2012	Cử nhân
37	08150063	ĐINH THỊ LAN	21/06/90	Nữ	2.89	135	Khá	1248/2012	Cử nhân
38	08150064	HUỲNH MAI LAN	07/05/90	Nữ	2.77	135	Khá	1249/2012	Cử nhân
39	08150068	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	10/01/90	Nữ	2.93	136	Khá	1250/2012	Cử nhân
40	08150069	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	20/09/90	Nữ	3.37	135	Giỏi	1251/2012	Cử nhân
41	08150071	TRẦN PHƯƠNG LINH	08/05/90	Nữ	3.62	135	Xuất sắc	1252/2012	Cử nhân
42	08150073	VŨ THỊ KHÁNH LINH	22/10/90	Nữ	3.07	135	Khá	1253/2012	Cử nhân
43	08150074	NGUYỄN THỊ THANH LOAN	03/02/90	Nữ	3.45	136	Giỏi	1254/2012	Cử nhân
44	08150075	PHÙ THỊ TRÚC LY	21/10/90	Nữ	3.21	135	Giỏi	1255/2012	Cử nhân
45	08150077	PHẠM TUYẾT MAI	02/09/90	Nữ	3.10	136	Khá	1256/2012	Cử nhân
46	08150079	PHAN THỊ HỒNG MÂN	13/06/90	Nữ	3.00	135	Khá	1257/2012	Cử nhân
47	08150080	DƯƠNG THỊ MINH	18/02/90	Nữ	3.59	135	Giỏi	1258/2012	Cử nhân
48	08150081	NGUYỄN NGỌC MINH	03/09/90	Nữ	3.10	135	Khá	1259/2012	Cử nhân
49	08150083	ĐỖ THỊ MỪNG	02/04/90	Nữ	3.25	135	Giỏi	1260/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 25

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
50	08150086	NGÔ NGỌC	NAM	19/03/89	Nam	3.13	135	Khá	1261/2012	Cử nhân
51	08150087	TRƯƠNG HOÀNG	NAM	16/02/90	Nam	3.10	135	Khá	1262/2012	Cử nhân
52	08150091	PHAN THỊ MINH	NGỌC	27/07/90	Nữ	2.90	135	Khá	1263/2012	Cử nhân
53	08150095	TRẦN MAI	NHÂN	15/02/89	Nữ	2.95	135	Khá	1264/2012	Cử nhân
54	08150096	LÊ THỊ YẾN	NHI	07/05/90	Nữ	3.11	135	Khá	1265/2012	Cử nhân
55	08150098	PHAN TẤN HUY	NHUẬN	26/02/89	Nam	2.48	137	Trung bình	1266/2012	Cử nhân
56	08150101	LỤC THUY THANH	NHƯ	10/07/90	Nữ	3.20	135	Giỏi	1267/2012	Cử nhân
57	08150102	NGUYỄN HOÀNG	NHỰT	22/02/90	Nam	2.97	135	Khá	1268/2012	Cử nhân
58	08150104	LÊ THỊ KIM	NỮ	20/09/90	Nữ	3.48	135	Giỏi	1269/2012	Cử nhân
59	08150105	BÙI THỊ HOÀNG	OANH	05/10/89	Nữ	2.98	135	Khá	1270/2012	Cử nhân
60	08150106	CA THỊ KIM	PHA	28/03/90	Nữ	3.07	136	Khá	1271/2012	Cử nhân
61	08150108	ĐÀO THỊ BÍCH	PHƯƠNG	23/11/90	Nữ	3.44	135	Giỏi	1272/2012	Cử nhân
62	08150109	LÊ ANH	PHƯƠNG	02/04/89	Nữ	3.54	135	Giỏi	1273/2012	Cử nhân
63	08150112	NGUYỄN THỊ HỒNG	PHƯƠNG	27/08/90	Nữ	2.85	135	Khá	1274/2012	Cử nhân
64	08150113	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	10/01/89	Nữ	2.84	137	Khá	1275/2012	Cử nhân
65	08150114	TRẦN THỊ KIỀU	PHƯƠNG	10/09/90	Nữ	3.44	135	Giỏi	1276/2012	Cử nhân
66	08150115	TRẦN MINH	QUANG	10/07/89	Nam	3.32	136	Giỏi	1277/2012	Cử nhân
67	08150116	NGUYỄN CÔNG	QUANG	24/04/90	Nam	2.73	135	Khá	1278/2012	Cử nhân
68	08150117	PHẠM ĐÌNH	QUÂN	21/07/90	Nam	2.54	135	Khá	1279/2012	Cử nhân
69	08150118	PHẠM NGỌC MINH	QUÂN	26/08/90	Nam	3.15	136	Khá	1280/2012	Cử nhân
70	07150112	NGUYỄN VĂN	QUÝ	10/05/89	Nam	2.65	145	Khá	1281/2012	Cử nhân
71	08150122	NGUYỄN THỊ TUYẾT	SANG	02/01/90	Nữ	3.40	135	Giỏi	1282/2012	Cử nhân
72	08150124	CHÊ A	SÙI	07/02/89	Nam	2.70	137	Khá	1283/2012	Cử nhân
73	08150125	NGUYỄN THỊ NGỌC	SƯƠNG	11/10/90	Nữ	2.85	135	Khá	1284/2012	Cử nhân
74	08150126	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	18/01/90	Nữ	2.78	137	Khá	1285/2012	Cử nhân
75	08150130	VÕ THỊ TRÚC	THANH	30/04/90	Nữ	2.91	135	Khá	1286/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 26

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
76	08150131	ĐỒNG ĐỨC THÀNH	23/11/90	Nam	3.03	135	Khá	1287/2012	Cử nhân
77	08150132	BÙI HUY THĂNG	04/10/90	Nam	2.92	137	Khá	1288/2012	Cử nhân
78	08150134	NGUYỄN NGỌC MAI THI	14/03/90	Nữ	2.99	136	Khá	1289/2012	Cử nhân
79	08150137	ĐỖ MINH THIẾT	01/04/90	Nam	3.16	135	Khá	1290/2012	Cử nhân
80	08150138	LÊ ANH THÌN	01/04/89	Nam	3.07	135	Khá	1291/2012	Cử nhân
81	07150143	ĐỖ TẤN THỊNH	01/01/88	Nam	2.35	142	Trung bình	1292/2012	Cử nhân
82	08150139	LÊ QUỐC THỊNH	17/09/90	Nam	2.89	137	Khá	1293/2012	Cử nhân
83	08150140	TRẦN THỊ KIM THỊNH	12/05/90	Nữ	2.71	135	Khá	1294/2012	Cử nhân
84	08150141	HUYỀN THỊ PHƯƠNG THOA	14/09/90	Nữ	2.93	135	Khá	1295/2012	Cử nhân
85	08150142	DƯƠNG THỊ THƠ	30/05/90	Nữ	3.26	135	Giỏi	1296/2012	Cử nhân
86	08150143	NGUYỄN TẤN THỜI	03/07/90	Nam	2.67	135	Khá	1297/2012	Cử nhân
87	08150144	DƯƠNG THỊ THỦY	28/03/90	Nữ	3.02	137	Khá	1298/2012	Cử nhân
88	08150147	TRẦN THỊ THU THỦY	02/07/90	Nữ	3.12	135	Khá	1299/2012	Cử nhân
89	08150148	ĐÀO THỊ BÍCH THỦY	14/02/89	Nữ	2.82	135	Khá	1300/2012	Cử nhân
90	08150150	NGUYỄN HOÀNG ANH THỨ	18/05/90	Nữ	2.91	135	Khá	1301/2012	Cử nhân
91	08150151	VÕ THỊ ANH THỨ	02/08/90	Nữ	3.23	135	Giỏi	1302/2012	Cử nhân
92	08150155	NGUYỄN THỊ THANH TRANG	08/04/90	Nữ	3.37	135	Giỏi	1303/2012	Cử nhân
93	07150175	PHẠM THỊ THỦY TRANG	22/11/89	Nữ	2.72	143	Khá	1304/2012	Cử nhân
94	08150156	THÁI THỊ THU TRANG	09/10/90	Nữ	3.00	135	Khá	1305/2012	Cử nhân
95	08150161	LÂM NGỌC TRẦN	10/09/90	Nữ	3.02	135	Khá	1306/2012	Cử nhân
96	08150163	TRẦN ĐĂNG PHƯƠNG TRẦN	21/01/90	Nữ	2.85	135	Khá	1307/2012	Cử nhân
97	08150166	NGUYỄN MINH TRÍ	29/11/90	Nam	2.68	136	Khá	1308/2012	Cử nhân
98	08150167	NGUYỄN THỊ CAO TRÍ	12/09/90	Nữ	3.41	135	Giỏi	1309/2012	Cử nhân
99	08150170	PHÙNG THANH TRƯỜNG	16/07/90	Nam	3.01	135	Khá	1310/2012	Cử nhân
100	08150174	DƯƠNG TÔN TÚ	11/08/90	Nữ	3.44	135	Giỏi	1311/2012	Cử nhân
101	08150171	VŨ NGỌC TUẤN	01/11/90	Nam	3.03	136	Khá	1312/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 27

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
102	08150173	PHẠM THỊ HỒNG TUYẾT	27/11/90	Nữ	3.49	135	Giỏi	1313/2012	Cử nhân
103	08150179	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	10/05/90	Nữ	2.99	135	Khá	1314/2012	Cử nhân
104	08150181	NGUYỄN THỊ VI	28/06/90	Nữ	3.00	135	Khá	1315/2012	Cử nhân
105	08150182	VÕ THỊ HUYỀN VI	20/09/89	Nữ	2.87	135	Khá	1316/2012	Cử nhân
106	08150186	LÊ VŨ TƯỜNG VY	17/09/90	Nữ	3.21	135	Giỏi	1317/2012	Cử nhân
107	08150188	NGUYỄN HOÀNG HẢI YẾN	01/01/91	Nữ	3.39	136	Giỏi	1318/2012	Cử nhân
108	08150189	NGUYỄN THỊ HỒNG YẾN	12/02/90	Nữ	3.29	136	Giỏi	1319/2012	Cử nhân
Lớp: DH09KE									
1	09123099	ĐÀM THỊ THẢO NGUYỄN	09/10/91	Nữ	3.32	135	Giỏi	1320/2012	Cử nhân
Lớp: DH09KT									
1	09120010	PHẠM THỊ TOÀN LANH	16/08/91	Nữ	3.43	138	Giỏi	1321/2012	Cử nhân
Lớp: DH09TM									
1	09150038	NGUYỄN THỊ BÍCH HUỆ	06/07/91	Nữ	3.19	135	Khá	1322/2012	Cử nhân
Lớp: DH08CB									
1	08115001	LÂM NGỌC TỬ ANH	13/12/90	Nam	3.01	137	Khá	1323/2012	Kỹ sư
2	08115006	ĐẶNG ĐÌNH DUY	29/04/90	Nam	3.14	137	Khá	1324/2012	Kỹ sư
3	08115037	PHÙNG THỊ HỌP	08/04/90	Nữ	2.98	139	Khá	1325/2012	Kỹ sư
4	08115010	NGÔ TẤN LĨNH	10/10/90	Nam	2.79	139	Khá	1326/2012	Kỹ sư
5	08115030	PHẠM THỊ NGỌC LY	02/04/90	Nữ	2.74	137	Khá	1327/2012	Kỹ sư
6	08115011	PHAN THỊ NGỌC MỸ	10/03/89	Nữ	2.76	136	Khá	1328/2012	Kỹ sư
7	08115039	VÕ THỊ BÍCH NGỌC	19/09/90	Nữ	2.85	137	Khá	1329/2012	Kỹ sư
8	08115032	PHẠM VĂN NINH	20/11/89	Nam	2.40	138	Trung bình	1330/2012	Kỹ sư
9	08115014	TRẦN VĂN PHÁT	07/03/90	Nam	2.53	138	Khá	1331/2012	Kỹ sư
10	08115016	LÊ THỊ MAI PHƯƠNG	28/05/90	Nữ	2.48	137	Trung bình	1332/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 28

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
11	08115033	TẶNG NGỌC	QUÍ	21/01/90	Nam	2.41	138	Trung bình	1333/2012	Kỹ sư
12	08115040	TRƯƠNG THỊ	SEN	16/05/90	Nữ	3.20	137	Giỏi	1334/2012	Kỹ sư
13	08115044	BÙI TẤN HUY	THIỆP	21/06/90	Nam	2.40	138	Trung bình	1335/2012	Kỹ sư
14	08115034	VÕ THANH	TIỀN	20/02/90	Nam	2.64	137	Khá	1336/2012	Kỹ sư
15	08115022	LÊ THỊ THU	TRANG	03/06/90	Nữ	2.93	137	Khá	1337/2012	Kỹ sư
16	08115023	ĐÀO DUY	TUẤN	01/06/90	Nam	2.76	137	Khá	1338/2012	Kỹ sư

Lớp: DH08GB

1	08134020	VÕ THÙY	HĂNG	06/04/90	Nữ	3.10	140	Khá	1339/2012	Kỹ sư
2	07134009	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	28/01/88	Nữ	2.66	140	Khá	1340/2012	Kỹ sư
3	08134030	TRƯƠNG THỊ THÙY	LIÊN	28/08/90	Nữ	2.69	140	Khá	1341/2012	Kỹ sư
4	08134039	LÊ THỊ THÙY	LIÊU	30/12/89	Nữ	2.75	138	Khá	1342/2012	Kỹ sư
5	08134011	NGUYỄN LIÊN	MAI	25/03/90	Nữ	2.58	139	Khá	1343/2012	Kỹ sư
6	08134012	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGÂN	28/07/90	Nữ	2.84	138	Khá	1344/2012	Kỹ sư
7	08134003	NGUYỄN THỊ KIM	SƯƠNG	25/03/90	Nữ	3.03	139	Khá	1345/2012	Kỹ sư
8	08134015	PHAN THỊ	THẢO	24/11/90	Nữ	3.04	138	Khá	1346/2012	Kỹ sư
9	08134016	TRẦN BÉ	THUẬN	25/07/90	Nữ	2.82	140	Khá	1347/2012	Kỹ sư
10	08134006	HUỖNH THỊ ÁI	THƯƠNG	18/08/90	Nữ	3.23	138	Giỏi	1348/2012	Kỹ sư

Lớp: DH08LN

1	08114003	NGUYỄN HOÀI	BÍNH	09/04/90	Nam	2.68	137	Khá	1349/2012	Kỹ sư
2	08114007	HUỖNH VƯƠNG MẠNH	CƯỜNG	14/03/90	Nam	2.23	136	Trung bình	1350/2012	Kỹ sư
3	08114012	TRẦN THỊ KIM	DUNG	10/07/90	Nữ	3.03	137	Khá	1351/2012	Kỹ sư
4	08114022	TRƯƠNG THỊ	GẮM	15/02/90	Nữ	2.39	135	Trung bình	1352/2012	Kỹ sư
5	08114135	NGUYỄN NGỌC	HUYỀN	20/10/90	Nữ	2.98	135	Khá	1353/2012	Kỹ sư
6	08114042	TRẦN QUỐC	KIÊN	06/03/90	Nam	2.77	134	Khá	1354/2012	Kỹ sư
7	08114044	NGUYỄN THỊ	KIM	14/05/90	Nữ	2.76	135	Khá	1355/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 29

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
8	08114045	TRẦN THANH LÂM	15/02/88	Nam	2.96	135	Khá	1356/2012	Kỹ sư
9	08114046	NGUYỄN HÀ LỘC	14/09/90	Nam	2.71	135	Khá	1357/2012	Kỹ sư
10	08114047	ĐOÀN NGỌC LỢI	07/08/90	Nam	2.74	135	Khá	1358/2012	Kỹ sư
11	08114049	TRẦN HUY LUÂN	02/06/90	Nam	2.57	135	Khá	1359/2012	Kỹ sư
12	08114057	TRỊNH PHƯƠNG NAM	03/10/90	Nam	2.53	136	Khá	1360/2012	Kỹ sư
13	08114139	PHẠM THỊ NGÀ	10/01/90	Nữ	3.13	135	Khá	1361/2012	Kỹ sư
14	07114037	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	30/09/89	Nữ	2.43	145	Trung bình	1362/2012	Kỹ sư
15	08114065	PHAN XUÂN PHỒ	24/01/90	Nam	2.44	135	Trung bình	1363/2012	Kỹ sư
16	08114067	MAI HỮU PHÚC	05/03/90	Nam	2.68	135	Khá	1364/2012	Kỹ sư
17	08114166	PHẠM MINH RÓT	22/12/90	Nam	2.19	135	Trung bình	1365/2012	Kỹ sư
18	08114076	NGUYỄN VĂN SÁNG	02/09/90	Nam	3.11	135	Khá	1366/2012	Kỹ sư
19	08114151	NGUYỄN VĂN THẮNG	22/07/89	Nam	2.67	135	Khá	1367/2012	Kỹ sư
20	07114051	PHAN NGUYỄN THẮNG	08/11/88	Nam	2.03	145	Trung bình	1368/2012	Kỹ sư
21	08114153	PHẠM VĂN THUẤN	05/05/86	Nam	2.65	135	Khá	1369/2012	Kỹ sư
22	08114090	PHAN THỊ THỦY	03/12/90	Nữ	2.96	135	Khá	1370/2012	Kỹ sư
23	08114158	VÕ PHONG TRỌNG	10/11/90	Nam	2.49	135	Trung bình	1371/2012	Kỹ sư
24	08114097	LÊ VĨNH TRƯỜNG	02/04/90	Nam	3.13	135	Khá	1372/2012	Kỹ sư
25	08114098	NGUYỄN MẠNH TRƯỜNG	08/08/90	Nam	2.18	136	Trung bình	1373/2012	Kỹ sư
26	08114099	CAO THANH TUẤN	06/06/90	Nam	2.66	137	Khá	1374/2012	Kỹ sư
27	07114101	THẠCH THỊ KIM TUYẾN	23/01/88	Nữ	2.17	146	Trung bình	1375/2012	Kỹ sư
28	08114106	MAI THỊ THANH VÂN	06/10/90	Nữ	2.43	135	Trung bình	1376/2012	Kỹ sư
29	08114109	TRẦN QUỐC VINH	08/06/88	Nam	2.43	135	Trung bình	1377/2012	Kỹ sư
30	08114111	NGUYỄN HUY VŨ	01/08/90	Nam	2.36	135	Trung bình	1378/2012	Kỹ sư
31	08114112	NGUYỄN QUANG VŨ	13/02/90	Nam	2.44	135	Trung bình	1379/2012	Kỹ sư
32	08114164	HOÀNG HẢI YẾN	29/03/90	Nữ	2.35	134	Trung bình	1380/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 30

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: DH08NK									
1	08146133	NGUYỄN PHẠM TRƯỜNG AN	25/01/90	Nữ	2.35	139	Trung bình	1381/2012	Kỹ sư
2	08146034	NGUYỄN THỊ HUẾ	05/04/89	Nữ	2.69	135	Khá	1382/2012	Kỹ sư
3	07146024	BÙI THỊ HUYỀN	17/08/87	Nữ	2.90	142	Khá	1383/2012	Kỹ sư
4	08146037	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	02/03/87	Nữ	3.03	134	Khá	1384/2012	Kỹ sư
5	08146114	KIM THỊ KHÊ	15/04/89	Nữ	2.45	135	Trung bình	1385/2012	Kỹ sư
6	08146048	VÕ CHÍ LINH	20/08/90	Nam	2.75	135	Khá	1386/2012	Kỹ sư
7	08146162	VÕ THỊ DIỄM	29/12/90	Nữ	2.87	136	Khá	1387/2012	Kỹ sư
8	08146165	LÊ HOÀI MINH	05/09/90	Nam	3.07	139	Khá	1388/2012	Kỹ sư
9	08146168	LÊ THỊ MÙI	06/05/90	Nữ	2.42	135	Trung bình	1389/2012	Kỹ sư
10	08146169	NGUYỄN THỊ NGÂN	26/08/89	Nữ	3.11	135	Khá	1390/2012	Kỹ sư
11	08146062	HUỲNH TRANG NGUYỄN	27/10/90	Nam	3.12	135	Khá	1391/2012	Kỹ sư
12	08146175	BÙI THỊ PHÂN	/ /89	Nữ	2.85	135	Khá	1392/2012	Kỹ sư
13	08146071	NGUYỄN ĐỨC PHÚ	15/10/89	Nam	2.44	136	Trung bình	1393/2012	Kỹ sư
14	08146181	LÊ VĂN PHƯỚC	30/05/90	Nam	2.82	139	Khá	1394/2012	Kỹ sư
15	08146074	NGUYỄN XUÂN QUANG	12/02/90	Nam	2.62	135	Khá	1395/2012	Kỹ sư
16	08146185	HUỲNH THANH SƠN	31/10/89	Nam	2.62	135	Khá	1396/2012	Kỹ sư
17	08146082	NGUYỄN MINH TÂN	27/02/90	Nam	3.09	135	Khá	1397/2012	Kỹ sư
18	08146087	VÕ TRẦN THẮNG	08/04/89	Nam	2.64	135	Khá	1398/2012	Kỹ sư
19	08146127	NGUYỄN THỊ CẨM THƠ	/ /88	Nữ	2.62	135	Khá	1399/2012	Kỹ sư
20	08146203	ĐINH VĂN TIẾN	27/01/90	Nam	2.27	135	Trung bình	1400/2012	Kỹ sư
21	07146059	ĐINH QUANG TUẤN	12/04/88	Nam	2.31	143	Trung bình	1401/2012	Kỹ sư
22	08146096	NGUYỄN THANH TÙNG	01/08/80	Nam	2.51	136	Khá	1402/2012	Kỹ sư
23	08146094	BÙI THỊ NGỌC TUYẾN	22/08/90	Nữ	3.35	136	Giỏi	1403/2012	Kỹ sư
24	08146210	VŨ HỒNG TUYẾN	18/01/90	Nữ	2.65	134	Khá	1404/2012	Kỹ sư
25	07146063	ĐẶNG QUỐC VIỆT	10/12/89	Nam	2.47	144	Trung bình	1405/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 31

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
26	08146131	TRẦN THANH	XUÂN	/ /89	Nam	2.45	134	Trung bình	1406/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08QR										
1	08147001	ĐẶNG VĂN	AN	09/11/90	Nam	2.57	136	Khá	1407/2012	Kỹ sư
2	08147008	NGUYỄN QUỐC	BẢO	24/10/90	Nam	2.61	137	Khá	1408/2012	Kỹ sư
3	08147010	HUYỀN LÊ ANH	BIN	01/06/90	Nam	2.48	140	Trung bình	1409/2012	Kỹ sư
4	08147017	VÕ THỊ KIM	CHI	07/05/90	Nữ	3.15	138	Khá	1410/2012	Kỹ sư
5	08147019	HÀ VĂN	CHỈ	03/06/90	Nam	2.76	136	Khá	1411/2012	Kỹ sư
6	08147023	NGUYỄN CAO	CUÔNG	11/02/90	Nam	3.06	136	Khá	1412/2012	Kỹ sư
7	08147033	NGUYỄN THỊ THÙY	DƯƠNG	15/02/90	Nữ	2.73	136	Khá	1413/2012	Kỹ sư
8	08147041	ĐÀO TRỌNG	ĐÔNG	10/07/90	Nam	2.39	137	Trung bình	1414/2012	Kỹ sư
9	07147022	PHẠM VĂN	HÀ	15/05/89	Nam	2.39	146	Trung bình	1415/2012	Kỹ sư
10	08147050	TRẦN THỊ THU	HÀ	30/10/90	Nữ	3.41	136	Giỏi	1416/2012	Kỹ sư
11	08147053	NGÔ LÊ MINH	HẢI	06/02/90	Nam	3.00	137	Khá	1417/2012	Kỹ sư
12	08147056	PHẠM SĨ	HẢI	18/12/90	Nam	2.86	138	Khá	1418/2012	Kỹ sư
13	08147058	PHẠM THỊ TUYẾT	HẠNH	05/02/90	Nữ	3.04	137	Khá	1419/2012	Kỹ sư
14	07147032	VÕ THÁI	HOÀNG	26/08/88	Nam	2.48	147	Trung bình	1420/2012	Kỹ sư
15	08147078	LÊ TRÚC	HUÂN	10/08/88	Nam	2.60	137	Khá	1421/2012	Kỹ sư
16	08147089	LÊ THÁI	HÙNG	20/07/90	Nam	3.22	137	Giỏi	1422/2012	Kỹ sư
17	08147090	TRẦN PHƯỚC	HÙNG	26/02/90	Nam	2.71	137	Khá	1423/2012	Kỹ sư
18	08147082	ĐOÀN TẤN	HUY	20/06/90	Nam	2.69	138	Khá	1424/2012	Kỹ sư
19	08147083	LÊ THỊ THANH	HUYỀN	01/07/90	Nữ	2.99	137	Khá	1425/2012	Kỹ sư
20	08147096	TÔ ĐỨC	HỮU	02/07/90	Nam	2.82	136	Khá	1426/2012	Kỹ sư
21	08147101	NGUYỄN HỮU	KHẮP	27/10/87	Nam	3.12	138	Khá	1427/2012	Kỹ sư
22	08147105	HUYỀN THỊ KIỀU	KHUÔNG	17/03/90	Nữ	2.88	138	Khá	1428/2012	Kỹ sư
23	08147108	NGUYỄN THỊ NGỌC	LÂM	01/12/90	Nữ	3.00	137	Khá	1429/2012	Kỹ sư
24	07147044	THÁI HOÀNG	LÂM	24/10/89	Nam	2.23	147	Trung bình	1430/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 32

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
25	08147115	ĐINH THỊ PHƯƠNG	LOAN	13/07/90	Nữ	2.90	139	Khá	1431/2012	Kỹ sư
26	07147054	THÁI VĂN	LƯỢNG	20/09/89	Nam	2.61	147	Khá	1432/2012	Kỹ sư
27	08147131	NGUYỄN VĂN	MỪNG	24/12/88	Nam	2.86	138	Khá	1433/2012	Kỹ sư
28	08147135	TRẦN NỮ QUỲNH	NGA	19/10/90	Nữ	2.98	138	Khá	1434/2012	Kỹ sư
29	08147139	VÕ XUÂN	NGHĨA	13/09/89	Nam	2.88	138	Khá	1435/2012	Kỹ sư
30	08147140	TRẦN VĂN	NGỘ	11/05/90	Nam	2.40	139	Trung bình	1436/2012	Kỹ sư
31	08147145	VŨ VĂN	NHẬT	02/01/89	Nam	3.10	139	Khá	1437/2012	Kỹ sư
32	08147147	PHẠM THỊ QUỲNH	NHƯ	31/12/90	Nữ	3.01	136	Khá	1438/2012	Kỹ sư
33	08147170	NGUYỄN VĂN	SỸ	10/10/90	Nam	2.51	137	Khá	1439/2012	Kỹ sư
34	08147172	TRẦN THỊ KIM	TÁNH	16/03/90	Nữ	2.59	139	Khá	1440/2012	Kỹ sư
35	08147184	NGUYỄN ĐAI	THẠCH	08/10/90	Nam	2.61	137	Khá	1441/2012	Kỹ sư
36	08147181	HUỖNH THÁI	THẢO	21/04/90	Nữ	3.60	136	Xuất sắc	1442/2012	Kỹ sư
37	08147185	NGUYỄN HỮU	THẮNG	03/01/90	Nam	2.78	138	Khá	1443/2012	Kỹ sư
38	07147089	PHẠM PHÚC	THẬP	10/08/89	Nam	2.17	148	Trung bình	1444/2012	Kỹ sư
39	08147195	ĐOÀN THỊ	THỦY	01/01/90	Nữ	2.70	137	Khá	1445/2012	Kỹ sư
40	08147196	MAI THỊ	THỦY	12/02/90	Nữ	2.36	139	Trung bình	1446/2012	Kỹ sư
41	08147244	CIL	TOAN	25/09/89	Nam	2.87	138	Khá	1447/2012	Kỹ sư
42	08147209	LÊ ĐỨC	TRIỀU	16/07/90	Nam	2.88	138	Khá	1448/2012	Kỹ sư
43	07147101	CAO THỊ AN	TRINH	19/06/89	Nữ	2.73	146	Khá	1449/2012	Kỹ sư
44	07147197	TRƯƠNG VĂN	TÙNG	20/09/88	Nam	2.53	147	Khá	1450/2012	Kỹ sư
45	08147232	HỒ VĨNH	TƯỜNG	29/02/90	Nam	2.76	138	Khá	1451/2012	Kỹ sư
46	08147237	HỒ MINH	VŨ	10/10/90	Nam	3.08	138	Khá	1452/2012	Kỹ sư
47	08147238	LÊ HOÀI	VŨ	23/07/90	Nam	2.77	138	Khá	1453/2012	Kỹ sư
48	08147239	NGÔ TRƯƠNG	VŨ	09/03/90	Nam	3.08	137	Khá	1454/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 33

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: DH09QR									
1	09147016	LÊ VIỆT DŨNG	01/12/91	Nam	3.02	138	Khá	1455/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08CH									
1	08131002	NGÔ NGUYỄN TRƯỜNG AN	27/02/90	Nữ	2.93	140	Khá	1456/2012	Kỹ sư
2	08131009	PHAN THỊ NGỌC ANH	15/05/90	Nữ	2.80	140	Khá	1457/2012	Kỹ sư
3	08131019	NGUYỄN MINH CHÍ	01/01/90	Nam	2.75	140	Khá	1458/2012	Kỹ sư
4	08131031	ĐẶNG HỮU DUYÊN	19/08/89	Nữ	2.57	140	Khá	1459/2012	Kỹ sư
5	08131032	NGUYỄN THỊ THÙY DUYÊN	17/02/90	Nữ	2.93	141	Khá	1460/2012	Kỹ sư
6	08131048	BÙI THỊ HIỀN	17/08/90	Nữ	2.87	140	Khá	1461/2012	Kỹ sư
7	08131049	LÊ THỊ THANH HIỀN	23/06/89	Nữ	3.07	140	Khá	1462/2012	Kỹ sư
8	08131050	LỘC THỊ HIỀN	25/08/90	Nữ	2.75	140	Khá	1463/2012	Kỹ sư
9	08131060	NGUYỄN LÊ THÙY HỒNG	10/12/90	Nữ	2.70	140	Khá	1464/2012	Kỹ sư
10	08131067	VÕ MAI HUỲNH	23/01/90	Nữ	3.13	141	Khá	1465/2012	Kỹ sư
11	08131078	ĐOÀN THỊ DIỄM KIỀU	12/08/90	Nữ	2.98	140	Khá	1466/2012	Kỹ sư
12	08131086	SỬ TÚ LIÊN	31/08/90	Nữ	2.48	140	Trung bình	1467/2012	Kỹ sư
13	08131090	TRẦN THỊ LĨNH	27/02/90	Nữ	2.95	140	Khá	1468/2012	Kỹ sư
14	08131091	VŨ THỊ THANH LOAN	21/12/90	Nữ	2.65	140	Khá	1469/2012	Kỹ sư
15	08131095	NGUYỄN VĂN THUẬN LỢI	05/05/90	Nam	3.05	140	Khá	1470/2012	Kỹ sư
16	08131113	LƯU KIẾN NHÃN	14/06/90	Nam	2.69	140	Khá	1471/2012	Kỹ sư
17	08131115	TẠ THỊ YẾN NHI	03/04/90	Nữ	2.76	140	Khá	1472/2012	Kỹ sư
18	08131135	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	20/04/90	Nữ	2.70	140	Khá	1473/2012	Kỹ sư
19	08131138	TRẦN THỊ KIM SOA	17/03/90	Nữ	2.87	140	Khá	1474/2012	Kỹ sư
20	08131147	ĐẶNG NGUYỄN THẢO	03/05/90	Nữ	3.19	140	Khá	1475/2012	Kỹ sư
21	08131158	PHẠM THỊ BÉ THON	24/04/90	Nữ	3.15	141	Khá	1476/2012	Kỹ sư
22	08131162	LƯƠNG THỊ THANH THÙY	18/06/90	Nữ	2.89	141	Khá	1477/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 34

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
23	08131165	NGUYỄN THỊ ANH	THỨ	04/01/90	NỮ	3.22	141	Giỏi	1478/2012	Kỹ sư
24	08131178	NGUYỄN BẢO	TRUNG	01/07/90	Nam	3.08	141	Khá	1479/2012	Kỹ sư
25	08131186	PHẠM THANH	TÙNG	03/07/90	Nam	2.52	140	Khá	1480/2012	Kỹ sư
26	08131184	LÊ THỊ KIM	TUYẾN	07/09/90	NỮ	3.06	140	Khá	1481/2012	Kỹ sư
27	08131196	LÊ TRẦN LỆ	XUÂN	20/10/90	NỮ	2.75	140	Khá	1482/2012	Kỹ sư
28	07131228	NGUYỄN THỊ	XUÂN	07/03/87	NỮ	2.21	156	Trung bình	1483/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08DL										
1	08157002	ĐẶNG THÚY	AN	17/05/90	NỮ	2.95	140	Khá	1484/2012	Kỹ sư
2	08157007	NGUYỄN THỊ KIM	ANH	16/07/90	NỮ	3.25	139	Giỏi	1485/2012	Kỹ sư
3	08157012	VŨ MINH	ANH	24/06/90	NỮ	2.94	139	Khá	1486/2012	Kỹ sư
4	08157019	NGUYỄN ĐÀI	BẮC	11/01/89	Nam	3.03	138	Khá	1487/2012	Kỹ sư
5	08157021	HUỲNH THỊ CẨM	BÌNH	20/05/90	NỮ	3.11	140	Khá	1488/2012	Kỹ sư
6	08157027	NGUYỄN THIÊN	CHÍ	21/12/90	Nam	2.22	139	Trung bình	1489/2012	Kỹ sư
7	08157030	NGUYỄN THỊ THU	CÚC	02/10/90	NỮ	2.73	139	Khá	1490/2012	Kỹ sư
8	08157033	NGUYỄN THỊ HỒNG	DIỄM	02/02/89	NỮ	2.99	139	Khá	1491/2012	Kỹ sư
9	08157032	NGUYỄN THỊ MỸ	DIÊN	10/03/90	NỮ	3.04	139	Khá	1492/2012	Kỹ sư
10	08157034	LÊ THỊ NGỌC	DIỆP	06/09/90	NỮ	2.89	139	Khá	1493/2012	Kỹ sư
11	08157035	LÊ THỊ	DIÊU	20/10/90	NỮ	2.99	139	Khá	1494/2012	Kỹ sư
12	08157038	MAI HUỲNH ĐỨC	DŨNG	09/03/90	Nam	2.85	139	Khá	1495/2012	Kỹ sư
13	08157040	DƯƠNG HỮU	ĐẠT	01/04/90	Nam	2.77	138	Khá	1496/2012	Kỹ sư
14	08157044	TRẦN HẢI	ĐĂNG	19/08/90	Nam	2.80	138	Khá	1497/2012	Kỹ sư
15	08157054	HUỲNH THỊ THIÊN	HÀNG	10/02/90	NỮ	2.89	138	Khá	1498/2012	Kỹ sư
16	08157060	NGUYỄN THỊ	HIỀN	10/12/90	NỮ	3.18	138	Khá	1499/2012	Kỹ sư
17	08157067	LÊ THỊ KIM	HOA	25/05/90	NỮ	3.15	139	Khá	1500/2012	Kỹ sư
18	08157072	LÊ THỊ THANH	HỒNG	01/08/90	NỮ	3.08	138	Khá	1501/2012	Kỹ sư
19	08157073	NGUYỄN NHO	HUÂN	04/02/90	Nam	2.89	139	Khá	1502/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 35

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
20	08157078	NGUYỄN DUY HÙNG	13/11/90	Nam	3.07	138	Khá	1503/2012	Kỹ sư
21	08157280	KON JÀN YONG NHÔNG	04/07/88	Nam	2.82	138	Khá	1504/2012	Kỹ sư
22	08157086	PHẠM QUỐC KHÁNH	22/08/90	Nam	3.05	139	Khá	1505/2012	Kỹ sư
23	08157087	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	15/06/90	Nam	2.98	138	Khá	1506/2012	Kỹ sư
24	08157088	TRỊNH VĂN KHÔI	27/09/90	Nam	2.66	140	Khá	1507/2012	Kỹ sư
25	08157094	ĐOÀN THỊ LÀI	21/06/90	Nữ	2.98	139	Khá	1508/2012	Kỹ sư
26	08157093	NGUYỄN THỊ LAN	10/07/89	Nữ	2.83	139	Khá	1509/2012	Kỹ sư
27	08157099	NGUYỄN THỊ HỒNG LIÊN	08/02/90	Nữ	3.36	138	Giỏi	1510/2012	Kỹ sư
28	08157102	NGUYỄN THỊ LINH	28/07/90	Nữ	2.98	139	Khá	1511/2012	Kỹ sư
29	08157107	TRỊNH THỊ MỸ LINH	02/01/90	Nữ	2.84	140	Khá	1512/2012	Kỹ sư
30	08157118	PHẠM THỊ THIÊN LÝ	03/06/90	Nữ	3.38	138	Giỏi	1513/2012	Kỹ sư
31	08146117	LÃNG THỊ QUAN MAI	24/10/89	Nữ	2.81	138	Khá	1514/2012	Kỹ sư
32	08157122	PHAN BẢO MINH	01/11/89	Nam	3.23	139	Giỏi	1515/2012	Kỹ sư
33	08157128	NGUYỄN VĂN NAM	28/05/90	Nam	2.74	139	Khá	1516/2012	Kỹ sư
34	08157133	TRỊNH THỊ KIM NGÂN	19/09/90	Nữ	2.85	138	Khá	1517/2012	Kỹ sư
35	08157138	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NGỌC	09/09/90	Nữ	3.21	139	Giỏi	1518/2012	Kỹ sư
36	08157141	ĐINH THỊ MINH NGUYỆT	02/10/90	Nữ	3.16	139	Khá	1519/2012	Kỹ sư
37	08157142	MAI THỊ NGỌC NHÂN	05/02/90	Nữ	2.79	138	Khá	1520/2012	Kỹ sư
38	08157145	LÂM THỊ XUÂN NHI	18/03/90	Nữ	3.12	139	Khá	1521/2012	Kỹ sư
39	08157146	NGUYỄN HẠNH NHI	19/10/90	Nữ	3.04	138	Khá	1522/2012	Kỹ sư
40	08157148	TRƯƠNG LÊ BÍCH NHI	23/12/90	Nữ	3.25	138	Giỏi	1523/2012	Kỹ sư
41	08157153	HỒ THỊ HOÀNG OANH	10/08/90	Nữ	3.00	138	Khá	1524/2012	Kỹ sư
42	08157161	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯỢNG	04/12/90	Nữ	3.02	140	Khá	1525/2012	Kỹ sư
43	08146124	TRƯƠNG VĂN THẠCH	01/08/87	Nam	2.95	139	Khá	1526/2012	Kỹ sư
44	08157182	NGUYỄN THỊ THIÊN THANH	23/07/90	Nữ	2.86	139	Khá	1527/2012	Kỹ sư
45	08157193	NGUYỄN THỊ MỸ THANH	01/08/90	Nữ	2.72	139	Khá	1528/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 36

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
46	08157188	PHẠM THỊ THU THẢO	18/04/90	Nữ	2.88	138	Khá	1529/2012	Kỹ sư
47	08157194	NGUYỄN THỊ HỒNG THẨM	02/05/90	Nữ	3.12	138	Khá	1530/2012	Kỹ sư
48	08157197	HUỖNH VĂN THÂN	15/08/90	Nam	3.06	139	Khá	1531/2012	Kỹ sư
49	08157203	LÊ THỊ KIM THOA	17/04/90	Nữ	3.23	138	Giỏi	1532/2012	Kỹ sư
50	08157211	LÊ THỊ THU	20/03/90	Nữ	3.26	138	Giỏi	1533/2012	Kỹ sư
51	08157217	LÊ THỊ THỦY	11/09/90	Nữ	3.52	138	Giỏi	1534/2012	Kỹ sư
52	08157222	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THÚY	15/04/90	Nữ	3.50	139	Giỏi	1535/2012	Kỹ sư
53	08157234	NGUYỄN THỊ TRANG	10/10/90	Nữ	3.28	138	Giỏi	1536/2012	Kỹ sư
54	08157236	TRƯƠNG THỊ HỒNG TRANG	01/10/90	Nữ	2.73	138	Khá	1537/2012	Kỹ sư
55	08157240	TRƯƠNG THANH TRÍ	21/03/90	Nam	2.64	139	Khá	1538/2012	Kỹ sư
56	08157242	NGUYỄN TẤN TRUNG	10/02/89	Nam	3.06	139	Khá	1539/2012	Kỹ sư
57	08157247	HOÀNG NỮ MỘNG TUYẾN	16/05/90	Nữ	3.13	138	Khá	1540/2012	Kỹ sư
58	08157263	ĐỖ HOÀI VŨ	23/07/90	Nam	3.04	138	Khá	1541/2012	Kỹ sư
59	08157270	BÙI HOÀNG THOẠI VY	15/02/90	Nữ	3.20	138	Giỏi	1542/2012	Kỹ sư
60	08157273	NGUYỄN THỊ XOAN	26/11/90	Nữ	3.22	139	Giỏi	1543/2012	Kỹ sư
61	08157275	NGUYỄN THỊ THANH XUÂN	30/05/89	Nữ	3.32	140	Giỏi	1544/2012	Kỹ sư
62	08157277	HOÀNG THỊ YẾN	06/04/90	Nữ	2.98	138	Khá	1545/2012	Kỹ sư
63	08157278	NGUYỄN NGỌC HOÀNG YẾN	13/07/90	Nữ	3.57	139	Giỏi	1546/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08MT									
1	08127008	ĐOÀN THỊ KIM BÌNH	01/11/90	Nữ	2.82	138	Khá	1547/2012	Kỹ sư
2	08127009	LÊ THỊ BÌNH	28/10/90	Nữ	3.18	138	Khá	1548/2012	Kỹ sư
3	08127017	ĐẶNG CÔNG DANH	15/12/90	Nam	2.59	138	Khá	1549/2012	Kỹ sư
4	08127018	NGUYỄN KIỀU DIỄM	03/08/90	Nữ	2.83	138	Khá	1550/2012	Kỹ sư
5	08127021	NGUYỄN THỊ MỸ DUNG	01/06/90	Nữ	2.98	138	Khá	1551/2012	Kỹ sư
6	08127028	NGUYỄN VĂN ĐAN	02/05/87	Nam	2.74	139	Khá	1552/2012	Kỹ sư
7	08127031	HUỖNH THỊ KIM DIỆP	10/05/90	Nữ	3.17	138	Khá	1553/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 37

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
8	08127032	ĐÀM XUÂN	ĐỨC	25/06/90	Nam	2.67	138	Khá	1554/2012	Kỹ sư
9	08127037	VÕ MINH	HẢI	01/07/90	Nam	2.59	138	Khá	1555/2012	Kỹ sư
10	07127046	NGÔ THỊ HỒNG	HIỀN	25/06/89	Nữ	2.70	147	Khá	1556/2012	Kỹ sư
11	08127051	NGUYỄN VĂN	HUY	06/03/89	Nam	2.71	138	Khá	1557/2012	Kỹ sư
12	08127054	TRẦN THỊ THANH	HƯƠNG	28/07/90	Nữ	2.91	138	Khá	1558/2012	Kỹ sư
13	08127076	NGUYỄN MINH	MÃN	04/05/90	Nam	2.67	138	Khá	1559/2012	Kỹ sư
14	08127082	PHÙNG THỊ THU	MINH	30/09/90	Nữ	2.48	138	Trung bình	1560/2012	Kỹ sư
15	08127083	TRẦN QUANG	MINH	02/10/90	Nam	2.88	139	Khá	1561/2012	Kỹ sư
16	08127085	TRƯƠNG HỒ DIỄM	MY	22/05/90	Nữ	2.87	138	Khá	1562/2012	Kỹ sư
17	08127086	LÊ HOÀNG NHẬT	NAM	20/04/90	Nam	2.53	138	Khá	1563/2012	Kỹ sư
18	08127091	NGUYỄN VĂN	NGỌC	16/08/90	Nam	3.04	138	Khá	1564/2012	Kỹ sư
19	08127092	NGUYỄN THỊ THANH	NHÀN	13/05/90	Nữ	2.95	138	Khá	1565/2012	Kỹ sư
20	08127097	PHAN THỊ YẾN	NHUNG	16/03/90	Nữ	2.77	138	Khá	1566/2012	Kỹ sư
21	08127106	TRẦN HỒNG	PHÚC	25/02/90	Nam	2.75	138	Khá	1567/2012	Kỹ sư
22	08127110	NGUYỄN BÍCH	PHƯƠNG	02/08/90	Nữ	3.18	138	Khá	1568/2012	Kỹ sư
23	08127111	LÊ BÁ	QUANG	16/05/90	Nam	2.95	138	Khá	1569/2012	Kỹ sư
24	08127117	HUỖNH THỊ HỒNG	QUYÊN	15/09/90	Nữ	2.82	138	Khá	1570/2012	Kỹ sư
25	08127121	ĐẶNG HỮU	SƠN	22/06/90	Nam	2.70	138	Khá	1571/2012	Kỹ sư
26	08127127	VÕ DUY	THANH	02/01/89	Nam	2.53	138	Khá	1572/2012	Kỹ sư
27	08127134	VĂN THỊ	THU	20/06/90	Nữ	3.02	138	Khá	1573/2012	Kỹ sư
28	07127162	NGUYỄN VĂN	THUẬN	04/12/89	Nam	3.02	147	Khá	1574/2012	Kỹ sư
29	08127145	HOÀNG THỊ	TÌNH	15/02/90	Nữ	2.43	138	Trung bình	1575/2012	Kỹ sư
30	08127148	VÕ THỊ HUYỀN	TRANG	16/02/90	Nữ	2.93	138	Khá	1576/2012	Kỹ sư
31	08127154	DƯƠNG THỊ HỒNG	TRÚC	20/12/90	Nữ	3.03	138	Khá	1577/2012	Kỹ sư
32	08127155	LÊ THỊ DIỄM	TRÚC	20/05/90	Nữ	3.03	138	Khá	1578/2012	Kỹ sư
33	08127170	LÊ HOÀNG	VŨ	18/05/89	Nam	3.10	138	Khá	1579/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 38

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
34	08127174	NGUYỄN THỊ HỒNG	YẾN	18/04/90	NỮ	2.84	138	Khá	1580/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08QM										
1	08149002	ĐỖ THỊ LAN	ANH	19/04/90	NỮ	3.19	139	Khá	1581/2012	Kỹ sư
2	08149003	ĐỖ THỊ VÂN	ANH	19/04/90	NỮ	3.24	139	Giỏi	1582/2012	Kỹ sư
3	08149016	HỒ THỊ	DIỄM	06/03/90	NỮ	2.86	138	Khá	1583/2012	Kỹ sư
4	08149017	PHẠM THỊ BÍCH	DIỄM	20/07/90	NỮ	3.09	139	Khá	1584/2012	Kỹ sư
5	08149018	NGUYỄN HOÀI	DIỆU	06/06/90	NỮ	3.07	139	Khá	1585/2012	Kỹ sư
6	08149019	HỒ VIỆT	DUẤN	01/06/90	Nam	2.74	139	Khá	1586/2012	Kỹ sư
7	08149023	PHAN ANH	DUY	23/06/90	Nam	2.97	139	Khá	1587/2012	Kỹ sư
8	08149036	LÊ VĂN	HÀI	18/09/90	Nam	3.23	139	Giỏi	1588/2012	Kỹ sư
9	08149037	NGUYỄN VĂN	HÀI	17/09/90	Nam	3.55	139	Giỏi	1589/2012	Kỹ sư
10	08149040	ĐẶNG THANH	HIỀN	13/05/90	Nam	2.97	138	Khá	1590/2012	Kỹ sư
11	08149044	TRƯƠNG MINH	HÒA	04/05/88	Nam	2.59	138	Khá	1591/2012	Kỹ sư
12	08149048	LÊ THẾ	HÓA	02/09/90	Nam	2.74	138	Khá	1592/2012	Kỹ sư
13	08149050	NGUYỄN THỊ	HỘI	20/01/90	NỮ	2.85	139	Khá	1593/2012	Kỹ sư
14	08149054	LÊ PHAN QUANG	HUY	17/03/90	Nam	2.65	138	Khá	1594/2012	Kỹ sư
15	07149063	NGUYỄN HOÀNG	LIÊN	16/01/89	Nam	2.58	144	Khá	1595/2012	Kỹ sư
16	08149072	NGUYỄN THỊ	LOAN	22/07/90	NỮ	2.94	138	Khá	1596/2012	Kỹ sư
17	08149075	NGUYỄN THỊ TRÚC	LY	31/01/90	NỮ	2.88	138	Khá	1597/2012	Kỹ sư
18	08149077	HUỲNH HOÀNG	NAM	05/05/90	Nam	2.60	138	Khá	1598/2012	Kỹ sư
19	08149079	PHẠM VŨ THÚY	NGA	28/09/90	NỮ	3.10	138	Khá	1599/2012	Kỹ sư
20	08149083	PHẠM THỊ THANH	NGÂN	26/10/90	NỮ	2.78	138	Khá	1600/2012	Kỹ sư
21	08157136	NGUYỄN THỊ	NGOÃN	08/07/90	NỮ	3.36	138	Giỏi	1601/2012	Kỹ sư
22	08149086	TRẦN THỊ MỸ	NGỌC	17/08/90	NỮ	2.94	139	Khá	1602/2012	Kỹ sư
23	08149092	NGUYỄN THỊ BÍCH	NHI	05/08/90	NỮ	3.26	139	Giỏi	1603/2012	Kỹ sư
24	08149094	HOÀNG THỊ	NHUNG	15/05/90	NỮ	2.99	138	Khá	1604/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 39

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
25	08149101	LA TÚ PHƯƠNG	24/09/90	Nữ	3.26	139	Giỏi	1605/2012	Kỹ sư
26	08149104	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	28/09/89	Nữ	2.80	139	Khá	1606/2012	Kỹ sư
27	08149113	VÕ THỊ HỒNG SƯƠNG	20/10/90	Nữ	2.98	139	Khá	1607/2012	Kỹ sư
28	08149114	NGUYỄN VĂN TÂM	20/11/90	Nam	2.85	139	Khá	1608/2012	Kỹ sư
29	08149115	TRƯƠNG TƯỜNG TÂN	04/07/90	Nam	3.41	138	Giỏi	1609/2012	Kỹ sư
30	08149122	LÊ VĂN VINH THÁI	/ /90	Nam	2.33	138	Trung bình	1610/2012	Kỹ sư
31	08149118	TỪ NGUYỄN HOÀNG THÀNH	04/07/90	Nam	2.35	139	Trung bình	1611/2012	Kỹ sư
32	08149131	NGUYỄN TRÍ THÔNG	17/01/90	Nam	2.77	138	Khá	1612/2012	Kỹ sư
33	08149137	ĐOÀN THỊ THU THỦY	17/05/90	Nữ	2.73	138	Khá	1613/2012	Kỹ sư
34	08149139	NGUYỄN THỊ THANH THỦY	01/11/90	Nữ	2.93	138	Khá	1614/2012	Kỹ sư
35	08149151	DƯƠNG THỊ THỦY TRANG	12/11/90	Nữ	2.55	139	Khá	1615/2012	Kỹ sư
36	08149154	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	26/02/90	Nữ	2.93	139	Khá	1616/2012	Kỹ sư
37	08149155	TRẦN THỊ MINH TRANG	11/10/90	Nữ	3.12	138	Khá	1617/2012	Kỹ sư
38	08149186	VŨ THỊ HUYỀN TRANG	21/11/90	Nữ	3.07	139	Khá	1618/2012	Kỹ sư
39	08149174	ĐINH MỘNG TUYỀN	02/05/90	Nữ	2.99	138	Khá	1619/2012	Kỹ sư
40	08149182	TRẦN MINH VƯƠNG	08/04/90	Nam	2.63	138	Khá	1620/2012	Kỹ sư

Lớp: DH08TK

1	08160011	PHẠM DIỆU ÂN	05/09/90	Nam	3.14	140	Khá	1621/2012	Kỹ sư
2	08160025	VŨ NGUYỄN PHƯƠNG DUNG	01/01/89	Nữ	2.67	141	Khá	1622/2012	Kỹ sư
3	08160029	HUỲNH TRÍ DƯƠNG	31/01/90	Nam	3.05	140	Khá	1623/2012	Kỹ sư
4	08160034	LÊ THỊ TRANG ĐÀI	09/10/90	Nữ	2.52	140	Khá	1624/2012	Kỹ sư
5	08160045	ĐẶNG THU HÀ	23/12/90	Nữ	3.02	140	Khá	1625/2012	Kỹ sư
6	08160047	NGUYỄN THỊ THU HẢO	17/04/86	Nữ	2.40	140	Trung bình	1626/2012	Kỹ sư
7	08160052	NGUYỄN THỊ DIỆU HIỀN	15/07/90	Nữ	2.71	140	Khá	1627/2012	Kỹ sư
8	08160070	VŨ NỮ MINH HUYỀN	20/08/90	Nữ	2.89	140	Khá	1628/2012	Kỹ sư
9	08160078	NGUYỄN HOÀNG THUY KHANH	01/08/90	Nữ	2.98	140	Khá	1629/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 40

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
10	08160080	NGUYỄN THỊ LÊ	KIỀU	20/09/90	NỮ	2.79	140	Khá	1630/2012	Kỹ sư
11	08160082	LÊ THỊ THANH	LAN	21/10/90	NỮ	2.82	140	Khá	1631/2012	Kỹ sư
12	08160091	VÕ THỊ XUÂN	LINH	22/07/90	NỮ	3.26	139	Giỏi	1632/2012	Kỹ sư
13	08160093	NGUYỄN THỊ KIM	LOAN	01/02/90	NỮ	3.03	140	Khá	1633/2012	Kỹ sư
14	08160095	TRẦN TRỌNG	LỤC	10/01/89	Nam	2.84	140	Khá	1634/2012	Kỹ sư
15	08160096	HUỲNH THỊ HÀ	LY	26/01/90	NỮ	2.57	140	Khá	1635/2012	Kỹ sư
16	08160104	NGUYỄN NGỌC UYÊN	MINH	28/04/90	NỮ	2.64	140	Khá	1636/2012	Kỹ sư
17	08160107	NGUYỄN QUỲNH	NA	04/05/90	NỮ	2.73	140	Khá	1637/2012	Kỹ sư
18	08160118	HUỲNH THỊ MINH	NGUYỆT	04/08/90	NỮ	3.04	140	Khá	1638/2012	Kỹ sư
19	08160119	LÊ THỊ MINH	NGUYỆT	03/08/90	NỮ	2.85	140	Khá	1639/2012	Kỹ sư
20	08160123	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	28/08/90	NỮ	2.61	140	Khá	1640/2012	Kỹ sư
21	08160127	TRẦN HUỲNH HOÀNG	PHÚC	22/04/90	Nam	2.61	140	Khá	1641/2012	Kỹ sư
22	08160131	NGUYỄN HOÀNH	PHƯỚC	23/06/90	Nam	2.42	139	Trung bình	1642/2012	Kỹ sư
23	08160132	VŨ THỊ KIM	PHƯƠNG	05/10/90	NỮ	2.80	139	Khá	1643/2012	Kỹ sư
24	08160144	TRẦN NGỌC	THÀNH	25/06/90	Nam	2.96	140	Khá	1644/2012	Kỹ sư
25	08160147	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	27/09/90	NỮ	2.64	140	Khá	1645/2012	Kỹ sư
26	08160149	BỒ QUANG	THỊNH	09/09/90	Nam	2.35	140	Trung bình	1646/2012	Kỹ sư
27	08160152	LÊ THỊ	THU	11/12/90	NỮ	2.62	140	Khá	1647/2012	Kỹ sư
28	08160153	TRẦN THỊ NGỌC	THU	08/01/90	NỮ	3.02	140	Khá	1648/2012	Kỹ sư
29	08160174	NGUYỄN BẢO	TRỌNG	01/06/90	Nam	2.50	140	Khá	1649/2012	Kỹ sư
30	08160176	NGUYỄN TẤN	TRUNG	31/08/90	Nam	2.71	140	Khá	1650/2012	Kỹ sư

Lớp: DH08BV

1	07145110	DANH QUỐC	AN	15/01/87	Nam	2.67	153	Khá	1651/2012	Kỹ sư
2	08145005	VŨ HOÀNG	CHÍNH	28/08/90	Nam	2.88	149	Khá	1652/2012	Kỹ sư
3	08145006	ĐẶNG HỒNG	CÔNG	/ /90	Nam	2.51	148	Khá	1653/2012	Kỹ sư
4	08145012	ĐÀO UYÊN TRẦN	ĐA	07/03/90	NỮ	2.69	148	Khá	1654/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 41

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
5	08145013	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	13/07/90	Nam	2.74	148	Khá	1655/2012	Kỹ sư
6	08145014	VÕ TẤN	ĐẠT	15/01/90	Nam	2.52	150	Khá	1656/2012	Kỹ sư
7	08145025	LÊ THỊ TUYẾT	HẠNH	30/01/90	Nữ	2.95	148	Khá	1657/2012	Kỹ sư
8	08145026	LÊ THANH	HIỀN	21/11/90	Nữ	2.40	149	Trung bình	1658/2012	Kỹ sư
9	08145027	PHẠM THỊ	HIỀN	06/08/90	Nữ	2.68	148	Khá	1659/2012	Kỹ sư
10	07145029	NGUYỄN VĂN	HIẾU	03/12/89	Nam	2.29	156	Trung bình	1660/2012	Kỹ sư
11	08145030	CHÂU THIÊN	HỘI	27/02/90	Nam	2.80	148	Khá	1661/2012	Kỹ sư
12	08145036	NGUYỄN VĂN MINH	HÙNG	22/07/90	Nam	2.46	148	Trung bình	1662/2012	Kỹ sư
13	08145038	ĐÌNH THỊ	HƯƠNG	10/03/89	Nữ	2.85	148	Khá	1663/2012	Kỹ sư
14	08145039	LƯƠNG VŨ HOÀI	HƯƠNG	22/02/90	Nữ	2.45	150	Trung bình	1664/2012	Kỹ sư
15	08145040	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	25/12/90	Nữ	2.85	148	Khá	1665/2012	Kỹ sư
16	08145044	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LIÊN	21/04/90	Nữ	2.83	149	Khá	1666/2012	Kỹ sư
17	08145048	CAO VĂN	LUÂN	11/10/89	Nam	2.72	148	Khá	1667/2012	Kỹ sư
18	08145051	LÊ NHỰT	MINH	01/01/90	Nam	2.71	148	Khá	1668/2012	Kỹ sư
19	08145059	HỒ THỊ BÍCH	NGỌC	/ /90	Nữ	2.82	148	Khá	1669/2012	Kỹ sư
20	08145069	LÂM VĂN	PHƯƠNG	05/10/89	Nam	3.00	148	Khá	1670/2012	Kỹ sư
21	08145070	NGUYỄN TRẦN ĐIỂM	PHƯƠNG	12/05/90	Nữ	3.14	149	Khá	1671/2012	Kỹ sư
22	08145075	HUỲNH NGỌC	QUANG	23/06/90	Nam	2.79	148	Khá	1672/2012	Kỹ sư
23	08145084	NGUYỄN HOÀNG	THẮNG	01/10/90	Nam	2.87	148	Khá	1673/2012	Kỹ sư
24	08145087	PHẠM HỮU	THOẠI	03/07/90	Nam	3.10	150	Khá	1674/2012	Kỹ sư
25	08145090	HỒ HUY	THUẬN	08/04/90	Nam	2.83	149	Khá	1675/2012	Kỹ sư
26	08145104	TRẦN THỊ THÙY	TRANG	04/04/90	Nữ	2.61	149	Khá	1676/2012	Kỹ sư
27	08145106	NGUYỄN NGỌC	TRUNG	30/12/90	Nam	2.92	150	Khá	1677/2012	Kỹ sư
28	08145108	NGUYỄN NHỰT	TRƯỜNG	06/11/90	Nam	2.48	149	Trung bình	1678/2012	Kỹ sư
29	08145121	THÁI TUẤN	VŨ	22/10/90	Nam	2.42	148	Trung bình	1679/2012	Kỹ sư
30	08145122	TRẦN NGỌC	VŨ	03/04/90	Nam	3.06	148	Khá	1680/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 42

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
31	08145123	BÙI MINH VƯƠNG	13/10/90	Nam	2.45	148	Trung bình	1681/2012	Kỹ sư
32	08145126	LÊ THỊ XUÂN	20/08/90	Nữ	2.92	148	Khá	1682/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08NH									
1	08113001	NGUYỄN QUỲNH NHƯ ANH	26/12/90	Nữ	2.72	146	Khá	1683/2012	Kỹ sư
2	08113002	VÔ LÂM NGỌC ẮN	02/09/90	Nam	2.43	146	Trung bình	1684/2012	Kỹ sư
3	08113011	TRƯƠNG MỸ CHÂU	30/03/90	Nữ	3.26	146	Giỏi	1685/2012	Kỹ sư
4	08113019	LÊ TẤT DIỆN	03/02/90	Nam	2.57	147	Khá	1686/2012	Kỹ sư
5	08113020	VŨ THỊ ĐIỀU	/07/89	Nữ	3.63	146	Xuất sắc	1687/2012	Kỹ sư
6	08113027	NGUYỄN TRƯỜNG DUY	29/03/90	Nam	3.02	146	Khá	1688/2012	Kỹ sư
7	08113033	NGUYỄN TRẦN HOA TR	26/08/90	Nữ	2.97	146	Khá	1689/2012	Kỹ sư
8	08113035	MAI NGỌC ĐIỂM	14/04/90	Nữ	2.94	146	Khá	1690/2012	Kỹ sư
9	08113039	NGUYỄN THỊ ÁI HÀ	28/03/85	Nữ	3.11	146	Khá	1691/2012	Kỹ sư
10	08113040	NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ	20/02/90	Nữ	3.00	146	Khá	1692/2012	Kỹ sư
11	08113044	PHAN THỊ MỸ HẠNH	20/09/90	Nữ	3.16	146	Khá	1693/2012	Kỹ sư
12	08113046	NGUYỄN THỊ LÊ HĂNG	10/04/90	Nữ	2.73	146	Khá	1694/2012	Kỹ sư
13	08113048	NGUYỄN HÒA HÂN	12/10/90	Nam	3.53	146	Giỏi	1695/2012	Kỹ sư
14	08113049	MAI PHÚC HẬU	18/12/90	Nam	3.35	146	Giỏi	1696/2012	Kỹ sư
15	08113054	HOÀNG THỊ HOA	27/01/90	Nữ	2.97	146	Khá	1697/2012	Kỹ sư
16	08113061	NGUYỄN THỊ KIM HUYỀN	08/02/90	Nữ	3.22	146	Giỏi	1698/2012	Kỹ sư
17	08113067	HOÀNG THỊ HƯỜNG	12/12/90	Nữ	2.97	146	Khá	1699/2012	Kỹ sư
18	08113072	LƯƠNG THỊ LÀNH	08/10/90	Nữ	2.73	146	Khá	1700/2012	Kỹ sư
19	08113080	HỒ THỊ LOAN	23/09/90	Nữ	2.82	146	Khá	1701/2012	Kỹ sư
20	08113081	HOÀNG THẮNG LONG	25/02/90	Nam	3.05	146	Khá	1702/2012	Kỹ sư
21	08113086	BÙI NGUYỄN LỘC	01/01/89	Nam	2.74	146	Khá	1703/2012	Kỹ sư
22	08113091	NGUYỄN NGỌC MAI LY	21/12/89	Nữ	2.78	146	Khá	1704/2012	Kỹ sư
23	08113093	TRẦN VĂN MẠNH	26/03/90	Nam	2.76	146	Khá	1705/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 43

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
24	08113095	MAI XUÂN MINH	05/07/90	Nam	2.35	146	Trung bình	1706/2012	Kỹ sư
25	08113101	PHẠM CÔNG NGHIỆP	10/05/89	Nam	2.90	146	Khá	1707/2012	Kỹ sư
26	08113110	NGUYỄN VĂN DUY NHẤT	03/06/89	Nam	2.98	146	Khá	1708/2012	Kỹ sư
27	08113111	LÊ ĐỨC NGỌC NHI	07/05/90	Nữ	2.32	146	Trung bình	1709/2012	Kỹ sư
28	08113112	NGUYỄN THỊ PHÙNG NHI	30/04/90	Nữ	3.00	146	Khá	1710/2012	Kỹ sư
29	08113113	NGUYỄN MINH NHUẬN	18/10/90	Nam	2.42	146	Trung bình	1711/2012	Kỹ sư
30	08113114	TRẦN THỊ PHƯƠNG NHUNG	05/03/90	Nữ	3.04	146	Khá	1712/2012	Kỹ sư
31	08113116	HỒ VĂN NHƯT	14/11/88	Nam	2.83	146	Khá	1713/2012	Kỹ sư
32	08113120	LÊ MINH NHỰT	02/10/90	Nam	2.76	146	Khá	1714/2012	Kỹ sư
33	08113123	LƯU THỊ KIỀU OANH	13/11/90	Nữ	2.84	146	Khá	1715/2012	Kỹ sư
34	08113128	TRẦN ĐÌNH PHƯỚC	02/01/90	Nam	2.74	146	Khá	1716/2012	Kỹ sư
35	08113129	PHAN THANH QUANG	12/07/87	Nam	2.45	147	Trung bình	1717/2012	Kỹ sư
36	08113135	NGUYỄN HOÀNG NGỌC TÂM	03/09/90	Nữ	2.56	146	Khá	1718/2012	Kỹ sư
37	08113137	TRẦN DUY TÂN	23/01/90	Nam	2.65	146	Khá	1719/2012	Kỹ sư
38	07113191	HÀ KIM THANH	09/08/89	Nữ	2.35	152	Trung bình	1720/2012	Kỹ sư
39	08113140	LÊ MINH THÀNH	26/09/90	Nam	2.62	146	Khá	1721/2012	Kỹ sư
40	08113139	NGUYỄN THỊ THAO	06/08/90	Nữ	3.45	146	Giỏi	1722/2012	Kỹ sư
41	08113142	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	20/12/90	Nữ	2.82	146	Khá	1723/2012	Kỹ sư
42	08113153	NGUYỄN THỊ KIM THOA	25/12/90	Nữ	2.92	146	Khá	1724/2012	Kỹ sư
43	08113156	NGUYỄN THỊ MINH THÙY	01/05/89	Nữ	3.16	146	Khá	1725/2012	Kỹ sư
44	08113159	TÔN THỊ THÚY	24/04/90	Nữ	3.21	146	Giỏi	1726/2012	Kỹ sư
45	08113161	NGUYỄN THỊ TRÚC THƯƠNG	01/12/89	Nữ	3.10	146	Khá	1727/2012	Kỹ sư
46	08113163	VŨ THỊ HOÀI THƯƠNG	11/07/90	Nữ	2.91	146	Khá	1728/2012	Kỹ sư
47	08113170	TRẦN THỊ TUYẾT TRINH	24/12/90	Nữ	3.07	146	Khá	1729/2012	Kỹ sư
48	08113173	HỨA MINH TRUNG	17/03/89	Nam	3.16	146	Khá	1730/2012	Kỹ sư
49	08113176	HÀ QUỐC TRƯỜNG	20/10/90	Nam	3.14	146	Khá	1731/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 44

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
50	08113180	HỒ THỊ MINH TUYẾT	15/01/90	Nữ	2.68	146	Khá	1732/2012	Kỹ sư
51	08113186	NGUYỄN TUYẾT NHUNG	06/07/90	Nữ	3.32	146	Giỏi	1733/2012	Kỹ sư
52	08113189	PHAN HẢI VÂN	26/03/90	Nữ	2.96	146	Khá	1734/2012	Kỹ sư
53	08113190	PHAN THỊ ÁI VÂN	01/10/90	Nữ	3.26	146	Giỏi	1735/2012	Kỹ sư
54	08113194	PHẠM PHÚ VŨ	01/11/90	Nam	2.61	146	Khá	1736/2012	Kỹ sư
55	08113196	TRƯƠNG THÀNH VŨ	06/10/90	Nam	2.44	146	Trung bình	1737/2012	Kỹ sư
56	08113198	NGUYỄN DUY NHẤT	02/06/90	Nam	2.63	146	Khá	1738/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08AVG									
1	08128002	PHẠM NGỌC ANH	04/05/90	Nam	3.36	140	Giỏi	1739/2012	Cử nhân
2	08128003	TRỊNH LÊ VÂN ANH	12/01/90	Nữ	2.38	141	Trung bình	1740/2012	Cử nhân
3	08128006	HỒ THỊ BÌNH	12/12/90	Nữ	2.74	141	Khá	1741/2012	Cử nhân
4	08128014	TRƯƠNG THỊ THÙY DUNG	25/07/90	Nữ	2.77	141	Khá	1742/2012	Cử nhân
5	08128018	NGUYỄN THỊ BÍCH ĐÀO	23/07/90	Nữ	2.46	141	Trung bình	1743/2012	Cử nhân
6	08128020	ĐINH THỊ THÚY HẰNG	20/02/90	Nữ	3.37	140	Giỏi	1744/2012	Cử nhân
7	08128026	LÊ ĐỖ NGỌC HOÁN	29/01/90	Nữ	2.82	140	Khá	1745/2012	Cử nhân
8	08128028	BÙI THỊ KIM HUỆ	10/03/90	Nữ	2.67	140	Khá	1746/2012	Cử nhân
9	08128032	HUYỀN THỊ THANH HUYỀN	24/05/88	Nữ	2.75	140	Khá	1747/2012	Cử nhân
10	08128038	PHẠM THỊ LOAN KIM	02/07/89	Nữ	2.80	141	Khá	1748/2012	Cử nhân
11	08128118	NGUYỄN NGỌC KIM LONG	05/07/89	Nam	2.47	141	Trung bình	1749/2012	Cử nhân
12	08128050	LÊ THỊ MUÔN	23/05/86	Nữ	2.83	140	Khá	1750/2012	Cử nhân
13	08128056	DƯƠNG THỊ KIM NGỌC	19/08/90	Nữ	2.72	140	Khá	1751/2012	Cử nhân
14	08128058	HOÀNG TRỌNG NHÂN	28/12/90	Nam	2.56	141	Khá	1752/2012	Cử nhân
15	08128061	HUYỀN TRẦN MAI PHƯƠNG	06/10/90	Nữ	2.95	140	Khá	1753/2012	Cử nhân
16	08128063	LÝ ÁI PHƯƠNG	21/02/90	Nữ	2.76	141	Khá	1754/2012	Cử nhân
17	08128071	LÊ HUỖN DUY QUANG	21/01/90	Nam	2.71	141	Khá	1755/2012	Cử nhân
18	08128073	NGUYỄN LÊ NGỌC QUYÊN	17/09/90	Nữ	2.93	141	Khá	1756/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 45

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
19	08128075	TRƯƠNG THỊ DIỆU	QUỲNH	09/09/90	Nữ	2.69	141	Khá	1757/2012	Cử nhân
20	08128085	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	21/10/90	Nữ	2.77	141	Khá	1758/2012	Cử nhân
21	08128089	NGÔ THỊ	THÊU	02/08/90	Nữ	3.28	141	Giỏi	1759/2012	Cử nhân
22	08128101	MAI THANH	TIỀN	16/08/89	Nữ	2.36	141	Trung bình	1760/2012	Cử nhân
23	07128089	NGÔ THỊ QUỲNH	TRANG	10/06/84	Nữ	2.95	144	Khá	1761/2012	Cử nhân
24	08128107	LÂM THỊ TUYẾT	TRINH	16/10/90	Nữ	2.59	140	Khá	1762/2012	Cử nhân
25	08128108	MAI NHẬT ĐĂNG	TRÌNH	05/03/90	Nam	2.80	141	Khá	1763/2012	Cử nhân
26	08128110	NGUYỄN HOÀNG THANH	TRÚC	30/01/90	Nữ	2.74	142	Khá	1764/2012	Cử nhân
27	08128111	TRẦN THANH	TRÚC	22/09/90	Nữ	3.71	142	Xuất sắc	1765/2012	Cử nhân
28	08128113	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	01/01/90	Nữ	3.03	141	Khá	1766/2012	Cử nhân
29	08128116	HOÀNG NGỌC	YẾN	09/08/90	Nữ	2.70	140	Khá	1767/2012	Cử nhân

Lớp: DH08AVQ

1	08128001	NGUYỄN THỊ THỤC	ANH	01/08/90	Nữ	2.59	141	Khá	1768/2012	Cử nhân
2	08128004	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	ANH	17/07/90	Nữ	2.35	141	Trung bình	1769/2012	Cử nhân
3	08128005	TRẦN THỊ NGỌC	ÁNH	01/08/90	Nữ	2.56	141	Khá	1770/2012	Cử nhân
4	08128007	NGUYỄN LÊ SƠN	BÌNH	11/05/90	Nam	2.72	141	Khá	1771/2012	Cử nhân
5	08128008	LÊ THỊ HỒNG	CHI	18/10/90	Nữ	2.69	142	Khá	1772/2012	Cử nhân
6	08128010	NGUYỄN THỊ	CÚC	13/09/90	Nữ	2.87	141	Khá	1773/2012	Cử nhân
7	08128011	NGUYỄN THỊ KIM	CÚC	05/01/89	Nữ	2.26	141	Trung bình	1774/2012	Cử nhân
8	08128012	PHẠM VĂN	CƯỜNG	20/10/90	Nam	2.50	140	Khá	1775/2012	Cử nhân
9	08128013	LÊ THỊ THU	DIỄM	25/11/90	Nữ	2.33	140	Trung bình	1776/2012	Cử nhân
10	08128015	BẠCH THỊ NGỌC	DUYÊN	07/05/89	Nữ	2.39	141	Trung bình	1777/2012	Cử nhân
11	08128022	NGUYỄN PHÚC	HẬU	15/07/89	Nam	2.67	142	Khá	1778/2012	Cử nhân
12	08128024	PHẠM NGUYỄN MINH	HIẾU	11/09/90	Nữ	2.50	141	Khá	1779/2012	Cử nhân
13	08128027	PHẠM NGỌC	HOÀNG	01/02/90	Nam	2.70	140	Khá	1780/2012	Cử nhân
14	08128029	MAI NGỌC	HUỆ	27/02/90	Nữ	3.01	141	Khá	1781/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 46

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
15	08128031	LÝ THÀNH HUY	18/09/90	Nam	2.22	142	Trung bình	1782/2012	Cử nhân
16	08128034	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	20/12/90	Nữ	2.86	140	Khá	1783/2012	Cử nhân
17	08128035	NGUYỄN THỊ DIỄM	25/05/90	Nữ	2.55	140	Khá	1784/2012	Cử nhân
18	08128036	LẠI NGỌC KHA	16/11/90	Nam	3.05	141	Khá	1785/2012	Cử nhân
19	08128037	HUỲNH THỊ KIM	27/12/90	Nữ	2.35	141	Trung bình	1786/2012	Cử nhân
20	08128039	HỒ THỊ KIM LIÊN	04/10/90	Nữ	2.50	141	Khá	1787/2012	Cử nhân
21	08128041	HỒ MỸ LINH	26/02/90	Nữ	2.67	142	Khá	1788/2012	Cử nhân
22	08128042	LÊ NGỌC LINH	09/07/90	Nữ	2.78	140	Khá	1789/2012	Cử nhân
23	08128043	NGUYỄN VINH LINH	04/01/90	Nam	2.43	142	Trung bình	1790/2012	Cử nhân
24	08128044	TRẦN THỊ HOÀI LINH	31/05/90	Nữ	2.77	141	Khá	1791/2012	Cử nhân
25	08128047	LÊ THỊ KHÁNH LY	10/12/90	Nữ	2.67	142	Khá	1792/2012	Cử nhân
26	08128048	NGUYỄN THỊ THU MINH	13/12/89	Nữ	2.72	141	Khá	1793/2012	Cử nhân
27	08128051	NGUYỄN THỊ TUYẾT NGA	17/06/88	Nữ	2.38	141	Trung bình	1794/2012	Cử nhân
28	08128053	PHAN THỊ KIM NGÂN	24/04/90	Nữ	2.84	141	Khá	1795/2012	Cử nhân
29	08128054	TRẦN THỊ THU NGÂN	10/09/90	Nữ	2.68	141	Khá	1796/2012	Cử nhân
30	08128055	NGUYỄN NGỌC NGOAN	26/01/90	Nam	2.81	141	Khá	1797/2012	Cử nhân
31	08128057	NGUYỄN THỊ NHƯ NGỌC	14/04/90	Nữ	3.08	141	Khá	1798/2012	Cử nhân
32	06128096	NGÔ THỊ MINH NGUYỆT	02/09/86	Nữ	2.33	159	Trung bình	1799/2012	Cử nhân
33	08128059	PHAM THỊ QUỲNH NHƯ	29/07/90	Nữ	2.65	141	Khá	1800/2012	Cử nhân
34	08128067	LÊ THỊ HỒNG PHƯỚC	31/10/90	Nữ	2.50	142	Khá	1801/2012	Cử nhân
35	08128062	LƯU KIM PHƯƠNG	10/11/89	Nữ	2.91	141	Khá	1802/2012	Cử nhân
36	08128064	LÝ THỊ HỒNG PHƯƠNG	28/10/90	Nữ	2.40	140	Trung bình	1803/2012	Cử nhân
37	08128065	NGUYỄN THỊ BÌNH PHƯƠNG	08/03/90	Nữ	2.31	140	Trung bình	1804/2012	Cử nhân
38	08128068	ĐỖ THỊ THÚY PHƯƠNG	18/11/90	Nữ	2.67	140	Khá	1805/2012	Cử nhân
39	08128070	LÊ DUY QUANG	06/10/90	Nam	2.65	141	Khá	1806/2012	Cử nhân
40	08128074	NGUYỄN THỊ QUỲNH	15/07/90	Nữ	2.42	140	Trung bình	1807/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 47

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
41	08128077	PHẠM THANH SƠN	17/08/90	Nam	2.62	141	Khá	1808/2012	Cử nhân
42	08128081	NGUYỄN THỊ THANH	20/03/90	Nữ	2.69	141	Khá	1809/2012	Cử nhân
43	08128083	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG THẢO	27/03/90	Nữ	3.13	140	Khá	1810/2012	Cử nhân
44	08128084	ĐẶNG THỊ THANH THẢO	26/08/90	Nữ	2.66	141	Khá	1811/2012	Cử nhân
45	08128086	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	21/01/90	Nữ	2.69	141	Khá	1812/2012	Cử nhân
46	08128087	PHẠM THANH THẢO	04/10/90	Nữ	2.67	140	Khá	1813/2012	Cử nhân
47	08128090	LÊ QUỐC THỊNH	16/03/90	Nam	2.62	141	Khá	1814/2012	Cử nhân
48	08128091	VÕ THỊ KIM THOA	10/10/90	Nữ	2.82	141	Khá	1815/2012	Cử nhân
49	08128092	PHẠM NGỌC THUY	27/12/89	Nữ	2.97	140	Khá	1816/2012	Cử nhân
50	08128093	CHÂU BÍCH THÙY	28/11/90	Nữ	2.59	141	Khá	1817/2012	Cử nhân
51	08128095	HUỲNH THỊ THU THỦY	10/05/90	Nữ	2.83	141	Khá	1818/2012	Cử nhân
52	08128098	NGUYỄN THỤY MINH THƯ	15/05/90	Nữ	2.92	141	Khá	1819/2012	Cử nhân
53	08128099	TRẦN THỊ MINH THƯ	26/08/90	Nữ	2.86	141	Khá	1820/2012	Cử nhân
54	08128100	MAI TRÍ THỨC	07/06/90	Nam	2.41	141	Trung bình	1821/2012	Cử nhân
55	08128103	NGÔ THỊ HUYỀN TRANG	20/07/90	Nữ	2.80	141	Khá	1822/2012	Cử nhân
56	08128104	NGUYỄN ĐÀI TRANG	14/11/90	Nữ	2.67	141	Khá	1823/2012	Cử nhân
57	08128105	NGUYỄN PHƯƠNG TRANG	31/01/88	Nữ	2.67	141	Khá	1824/2012	Cử nhân
58	08128106	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	02/09/90	Nữ	2.79	141	Khá	1825/2012	Cử nhân
59	08128109	PHẠM PHƯƠNG TRINH	28/08/89	Nữ	2.74	140	Khá	1826/2012	Cử nhân
60	08128112	NGÔ THỊ THANH TUYỀN	23/01/89	Nữ	2.63	140	Khá	1827/2012	Cử nhân
Lớp: DH08DC									
1	07151039	BÙI VĂN AN	10/11/89	Nam	2.55	144	Khá	1828/2012	Kỹ sư
2	08151002	NGUYỄN THÀNH CHIẾN	26/01/90	Nam	2.98	144	Khá	1829/2012	Kỹ sư
3	08151018	PHẠM THỊ ĐÀO	10/12/90	Nữ	2.91	142	Khá	1830/2012	Kỹ sư
4	08151003	PHẠM THÀNH ĐÚNG	20/10/90	Nam	2.56	143	Khá	1831/2012	Kỹ sư
5	08151019	NGUYỄN THỊ THU HÀ	25/06/90	Nữ	2.96	142	Khá	1832/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 48

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
6	08151004	TRẦN QUỐC HẢI	19/04/90	Nam	2.78	143	Khá	1833/2012	Kỹ sư
7	08151020	PHẠM THỊ HIỀN	01/01/90	Nữ	2.80	145	Khá	1834/2012	Kỹ sư
8	08151007	TRẦN THỊ BÍCH	30/05/90	Nữ	2.58	142	Khá	1835/2012	Kỹ sư
9	08162003	HUYỀN VĂN MINH	/ /90	Nam	2.70	147	Khá	1836/2012	Kỹ sư
10	08151026	NGUYỄN THỊ THÚY	23/05/90	Nữ	3.06	142	Khá	1837/2012	Kỹ sư
11	07151060	NGÔ KIM NGÂN	07/10/89	Nữ	2.42	144	Trung bình	1838/2012	Kỹ sư
12	08151028	NGUYỄN BÌNH NGUYỄN	03/09/90	Nam	2.56	143	Khá	1839/2012	Kỹ sư
13	08151029	PHẠM THỊ TRÚC	09/08/90	Nữ	3.05	142	Khá	1840/2012	Kỹ sư
14	08151033	MAI TÚ PHI	04/12/90	Nam	3.23	142	Giỏi	1841/2012	Kỹ sư
15	08151034	NGÔ THỊ TÚ QUYÊN	01/11/87	Nữ	2.70	142	Khá	1842/2012	Kỹ sư
16	08151035	LÊ THỊ SÁU	26/12/90	Nữ	3.17	143	Khá	1843/2012	Kỹ sư
17	08151036	ĐINH BẮC NAM SƠN	15/02/90	Nam	2.95	142	Khá	1844/2012	Kỹ sư
18	08151012	LƯU ĐỨC TÀI	27/07/90	Nam	2.71	142	Khá	1845/2012	Kỹ sư
19	08151038	LƯƠNG THỊ NGUYỆT THANH	08/04/90	Nữ	2.70	143	Khá	1846/2012	Kỹ sư
20	08151014	NGUYỄN PHƯỚC THỜI	20/05/89	Nam	2.84	146	Khá	1847/2012	Kỹ sư
21	08151039	VÕ THỊ PHƯƠNG THÚY	14/06/89	Nữ	2.90	142	Khá	1848/2012	Kỹ sư
22	08151015	PHÙNG THỊ XUÂN TRANG	02/01/90	Nữ	2.70	142	Khá	1849/2012	Kỹ sư
23	08151041	NGUYỄN THỊ BÍCH TRÂM	02/11/90	Nữ	2.97	142	Khá	1850/2012	Kỹ sư
24	07151082	NGUYỄN THỊ KHÁNH TRÂM	10/10/89	Nữ	2.54	144	Khá	1851/2012	Kỹ sư
25	08151046	NGUYỄN XUÂN VĨNH	29/03/90	Nam	2.47	139	Trung bình	1852/2012	Kỹ sư
26	08151048	NGUYỄN THUY NHƯ Ý	30/07/89	Nữ	2.94	142	Khá	1853/2012	Kỹ sư
27	08151016	NGUYỄN VĂN Ý	08/09/89	Nam	2.57	143	Khá	1854/2012	Kỹ sư
28	08151047	LÊ HỒNG YẾN	04/08/89	Nữ	2.48	142	Trung bình	1855/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 49

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
Lớp: DH08QL										
1	08124008	TRẦN QUỐC	CƯỜNG	25/06/90	Nam	3.00	140	Khá	1856/2012	Kỹ sư
2	08124009	TRẦN HÙNG	DUẤN	10/02/90	Nam	2.55	140	Khá	1857/2012	Kỹ sư
3	08124010	TRẦN THỊ	DUNG	24/03/90	Nữ	2.83	140	Khá	1858/2012	Kỹ sư
4	08124013	TRẦN VĂN	DŨNG	10/12/90	Nam	3.18	141	Khá	1859/2012	Kỹ sư
5	08124014	VŨ VĂN	DŨNG	08/03/88	Nam	2.67	140	Khá	1860/2012	Kỹ sư
6	08124012	NGUYỄN THỊ KIỀU	DUYÊN	02/09/89	Nữ	2.98	140	Khá	1861/2012	Kỹ sư
7	08124016	NGUYỄN THỊ HỒNG	ĐÀO	10/01/90	Nữ	3.07	141	Khá	1862/2012	Kỹ sư
8	08124018	NGUYỄN THỊ HẢI	HÀ	27/01/90	Nữ	2.89	140	Khá	1863/2012	Kỹ sư
9	07124026	NGUYỄN VIỆT	HÀ	01/01/88	Nam	2.62	149	Khá	1864/2012	Kỹ sư
10	08124020	DƯƠNG THỊ NGỌC	HẠNH	17/07/90	Nữ	2.89	140	Khá	1865/2012	Kỹ sư
11	08124021	LÊ THỊ NGỌC	HẠNH	28/09/89	Nữ	3.22	140	Giỏi	1866/2012	Kỹ sư
12	08124023	NGUYỄN THỊ TUYẾT	HẠNH	07/12/90	Nữ	2.90	142	Khá	1867/2012	Kỹ sư
13	08124024	LÊ THỊ	HĂNG	21/09/90	Nữ	3.02	141	Khá	1868/2012	Kỹ sư
14	08124025	NGUYỄN THỊ KIM	HĂNG	27/05/90	Nữ	2.85	141	Khá	1869/2012	Kỹ sư
15	08124027	ĐỖ THỊ NGỌC	HÂN	16/10/90	Nữ	3.20	141	Giỏi	1870/2012	Kỹ sư
16	08124029	TẶNG THANH	HẬU	01/01/90	Nam	2.83	141	Khá	1871/2012	Kỹ sư
17	08124030	NGUYỄN THỊ	HIỀN	01/10/90	Nữ	3.02	141	Khá	1872/2012	Kỹ sư
18	08146110	NGUYỄN THỊ	HIẾP	10/06/89	Nữ	3.04	141	Khá	1873/2012	Kỹ sư
19	08124033	NGUYỄN THỊ THU	HOÀI	16/05/90	Nữ	3.15	141	Khá	1874/2012	Kỹ sư
20	07124037	NGUYỄN XUÂN	HOÀNG	11/02/89	Nam	2.62	148	Khá	1875/2012	Kỹ sư
21	08124035	NGUYỄN HẢI	HUY	15/07/90	Nam	2.37	141	Trung bình	1876/2012	Kỹ sư
22	08124037	TRẦN MÔNG	KHANH	16/04/90	Nữ	2.85	140	Khá	1877/2012	Kỹ sư
23	08124038	NGUYỄN BÁ	KHÁNH	18/06/90	Nam	2.90	141	Khá	1878/2012	Kỹ sư
24	08124039	PHẠM THÙY PHA	LÊ	06/07/89	Nữ	3.16	140	Khá	1879/2012	Kỹ sư
25	08146115	THÔNG THỊ MỸ	LÊ	27/01/89	Nữ	2.75	140	Khá	1880/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 50

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
26	08124040	PHAN THỊ BÍCH LIÊN	23/10/90	Nữ	3.08	141	Khá	1881/2012	Kỹ sư
27	08124041	NGUYỄN THỊ HỒNG LĨNH	19/05/89	Nữ	2.89	140	Khá	1882/2012	Kỹ sư
28	08124042	NGUYỄN THỊ CHÂU LONG	07/10/90	Nữ	2.96	141	Khá	1883/2012	Kỹ sư
29	08124044	NGUYỄN KHOA LUÂN	01/10/90	Nam	2.79	140	Khá	1884/2012	Kỹ sư
30	08124045	NGUYỄN ĐĂNG LUẬN	10/03/89	Nam	2.70	141	Khá	1885/2012	Kỹ sư
31	08124046	VŨ PHƯƠNG LY	03/04/90	Nữ	2.54	140	Khá	1886/2012	Kỹ sư
32	08124048	PHẠM THỊ MAY	18/09/89	Nữ	2.67	141	Khá	1887/2012	Kỹ sư
33	08124049	LÊ HOÀI NAM	23/07/90	Nam	2.63	141	Khá	1888/2012	Kỹ sư
34	08124050	NGUYỄN HOÀNG NAM	16/08/90	Nam	2.82	140	Khá	1889/2012	Kỹ sư
35	08124108	YA NIÊM	28/04/87	Nam	2.68	140	Khá	1890/2012	Kỹ sư
36	08124062	NGÔ VĂN QUYẾT	21/02/90	Nam	2.84	140	Khá	1891/2012	Kỹ sư
37	08124063	HUYỀNH NGỌC SƠN	03/03/90	Nam	2.98	140	Khá	1892/2012	Kỹ sư
38	08124064	PHAN THỊ THU SƯƠNG	10/05/90	Nữ	3.22	141	Giỏi	1893/2012	Kỹ sư
39	08124109	THÔNG THỊ THU SƯƠNG	10/01/89	Nữ	2.77	140	Khá	1894/2012	Kỹ sư
40	08124065	TRẦN THỊ THU SƯƠNG	28/11/89	Nữ	2.55	141	Khá	1895/2012	Kỹ sư
41	08124066	NGUYỄN MINH TÂM	11/02/90	Nam	2.39	140	Trung bình	1896/2012	Kỹ sư
42	08124068	HUYỀNH THỊ THA	01/01/90	Nữ	3.16	140	Khá	1897/2012	Kỹ sư
43	08124069	ĐỖ THỊ HỒNG THANH	07/03/90	Nữ	2.63	141	Khá	1898/2012	Kỹ sư
44	08124070	LÊ THỊ THANH	19/08/90	Nữ	2.89	140	Khá	1899/2012	Kỹ sư
45	08124071	NGUYỄN DUY THANH	27/10/90	Nam	2.83	141	Khá	1900/2012	Kỹ sư
46	08124072	NGUYỄN HOÀNG THÀNH	25/01/90	Nữ	2.50	140	Khá	1901/2012	Kỹ sư
47	08124073	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	12/12/89	Nữ	2.80	140	Khá	1902/2012	Kỹ sư
48	08124075	ĐINH TRẦN ĐỨC THIÊN	21/03/90	Nam	2.76	140	Khá	1903/2012	Kỹ sư
49	08124076	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THU	12/09/90	Nữ	3.07	141	Khá	1904/2012	Kỹ sư
50	08124078	NGUYỄN THỊ BÍCH THÚY	15/10/90	Nữ	2.72	140	Khá	1905/2012	Kỹ sư
51	08124079	TRẦN THỊ THÚY	06/04/90	Nữ	2.72	141	Khá	1906/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 51

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
52	08124080	LÊ THỊ MINH	THƯ	21/03/90	Nữ	2.80	141	Khá	1907/2012	Kỹ sư
53	08124081	HOÀNG VĂN	THỰC	20/04/90	Nam	2.66	140	Khá	1908/2012	Kỹ sư
54	08124082	LÊ TRUNG	TÍN	20/01/90	Nam	2.83	140	Khá	1909/2012	Kỹ sư
55	08124083	NGUYỄN HÀ	TRANG	12/10/90	Nữ	3.00	140	Khá	1910/2012	Kỹ sư
56	08124085	PHẠM THỊ NGỌC	TRANG	12/07/89	Nữ	2.86	141	Khá	1911/2012	Kỹ sư
57	08124087	BÙI VIỆT	TRÌNH	12/09/90	Nam	2.66	140	Khá	1912/2012	Kỹ sư
58	08124090	HUỖNH PHI	TRƯỜNG	06/11/90	Nam	2.49	140	Trung bình	1913/2012	Kỹ sư
59	08124094	UÔNG THỊ	TƯ	16/04/89	Nữ	2.89	141	Khá	1914/2012	Kỹ sư
60	08124095	TRỊNH XUÂN	TỬ	02/09/90	Nam	2.73	140	Khá	1915/2012	Kỹ sư
61	08124100	NGUYỄN THỊ ÁI	VIÊN	24/11/90	Nữ	3.14	140	Khá	1916/2012	Kỹ sư
62	08146129	LÊ THỊ	VINH	08/04/89	Nữ	2.80	141	Khá	1917/2012	Kỹ sư
63	08124101	NGÔ TRÍ	VINH	01/12/90	Nam	2.43	140	Trung bình	1918/2012	Kỹ sư
64	08124103	K' ĐĂNG PHAN LÂM	VŨ	01/03/90	Nam	2.41	141	Trung bình	1919/2012	Kỹ sư
65	08146130	TRỊNH MINH	VŨ	02/08/89	Nam	2.70	141	Khá	1920/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08TB										
1	08135001	NGUYỄN THỊ PHAN	ANH	18/03/90	Nữ	2.98	139	Khá	1921/2012	Kỹ sư
2	08135003	VŨ THỊ HỒNG	ÁNH	01/07/90	Nữ	3.18	139	Khá	1922/2012	Kỹ sư
3	08135004	NGUYỄN PHONG	BẢO	04/06/90	Nam	2.74	139	Khá	1923/2012	Kỹ sư
4	08135005	VŨ QUỐC	BÌNH	13/04/90	Nam	2.73	139	Khá	1924/2012	Kỹ sư
5	08135006	NGÔ NGỌC PHƯƠNG	CHÂU	08/02/90	Nữ	3.23	139	Giỏi	1925/2012	Kỹ sư
6	08135008	LÊ ĐÌNH	CHÍNH	06/01/88	Nam	2.58	141	Khá	1926/2012	Kỹ sư
7	08135009	TRẦN THÀNH	CÔNG	28/11/90	Nam	2.74	139	Khá	1927/2012	Kỹ sư
8	08135012	TRƯƠNG THỊ MỸ	DUYÊN	02/05/90	Nữ	3.15	139	Khá	1928/2012	Kỹ sư
9	08135015	VŨ THỊ	ĐẠI	15/02/90	Nữ	3.10	139	Khá	1929/2012	Kỹ sư
10	08135017	PHAN HẢI	ĐĂNG	24/01/89	Nam	2.90	139	Khá	1930/2012	Kỹ sư
11	07135088	ĐỖ TRỌNG	ĐỨC	09/06/88	Nam	2.65	148	Khá	1931/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 52

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
12	08135019	HUỲNH LÊ HÀ	25/05/90	Nữ	3.12	139	Khá	1932/2012	Kỹ sư
13	08135021	NGUYỄN MANH HẢI	28/10/90	Nam	2.63	139	Khá	1933/2012	Kỹ sư
14	08135022	NGUYỄN NGỌC HẠNH	10/06/90	Nữ	3.25	139	Giỏi	1934/2012	Kỹ sư
15	08135025	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	22/02/90	Nữ	3.07	139	Khá	1935/2012	Kỹ sư
16	08124032	ĐÌNH THỊ NGỌC HIỆP	12/07/90	Nữ	2.92	139	Khá	1936/2012	Kỹ sư
17	08135031	NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG	13/02/90	Nữ	2.83	139	Khá	1937/2012	Kỹ sư
18	08135033	PHAN TRẦN KHANG	24/03/90	Nam	2.45	139	Trung bình	1938/2012	Kỹ sư
19	08135035	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	25/10/90	Nam	2.63	139	Khá	1939/2012	Kỹ sư
20	08135036	NGUYỄN THÀNH LAM	12/09/90	Nam	2.96	139	Khá	1940/2012	Kỹ sư
21	08135038	PHẠM HUY LẬP	10/06/90	Nam	2.83	139	Khá	1941/2012	Kỹ sư
22	08135040	KIỀU THỊ MỸ LỆ	14/04/90	Nữ	2.90	139	Khá	1942/2012	Kỹ sư
23	08135042	ĐOÀN THUY YẾN LINH	07/02/90	Nữ	2.78	139	Khá	1943/2012	Kỹ sư
24	08135044	NGUYỄN THỊ LINH	15/03/90	Nữ	3.05	139	Khá	1944/2012	Kỹ sư
25	08135045	NGUYỄN VĂN LONG	26/10/88	Nam	2.28	140	Trung bình	1945/2012	Kỹ sư
26	08135048	PHẠM THỊ TRÀ LY	20/06/90	Nữ	3.25	139	Giỏi	1946/2012	Kỹ sư
27	08135050	CAO THỊ TRÚC MAI	/ /89	Nữ	2.85	139	Khá	1947/2012	Kỹ sư
28	08135051	TRẦN HOÀNG MINH	07/08/90	Nam	2.83	139	Khá	1948/2012	Kỹ sư
29	08135049	LÊ THỊ LY NA	29/06/90	Nữ	2.79	139	Khá	1949/2012	Kỹ sư
30	08135053	VÕ THỊ MỸ NGÀ	13/07/89	Nữ	3.15	139	Khá	1950/2012	Kỹ sư
31	08135055	LÊ ĐĂNG NGỌ	10/10/90	Nam	2.85	139	Khá	1951/2012	Kỹ sư
32	08135056	TẶNG BẢO NGỌC	25/04/90	Nữ	3.05	139	Khá	1952/2012	Kỹ sư
33	08135057	PHAN THỊ HẠNH NGUYỄN	21/08/90	Nữ	3.01	139	Khá	1953/2012	Kỹ sư
34	08135058	TRỊNH NHƯ NGUYỆT	10/08/90	Nữ	3.07	139	Khá	1954/2012	Kỹ sư
35	08135059	PHAN VIỆT NGŨ	07/05/90	Nam	2.74	139	Khá	1955/2012	Kỹ sư
36	08135060	BÙI THỊ THẨM NHANH	/ /89	Nữ	2.91	139	Khá	1956/2012	Kỹ sư
37	08135062	TÔ NGUYỄN TRỌNG NHÂN	10/08/90	Nam	2.84	139	Khá	1957/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 53

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
38	08135063	TRẦN THIÊN	NHÂN	15/12/90	Nam	3.02	139	Khá	1958/2012	Kỹ sư
39	08135064	TRỊNH MINH	NHÂN	10/09/90	Nam	2.87	139	Khá	1959/2012	Kỹ sư
40	08135066	HỒ THỊ THẢO	NHI	02/09/90	Nữ	3.29	139	Giỏi	1960/2012	Kỹ sư
41	08135067	PHAN YẾN	NHI	21/08/90	Nữ	3.09	139	Khá	1961/2012	Kỹ sư
42	08135069	VÕ THỊ TÚ	NI	05/05/90	Nữ	3.09	139	Khá	1962/2012	Kỹ sư
43	08135072	LÊ HỮU	PHÚC	19/02/90	Nam	2.61	141	Khá	1963/2012	Kỹ sư
44	08135073	LÊ THỊ	PHƯƠNG	20/09/90	Nữ	2.97	139	Khá	1964/2012	Kỹ sư
45	08135074	LÊ THỊ MAI	PHƯƠNG	24/04/90	Nữ	2.64	139	Khá	1965/2012	Kỹ sư
46	08135075	LƯU THỊ THU	PHƯƠNG	24/07/90	Nữ	3.05	139	Khá	1966/2012	Kỹ sư
47	08135076	PHẠM THỊ THÚY	PHƯƠNG	12/04/90	Nữ	2.50	139	Khá	1967/2012	Kỹ sư
48	08135079	VŨ VĂN	QUYẾT	07/08/90	Nam	2.71	140	Khá	1968/2012	Kỹ sư
49	08135080	NGUYỄN LƯU NHƯ	QUỲNH	24/03/90	Nữ	2.89	139	Khá	1969/2012	Kỹ sư
50	08135082	LÊ THANH	TÂM	27/11/90	Nam	2.73	141	Khá	1970/2012	Kỹ sư
51	08135089	TRẦN NGỌC	THÁI	10/02/90	Nam	2.53	139	Khá	1971/2012	Kỹ sư
52	08135084	NGUYỄN VĂN TÚ	THÀNH	15/08/89	Nam	2.56	139	Khá	1972/2012	Kỹ sư
53	08135085	CHU THỊ PHƯƠNG	THẢO	22/09/90	Nữ	2.83	139	Khá	1973/2012	Kỹ sư
54	08135087	TRẦN PHƯƠNG	THẢO	19/07/90	Nữ	2.73	139	Khá	1974/2012	Kỹ sư
55	08159005	NGUYỄN CÀNH	THIỆU	20/04/90	Nam	2.80	141	Khá	1975/2012	Kỹ sư
56	08135092	BÙI VƯƠNG	THỊNH	04/05/89	Nữ	2.44	139	Trung bình	1976/2012	Kỹ sư
57	08135096	LÊ THỊ PHƯƠNG	THÚY	09/07/90	Nữ	2.89	139	Khá	1977/2012	Kỹ sư
58	08135097	NGUYỄN THỊ HẰNG	THƯƠNG	28/09/90	Nữ	2.88	139	Khá	1978/2012	Kỹ sư
59	08135099	VŨ VIỆT	TÍN	04/07/90	Nam	2.93	139	Khá	1979/2012	Kỹ sư
60	08135100	NGUYỄN HẢI	TOÀN	26/08/89	Nam	2.76	141	Khá	1980/2012	Kỹ sư
61	08135101	DƯƠNG THỊ QUỲNH	TRANG	13/07/90	Nữ	3.17	139	Khá	1981/2012	Kỹ sư
62	08135104	LÊ THỊ LỆ	TRỊNH	27/03/90	Nữ	2.95	139	Khá	1982/2012	Kỹ sư
63	08135105	DƯ XUÂN	TRUNG	08/12/90	Nam	2.48	139	Trung bình	1983/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 54

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
64	08135110	DƯƠNG THỊ TÚ	06/12/90	Nữ	3.13	139	Khá	1984/2012	Kỹ sư
65	08135111	HUYỀN CẨM TÚ	07/07/90	Nam	2.43	139	Trung bình	1985/2012	Kỹ sư
66	08135109	NGUYỄN HOÀNG TUẤN	26/03/90	Nam	2.70	139	Khá	1986/2012	Kỹ sư
67	08135118	LÊ HOÀI VŨ	25/11/86	Nam	2.71	139	Khá	1987/2012	Kỹ sư
68	08135120	NGUYỄN PHI YẾN	27/12/90	Nữ	2.85	139	Khá	1988/2012	Kỹ sư
69	08135121	TRẦN BỘI YẾN	04/09/90	Nữ	3.33	139	Giỏi	1989/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08SH									
1	08126004	PHẠM HOÀNG ANH	05/12/90	Nam	3.52	140	Giỏi	1990/2012	Kỹ sư
2	08126006	TỬ THỊ ANH	09/10/90	Nữ	2.72	140	Khá	1991/2012	Kỹ sư
3	08126008	TRẦN MINH BẢO	09/08/89	Nam	2.52	140	Khá	1992/2012	Kỹ sư
4	08126024	MAI THỊ HỒNG DIỄM	09/01/90	Nữ	3.02	140	Khá	1993/2012	Kỹ sư
5	08126027	NGUYỄN THÙY DUNG	14/04/90	Nữ	2.61	140	Khá	1994/2012	Kỹ sư
6	08126041	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	21/05/90	Nam	2.79	140	Khá	1995/2012	Kỹ sư
7	08126044	BỒ BẢO GIANG	24/06/90	Nam	2.81	140	Khá	1996/2012	Kỹ sư
8	08126054	TRƯƠNG THỊ THU HẠ	15/09/90	Nữ	3.09	140	Khá	1997/2012	Kỹ sư
9	08126056	CAO NGỌC HẢI	20/03/89	Nam	2.74	140	Khá	1998/2012	Kỹ sư
10	08126058	CAO THỊ MỸ HẠNH	05/04/90	Nữ	3.35	140	Giỏi	1999/2012	Kỹ sư
11	08126059	NGUYỄN THỊ HỒNG HẠNH	27/09/90	Nữ	2.89	140	Khá	2000/2012	Kỹ sư
12	08126062	BÙI THỊ NGỌC HÂN	17/08/90	Nữ	3.12	140	Khá	2001/2012	Kỹ sư
13	08126067	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	22/11/90	Nữ	2.78	140	Khá	2002/2012	Kỹ sư
14	08126298	LÊ VĂN HIẾU	21/08/90	Nam	2.66	140	Khá	2003/2012	Kỹ sư
15	08126071	TRƯƠNG QUANG HIẾU	12/05/90	Nam	2.34	140	Trung bình	2004/2012	Kỹ sư
16	08126079	TRẦN VIỆT HỌC	01/01/90	Nam	2.83	140	Khá	2005/2012	Kỹ sư
17	08126080	PHẠM THANH HỒNG	25/08/90	Nữ	3.30	140	Giỏi	2006/2012	Kỹ sư
18	08126089	VÕ TẤN HÙNG	28/08/90	Nam	3.57	140	Giỏi	2007/2012	Kỹ sư
19	08126084	NGUYỄN QUỐC HUY	10/05/91	Nam	3.59	140	Giỏi	2008/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tin chi)

Trang 55

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
20	08126085	PHAN CHÂU HUY	22/02/90	Nam	2.89	140	Khá	2009/2012	Kỹ sư
21	08126090	LƯƠNG VĂN HÙNG	10/11/90	Nam	2.77	140	Khá	2010/2012	Kỹ sư
22	08126098	ONG TUẤN KHOA	08/07/89	Nam	3.11	140	Khá	2011/2012	Kỹ sư
23	08126099	VÕ MINH KHOA	17/02/90	Nam	2.93	140	Khá	2012/2012	Kỹ sư
24	08126107	LÊ XUÂN LINH	04/05/89	Nam	2.67	140	Khá	2013/2012	Kỹ sư
25	08126117	VÕ THỊ MỸ LỢI	20/07/90	Nữ	3.34	140	Giỏi	2014/2012	Kỹ sư
26	08126120	ĐỖ NGỌC THANH MAI	10/09/90	Nữ	3.09	140	Khá	2015/2012	Kỹ sư
27	08126122	PHẠM VĂN MẠNH	04/03/90	Nam	2.93	140	Khá	2016/2012	Kỹ sư
28	08126132	NGUYỄN NGỌC NGÂN	17/06/90	Nữ	2.84	140	Khá	2017/2012	Kỹ sư
29	08126137	NGUYỄN THỊ NGHĨA	30/07/90	Nữ	2.66	140	Khá	2018/2012	Kỹ sư
30	08126147	TRẦN HIẾU NHÂN	06/11/90	Nữ	2.77	140	Khá	2019/2012	Kỹ sư
31	08126152	LÊ QUỐC PHONG	19/05/90	Nam	2.57	140	Khá	2020/2012	Kỹ sư
32	08126155	LÊ ĐẠI PHÚC	16/09/89	Nam	2.38	140	Trung bình	2021/2012	Kỹ sư
33	08126167	HUỲNH THÁI QUI	06/08/88	Nam	2.59	140	Khá	2022/2012	Kỹ sư
34	08126172	HỒ ĐỨC QUYẾT	15/03/90	Nam	2.64	140	Khá	2023/2012	Kỹ sư
35	08126181	LÊ HỮU TÀI	27/01/90	Nam	3.30	140	Giỏi	2024/2012	Kỹ sư
36	08126193	ĐOÀN THỊ HIẾU THẢO	18/08/90	Nữ	2.70	140	Khá	2025/2012	Kỹ sư
37	08126208	NGUYỄN THỊ KIM THOA	24/11/90	Nữ	3.33	140	Giỏi	2026/2012	Kỹ sư
38	08126218	PHẠM TRẦN VŨ THƯ	26/03/90	Nữ	3.13	140	Khá	2027/2012	Kỹ sư
39	08126230	LÊ THỊ HIỀN TRANG	04/05/91	Nữ	2.91	140	Khá	2028/2012	Kỹ sư
40	08126231	NGUYỄN THỊ THU TRANG	20/08/90	Nữ	3.25	140	Giỏi	2029/2012	Kỹ sư
41	08126233	TRẦN THUY TRANG	21/03/90	Nữ	3.13	140	Khá	2030/2012	Kỹ sư
42	08126236	NGUYỄN THỊ HỒNG TRÂM	05/01/90	Nữ	2.83	140	Khá	2031/2012	Kỹ sư
43	08126265	NGUYỄN XUÂN TUẤN	17/12/90	Nam	3.05	140	Khá	2032/2012	Kỹ sư
44	08126266	TÔN LONG TUẤN	16/07/90	Nam	2.99	140	Khá	2033/2012	Kỹ sư
45	08126268	ĐẶNG THỊ THANH TUYỀN	13/07/90	Nữ	2.90	140	Khá	2034/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 56

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
46	08126270	NGUYỄN HỮU TUYÊN	06/08/90	Nam	2.79	140	Khá	2035/2012	Kỹ sư
47	08126271	LÊ THỊ ÁNH	20/11/90	Nữ	2.79	140	Khá	2036/2012	Kỹ sư
48	08126278	DƯƠNG MINH THỦY	28/02/90	Nữ	2.77	140	Khá	2037/2012	Kỹ sư
49	08126284	ĐÀO THỊ VI	02/09/90	Nữ	2.99	140	Khá	2038/2012	Kỹ sư
50	08126294	VŨ TRƯỜNG	01/01/90	Nam	2.54	140	Khá	2039/2012	Kỹ sư
51	08126295	PHAN THỊ NGỌC	25/01/90	Nữ	3.07	140	Khá	2040/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08SK									
1	08158014	MAI VĂN BƯỜNG	09/12/89	Nam	2.36	139	Trung bình	2041/2012	Cử nhân
2	08158020	TRẦN VÕ THÙY	13/02/90	Nữ	3.24	140	Giỏi	2042/2012	Cử nhân
3	08158042	HUỲNH TẤN	09/12/90	Nam	2.93	140	Khá	2043/2012	Cử nhân
4	08158044	TRẦN THANH HẢI	05/07/89	Nam	2.57	140	Khá	2044/2012	Cử nhân
5	08158046	VÕ THỊ MỸ	06/03/90	Nữ	3.14	140	Khá	2045/2012	Cử nhân
6	07158011	NGUYỄN VĂN HIỀN	17/07/88	Nam	2.73	146	Khá	2046/2012	Cử nhân
7	08158195	HUỲNH THỊ NGỌC	21/12/89	Nữ	2.48	140	Trung bình	2047/2012	Cử nhân
8	08158076	HỒ CHÍ KHOA	04/11/90	Nam	2.63	140	Khá	2048/2012	Cử nhân
9	08158081	ĐÀO NGỌC LAN	05/12/90	Nữ	2.75	140	Khá	2049/2012	Cử nhân
10	08158086	CHUNG THỊ THÙY	08/10/89	Nữ	2.67	140	Khá	2050/2012	Cử nhân
11	08158087	PHAN THỊ MINH LIÊN	09/08/90	Nữ	2.73	140	Khá	2051/2012	Cử nhân
12	08158088	NGUYỄN LÊ NGỌC LINH	20/08/90	Nữ	2.85	141	Khá	2052/2012	Cử nhân
13	08158096	TRẦN THỊ LỘC	13/08/89	Nữ	2.95	140	Khá	2053/2012	Cử nhân
14	08158097	BÙI QUANG LỢI	05/08/90	Nam	2.34	140	Trung bình	2054/2012	Cử nhân
15	08158100	TRẦN THỊ LƯƠNG	20/10/89	Nữ	3.12	140	Khá	2055/2012	Cử nhân
16	08158113	ĐẶNG HỮU NGHĨA	26/11/90	Nam	3.00	140	Khá	2056/2012	Cử nhân
17	08158118	LÊ MINH NHẬT	26/12/90	Nam	2.58	140	Khá	2057/2012	Cử nhân
18	08158196	NGUYỄN BÁ MẠNH QUÂN	11/04/86	Nữ	2.36	139	Trung bình	2058/2012	Cử nhân
19	08158161	PHẠM THỊ THU THÙY	12/10/90	Nữ	2.94	140	Khá	2059/2012	Cử nhân

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 57

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
20	08158170	NGUYỄN HỮU MINH	TRÍ	25/03/90	Nam	2.84	140	Khá	2060/2012	Cử nhân
21	08158180	PHAN BÀ	TÙNG	03/09/90	Nam	2.65	141	Khá	2061/2012	Cử nhân
22	08158181	TRẦN SƠN	TÙNG	29/09/90	Nam	2.78	140	Khá	2062/2012	Cử nhân
23	08158187	TRẦN THỊ	VINH	06/12/90	Nữ	2.83	140	Khá	2063/2012	Cử nhân
Lớp: DH08SP										
1	08132014	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	14/02/90	Nữ	2.70	140	Khá	2064/2012	Cử nhân
2	08132022	TRẦN THỊ	HẬU	25/12/90	Nữ	2.63	140	Khá	2065/2012	Cử nhân
3	08132056	VŨ THỊ	THÁI	20/05/90	Nữ	2.84	140	Khá	2066/2012	Cử nhân
4	08132072	LÊ THỊ KIM	YẾN	11/11/89	Nữ	2.82	140	Khá	2067/2012	Cử nhân
Lớp: DH08DT										
1	08130048	PHAN ĐÌNH	LONG	02/09/90	Nam	3.07	143	Khá	2068/2012	Kỹ sư
2	08130062	LÂM THÀNH	PHÁT	28/10/90	Nam	2.95	141	Khá	2069/2012	Kỹ sư
3	08130075	LÊ ĐỨC	QUYÊN	01/01/90	Nam	3.24	145	Giỏi	2070/2012	Kỹ sư
4	08130081	CAO NGÔ NHẬT	THANH	31/12/90	Nam	2.65	142	Khá	2071/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08BQ										
1	08125024	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	DIỆP	02/09/90	Nữ	2.35	140	Trung bình	2072/2012	Kỹ sư
2	08125051	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	18/06/90	Nữ	2.53	142	Khá	2073/2012	Kỹ sư
3	08125053	PHẠM THỊ	HẠNH	13/04/89	Nữ	2.37	140	Trung bình	2074/2012	Kỹ sư
4	08125059	BÙI HẢI	HẬU	08/08/89	Nữ	2.91	143	Khá	2075/2012	Kỹ sư
5	08125072	NGUYỄN THANH	HÒA	20/01/90	Nam	2.70	141	Khá	2076/2012	Kỹ sư
6	08125082	MAI THỊ	HƯƠNG	15/11/90	Nữ	2.68	140	Khá	2077/2012	Kỹ sư
7	08125091	TRẦN MINH	KHOA	13/02/90	Nam	2.88	140	Khá	2078/2012	Kỹ sư
8	08125093	DIỆM THỊ	KHUYẾN	06/04/90	Nữ	3.01	143	Khá	2079/2012	Kỹ sư
9	08125103	NGUYỄN NGỌC	LÂM	23/10/90	Nam	3.18	140	Khá	2080/2012	Kỹ sư
10	08125129	TRẦN NGUYỄN HOÀNG	NGÂN	08/12/90	Nữ	2.35	140	Trung bình	2081/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 58

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
11	08125138	NGUYỄN HUỲNH THẢO	NGUYỄN	26/06/90	NỮ	2.75	140	Khá	2082/2012	Kỹ sư
12	08125154	BÙI THỊ DIỄM	PHUONG	29/07/90	NỮ	2.91	140	Khá	2083/2012	Kỹ sư
13	08125183	NGUYỄN MINH	THÀNH	30/08/90	Nam	2.34	140	Trung bình	2084/2012	Kỹ sư
14	08125188	NGUYỄN THỊ	THÊM	24/03/90	NỮ	2.61	140	Khá	2085/2012	Kỹ sư
15	08125201	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	11/09/90	NỮ	2.75	142	Khá	2086/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08DD										
1	08148006	ĐỒNG KHẮC	BIÊN	10/09/84	Nam	2.55	139	Khá	2087/2012	Kỹ sư
2	08148010	NGUYỄN THỦY	CẨM	20/04/90	NỮ	2.89	137	Khá	2088/2012	Kỹ sư
3	08148025	ĐỖ QUANG	DŨNG	13/04/90	Nam	2.48	140	Trung bình	2089/2012	Kỹ sư
4	08148050	NGUYỄN THỊ MAI	HÂN	12/02/90	NỮ	2.71	139	Khá	2090/2012	Kỹ sư
5	08148062	PHAN THỊ ÁNH	HỒNG	01/04/90	NỮ	2.49	137	Trung bình	2091/2012	Kỹ sư
6	08148070	NGUYỄN VĂN	KHÁNH	25/08/89	Nam	2.29	137	Trung bình	2092/2012	Kỹ sư
7	08148071	TRẦN NGÔ HỒNG ĐĂNG	KHOA	03/11/90	Nam	2.91	138	Khá	2093/2012	Kỹ sư
8	08148118	NGUYỄN THỊ MỸ	NƯONG	19/12/90	NỮ	2.51	137	Khá	2094/2012	Kỹ sư
9	08148128	NGUYỄN NGỌC DIỄM	PHÚC	16/05/90	NỮ	2.70	139	Khá	2095/2012	Kỹ sư
10	08148137	ĐIỀU NGỌC NHƯ	QUỲNH	06/09/90	NỮ	2.13	137	Trung bình	2096/2012	Kỹ sư
11	08148174	NGUYỄN THỊ THỦY	TIỀN	02/01/90	NỮ	3.00	137	Khá	2097/2012	Kỹ sư
12	08148175	VŨ THỊ HÀ	TIỀN	21/02/90	NỮ	2.66	137	Khá	2098/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08VT										
1	08156002	NGUYỄN THỊ THỦY	AN	06/11/90	NỮ	3.09	138	Khá	2099/2012	Kỹ sư
2	08156005	NGUYỄN THỊ	ÁNH	12/12/90	NỮ	3.38	138	Giỏi	2100/2012	Kỹ sư
3	08156012	HÀ THỊ	DUYÊN	04/10/90	NỮ	2.61	140	Khá	2101/2012	Kỹ sư
4	06156031	TRẦN THỊ DIỆU	HỒNG	14/10/88	NỮ	2.30	156	Trung bình	2102/2012	Kỹ sư
5	08156024	TRẦN TIỀN	HUYỀN	01/01/90	NỮ	2.97	138	Khá	2103/2012	Kỹ sư
6	08156031	TRƯƠNG THỊ	HƯỜNG	06/07/89	NỮ	3.02	139	Khá	2104/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tin chỉ)

Trang 59

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
7	08156041	VÕ THỊ TRÚC	LINH	16/11/90	NỮ	3.47	140	Giỏi	2105/2012	Kỹ sư
8	08156053	LÊ THỊ HỒNG	NGHI	03/10/89	NỮ	2.59	139	Khá	2106/2012	Kỹ sư
9	08156083	THỖ THỊ THU	THÚY	08/12/90	NỮ	2.67	138	Khá	2107/2012	Kỹ sư
10	08156091	PHẠM THÚY	TRANG	19/04/90	NỮ	2.82	138	Khá	2108/2012	Kỹ sư
11	08156092	ĐỖ BÍCH	TRÂM	10/04/90	NỮ	2.88	138	Khá	2109/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08CT										
1	08117001	BÙI THỊ THÚY	AN	15/01/90	NỮ	2.63	141	Khá	2110/2012	Kỹ sư
2	08117009	TRẦN PHẠM THÙY	ANH	07/06/90	NỮ	2.69	140	Khá	2111/2012	Kỹ sư
3	08117021	HUỖNH THỊ BÉ	DIỄM	10/01/90	NỮ	2.75	141	Khá	2112/2012	Kỹ sư
4	08117029	NGUYỄN NGỌC HẠNH	DUYỀN	08/07/90	NỮ	2.93	141	Khá	2113/2012	Kỹ sư
5	08117036	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	04/07/90	NỮ	3.27	141	Giỏi	2114/2012	Kỹ sư
6	08117045	LÊ NGỌC	HÂN	04/09/90	NỮ	2.69	141	Khá	2115/2012	Kỹ sư
7	08117050	HUỖNH THỊ	HIỀN	06/02/90	NỮ	2.93	141	Khá	2116/2012	Kỹ sư
8	08117055	PHẠM THỊ	HIỀN	10/12/90	NỮ	2.60	141	Khá	2117/2012	Kỹ sư
9	08117061	MAI LÊ NGỌC	HIỀN	01/12/90	NỮ	2.67	140	Khá	2118/2012	Kỹ sư
10	08117057	NGUYỄN THỊ THU	HIẾU	18/02/90	NỮ	2.73	141	Khá	2119/2012	Kỹ sư
11	08117077	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	20/09/90	NỮ	2.82	141	Khá	2120/2012	Kỹ sư
12	08117078	TRẦN THỊ	HƯƠNG	07/12/90	NỮ	2.57	141	Khá	2121/2012	Kỹ sư
13	08117081	ĐỖ DUY	KHANH	25/01/90	Nam	3.28	141	Giỏi	2122/2012	Kỹ sư
14	08117091	ĐỒNG THỊ TUYẾT	LAN	12/11/90	NỮ	2.88	140	Khá	2123/2012	Kỹ sư
15	08117093	NGUYỄN VĂN	LÂM	29/11/90	Nam	2.83	141	Khá	2124/2012	Kỹ sư
16	08117109	LÊ ĐỨC	LỘC	08/02/90	Nam	2.65	141	Khá	2125/2012	Kỹ sư
17	08117134	NGUYỄN THỊ	NHÂN	16/03/90	NỮ	2.92	141	Khá	2126/2012	Kỹ sư
18	08117138	ĐẶNG THỊ CẨM	NHUNG	18/01/90	NỮ	2.67	141	Khá	2127/2012	Kỹ sư
19	08117142	HỒ NGỌC	PHÁT	25/10/90	Nam	2.49	141	Trung bình	2128/2012	Kỹ sư
20	08117147	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	15/04/90	NỮ	3.14	141	Khá	2129/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 60

STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
21	08117160	TRẦN THANH	SINH	/ /87	Nam	2.80	141	Khá	2130/2012	Kỹ sư
22	08117168	TRẦN THỊ MINH	TÂM	/ /89	Nữ	3.02	140	Khá	2131/2012	Kỹ sư
23	08117182	PHẠM HỒNG	THÁI	15/10/90	Nam	2.88	141	Khá	2132/2012	Kỹ sư
24	08117171	NGUYỄN THỊ KIM	THANH	13/05/89	Nữ	2.75	141	Khá	2133/2012	Kỹ sư
25	08117174	NGUYỄN TÂN	THÀNH	19/09/90	Nam	2.87	141	Khá	2134/2012	Kỹ sư
26	08117178	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	09/05/90	Nữ	2.90	141	Khá	2135/2012	Kỹ sư
27	08117183	LÊ THỊ HOÀNG	THẨM	01/03/90	Nữ	2.98	141	Khá	2136/2012	Kỹ sư
28	08117193	HUỲNH THỊ	THU	10/11/90	Nữ	2.62	141	Khá	2137/2012	Kỹ sư
29	08117195	HỒ THỊ KIM	THUYỀN	30/07/90	Nữ	3.30	140	Giỏi	2138/2012	Kỹ sư
30	08117201	HỨA THỊ MỸ	TIẾN	13/07/90	Nữ	3.16	141	Khá	2139/2012	Kỹ sư
31	08117222	LÂM THANH	TUẤN	10/05/90	Nam	2.59	141	Khá	2140/2012	Kỹ sư
32	08117226	ĐÀO THỊ KIM	TUYỀN	01/05/90	Nữ	2.88	140	Khá	2141/2012	Kỹ sư
33	08117227	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	04/08/90	Nữ	2.64	141	Khá	2142/2012	Kỹ sư
34	08117229	TRẦN THỊ KIM	TUYỀN	14/12/89	Nữ	2.60	141	Khá	2143/2012	Kỹ sư
35	08117231	HỒ NGUYỄN KHÁNH	UYÊN	28/03/90	Nữ	2.97	141	Khá	2144/2012	Kỹ sư
36	08117232	NGUYỄN THỊ ÁI	VÂN	22/09/90	Nữ	2.85	141	Khá	2145/2012	Kỹ sư
37	08117238	PHAN THỊ	VUI	10/11/90	Nữ	2.64	141	Khá	2146/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08NT										
1	08116001	NGUYỄN TRƯỜNG	AN	27/05/90	Nam	2.72	140	Khá	2147/2012	Kỹ sư
2	08116003	TRẦN THỊ KIM	ANH	27/06/90	Nữ	2.61	140	Khá	2148/2012	Kỹ sư
3	08116005	VĂN ĐỖ TUẤN	ANH	05/04/90	Nam	3.19	140	Khá	2149/2012	Kỹ sư
4	08116018	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	07/11/90	Nam	2.27	140	Trung bình	2150/2012	Kỹ sư
5	08116027	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	31/01/90	Nam	2.69	140	Khá	2151/2012	Kỹ sư
6	08116043	TRƯƠNG THỊ THÚY	HẰNG	07/12/90	Nữ	2.87	140	Khá	2152/2012	Kỹ sư
7	08116049	NGUYỄN MINH	HIẾU	20/07/90	Nam	3.28	141	Giỏi	2153/2012	Kỹ sư
8	08116052	NGUYỄN THÁI	HÒA	/ /90	Nam	3.07	140	Khá	2154/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tín chỉ)

Trang 61

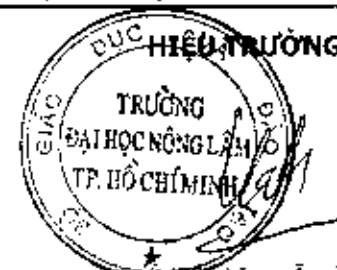
STT	Mã SV	Họ Và Tên		Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
9	08116066	HỒ TRUNG	HƯNG	23/04/90	Nam	2.84	140	Khá	2155/2012	Kỹ sư
10	08116074	HỒ THỊ NHƯ	KHÁNH	06/06/90	Nữ	3.23	140	Giỏi	2156/2012	Kỹ sư
11	08116078	NGUYỄN HUY	LÂM	02/09/87	Nam	2.87	140	Khá	2157/2012	Kỹ sư
12	08116079	TRẦN VĂN	LẬP	15/07/90	Nam	2.99	140	Khá	2158/2012	Kỹ sư
13	08116088	NGUYỄN NHƯ	LÝ	29/11/90	Nam	2.50	141	Khá	2159/2012	Kỹ sư
14	08116095	NGUYỄN TÀI	NĂNG	16/10/90	Nam	2.56	140	Khá	2160/2012	Kỹ sư
15	08116096	TRẦN THỊ PHƯƠNG	NGA	01/08/89	Nữ	2.84	140	Khá	2161/2012	Kỹ sư
16	08116099	LÊ DANH	NGỌC	19/04/89	Nam	2.66	140	Khá	2162/2012	Kỹ sư
17	08116102	VÕ HỒNG	NGUYỄN	15/08/89	Nam	3.52	140	Giỏi	2163/2012	Kỹ sư
18	08116108	VŨ THỊ NGỌC	NHUNG	09/08/90	Nữ	3.22	141	Giỏi	2164/2012	Kỹ sư
19	08116110	THẠCH ANH	PHA	29/11/90	Nam	2.54	141	Khá	2165/2012	Kỹ sư
20	08116115	LÊ ANH	PHONG	02/04/90	Nam	3.28	141	Giỏi	2166/2012	Kỹ sư
21	08116129	THIỆU VĂN	QUANG	28/10/90	Nam	2.17	140	Trung bình	2167/2012	Kỹ sư
22	08116145	TRẦN NAM	TÂN	17/04/90	Nam	3.03	140	Khá	2168/2012	Kỹ sư
23	08116149	LÊ NGUYỄN XUÂN	THẢO	23/02/90	Nữ	2.62	140	Khá	2169/2012	Kỹ sư
24	08116164	LÝ ANH	THUẬT	09/09/90	Nam	2.56	140	Khá	2170/2012	Kỹ sư
25	08116180	NGUYỄN THỦY ĐOAN	TRINH	20/03/90	Nữ	2.88	140	Khá	2171/2012	Kỹ sư
26	08116183	NGUYỄN NGỌC	TRƯỜNG	20/05/90	Nam	2.51	140	Khá	2172/2012	Kỹ sư
27	08116212	TRẦN NGỌC HẢI	YẾN	29/07/90	Nữ	2.52	140	Khá	2173/2012	Kỹ sư
Lớp: DH08NY										
1	08141067	NGUYỄN CÔNG	BĂNG	18/07/90	Nam	2.78	142	Khá	2174/2012	Kỹ sư
2	08141073	HUỖNH TẤN	DŨNG	03/03/90	Nam	2.22	142	Trung bình	2175/2012	Kỹ sư
3	08141006	PHAN NHẬT	DUY	23/04/90	Nam	2.46	142	Trung bình	2176/2012	Kỹ sư
4	08141079	LÊ THÀNH	ĐĂNG	06/02/90	Nam	2.80	141	Khá	2177/2012	Kỹ sư
5	08141086	VÕ THỊ HƯƠNG	GIANG	10/02/90	Nữ	2.49	141	Trung bình	2178/2012	Kỹ sư
6	08141012	TRẦN NGỌC	HẢI	07/07/90	Nam	2.19	141	Trung bình	2179/2012	Kỹ sư

DANH SÁCH SINH VIÊN TỐT NGHIỆP

Hệ Đào Tạo: Đại học chính quy (Tin chi)

Trang 62

STT	Mã SV	Họ Và Tên	Ng/Sinh	Phái	ĐTB	TC	Xếp loại	Số vào sổ	Danh hiệu
7	08141084	ĐOÀN THY HÂN	16/06/90	NỮ	2.20	141	Trung bình	2180/2012	Kỹ sư
8	08141161	THẾ THỊ XUÂN HIỆP	/ /89	NỮ	2.51	141	Khá	2181/2012	Kỹ sư
9	08141018	NGUYỄN XUÂN HOÀNG	15/09/90	Nam	3.15	141	Khá	2182/2012	Kỹ sư
10	08141021	NGUYỄN ĐĂNG HÙNG	29/10/88	Nam	2.38	143	Trung bình	2183/2012	Kỹ sư
11	08141022	TÔN NỮ NGUYỄN HUƠNG	31/01/88	NỮ	2.84	141	Khá	2184/2012	Kỹ sư
12	08141096	LÊ THỊ BÍCH LIÊU	03/11/90	NỮ	3.30	140	Giỏi	2185/2012	Kỹ sư
13	08141105	MAI THỊ NGÀ	14/06/90	NỮ	3.07	142	Khá	2186/2012	Kỹ sư
14	08141029	NGUYỄN THỊ HUỲNH NGÀ	26/04/90	NỮ	2.37	141	Trung bình	2187/2012	Kỹ sư
15	08141113	NGÔ LÂM TRUNG NGUYỄN	01/07/90	Nam	3.28	140	Giỏi	2188/2012	Kỹ sư
16	08141033	NGUYỄN THỊ KIỀU NƯƠNG	/ /90	NỮ	2.99	141	Khá	2189/2012	Kỹ sư
17	08141118	LÂM HỒNG PHƯƠNG	02/10/90	NỮ	3.14	144	Khá	2190/2012	Kỹ sư
18	08141123	NGUYỄN MINH QUÂN	07/04/90	Nam	2.80	143	Khá	2191/2012	Kỹ sư
19	08141038	NINH TÔ RÍT	12/10/91	Nam	2.11	141	Trung bình	2192/2012	Kỹ sư
20	08141128	PHẠM THỊ THU SƯƠNG	25/01/90	NỮ	2.96	142	Khá	2193/2012	Kỹ sư
21	08141041	NGUYỄN THỊ TRANG THANH	02/11/90	NỮ	2.82	141	Khá	2194/2012	Kỹ sư
22	08141044	DƯ THỊ NGỌC THẢO	/ /89	NỮ	3.09	140	Khá	2195/2012	Kỹ sư
23	08141049	NGUYỄN THỊ CẨM THƠ	09/01/90	NỮ	2.72	141	Khá	2196/2012	Kỹ sư
24	08141059	CÙ MINH TRÍ	15/10/90	Nam	2.92	142	Khá	2197/2012	Kỹ sư
25	08141154	NGUYỄN TÀI TÚ	26/01/90	Nam	2.94	141	Khá	2198/2012	Kỹ sư
26	08141063	PHAN THỊ BÍCH TUYỀN	02/06/89	NỮ	2.93	141	Khá	2199/2012	Kỹ sư



PGS.TS. Nguyễn Hay